



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2015



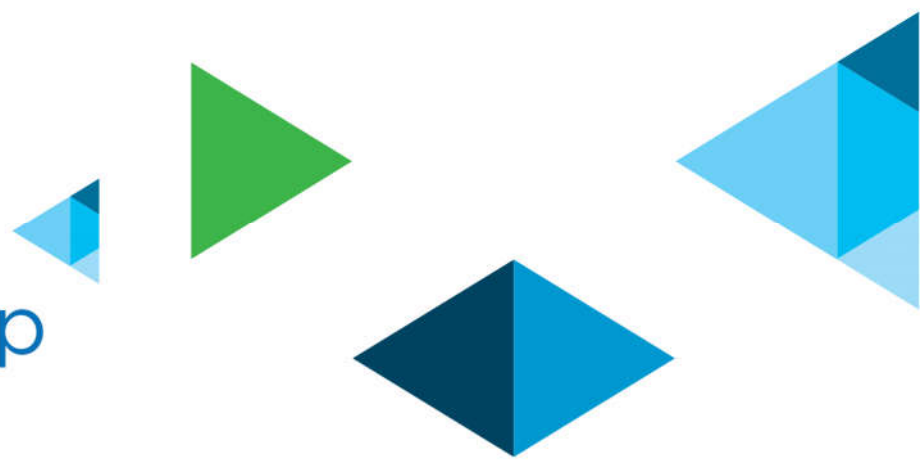


Mục lục

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	05
Tổng quan về công ty	07
Viglacera và 10 sự kiện nổi bật nhất năm 2015	08
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của công ty	11
Quá trình hình thành và phát triển	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
Mục tiêu phát triển	18
Nhân sự chủ chốt & Sơ đồ tổ chức	20
Chiến lược phát triển	26
Chiến lược kinh doanh	28
Các hoạt động mang tính chiến lược	36
Hợp tác quốc tế	44
Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2015	48
Tổng quan hoạt động & kết quả kinh doanh năm 2015 của công ty	50
Các chỉ tiêu tài chính nổi bật 2015	54
Kế hoạch kinh doanh 2016	58
Báo cáo của Ban điều hành	62
Giới thiệu công ty con	70
Báo cáo quản trị doanh nghiệp	72
Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản Trị	74
Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát	82
Báo cáo Quản trị rủi ro	86
Báo cáo phát triển bền vững	88
Định hướng khách hàng - Chất lượng sản phẩm - Trách nhiệm xã hội	90
Thông tin khác	92
Thông tin cổ đông và Quản trị công ty	94
Thông tin doanh nghiệp	95
Báo cáo tài chính năm 2015	96
Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ	103
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán + Thuyết minh	113

Các con số được sử dụng tại bảng biểu trong báo cáo này sử dụng tiêu chuẩn quốc tế (Anh-Mỹ) về dấu (.) và dấu (,). Sau dấu (.) sẽ là phần thập phân. Ví dụ 1.1 sẽ được đọc là một phẩy một. Còn 1,000 sẽ được đọc là một nghìn.





Thông điệp Chủ tịch

Thưa các cổ đông và toàn thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty,

Năm 2015 là một năm hoạt động trọn vẹn của Tổng công ty Viglacera – CTCP theo mô hình công ty cổ phần, Tổng công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội cổ đông đầu năm đã thông qua, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, hoàn thành vượt mức 167%, cổ tức tăng 14%. Lĩnh vực vật liệu, các sản phẩm mang lại lợi nhuận cao là kính xây dựng, sứ - sen vòi, gạch ốp lát và gạch cotto; lĩnh vực bất động sản ổn định với sản phẩm hạ tầng khu công nghiệp và nhà ở xã hội.

Với định hướng chiến lược đã đề ra: Tập trung phát triển hai lĩnh vực vật liệu xây dựng truyền thống và đầu tư kinh doanh bất động sản, tạo thế phát triển cân bằng ổn định và có sự hỗ trợ nhau trong quá trình phát triển. Lĩnh vực vật liệu với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, có sự cạnh tranh cao trên thị trường, đem lại hiệu quả sử dụng và kinh tế cao. Lĩnh vực bất động sản với thế mạnh phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cùng với việc phát triển đô thị và nhà ở với các sản phẩm nhà ở cao cấp và nhà ở xã hội phù hợp với nhu cầu của thị trường cũng là sự lựa chọn đúng đắn trong năm 2015.

Một năm qua cũng là thời gian để hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, ngoài việc đẩy mạnh phát triển kinh doanh Tổng công ty đã và đang thực hiện quản lý Tổng công ty là một công ty đại chúng, hoạt động ngày càng minh bạch, với mục

tiêu lợi ích của các cổ đông là trên hết kết hợp với sự phát triển bền vững của Tổng công ty và lợi ích của toàn bộ cán bộ công nhân viên

Thưa Quý vị,

Lãnh đạo Tổng công ty vô cùng trân trọng và tri ân công sức đóng góp của tập thể cán bộ công nhân viên Viglacera cũng như sự đóng góp chia sẻ của quý vị cổ đông để Viglacera có được những thành tựu của năm vừa qua. Bước sang năm 2016, năm đầu tiên của Kế hoạch 2016-2020, Tổng công ty Viglacera tiếp tục tập trung đầu tư phát triển trên cơ sở 3 trụ cột chính là công nghệ, nguồn nhân lực và vốn để nâng Tổng công ty lên tầm cao mới, hội nhập kinh tế quốc tế. Trước mắt trong năm 2016, nhằm đạt được các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra, Chúng tôi mong toàn thể quý vị, các cán bộ công nhân viên Viglacera tiếp tục đồng lòng nhất trí góp sức và ủng hộ Chúng tôi xây dựng phát triển Tổng công ty Viglacera trở thành một Tổng công ty có thương hiệu mạnh, phát triển bền vững, các sản phẩm ngày càng được ưa chuộng hơn trên thị trường, có tính cạnh tranh cao, đem lại hiệu quả lớn để thương hiệu Viglacera Tiên phong công nghệ xanh, tự hào thương hiệu Việt

Trân trọng,



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Luyện Công Minh



TỔNG QUAN TỔNG CÔNG TY



Với tình hình thị trường bất động sản bắt đầu khởi sắc, năm 2015 trở thành bước đệm phục hồi của nhiều doanh nghiệp địa ốc và vật liệu xây dựng. Đặc biệt, trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, năm 2015 đã trở thành thời cơ tốt để Viglacera tăng tốc phát triển và khẳng định vị trí với nhiều dấu mốc quan trọng. Bên cạnh đó, cơ hội bứt phá của Viglacera lớn hơn khi chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần.

Năm đầu tiên Viglacera hoạt động trọn vẹn theo mô hình công ty cổ phần với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ



Viglacera Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đạt tiêu chuẩn Anh Quốc được Hội đồng Anh trao Chứng nhận đạt chuẩn Vương Quốc Anh.



Viglacera hoàn thành công tác đầu tư, xây dựng về lĩnh vực NOXH tại KĐT Đặng Xá – Gia Lâm – Hà Nội và tiên phong trong chiến lược phát triển NOXH cho thuê tại Hà Nội



Hoàn thành KH SXKD năm giai đoạn năm 2011 – 2015; phê duyệt kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 – 2020



Viglacera tiên phong trong sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao tại Việt Nam với Kính tiết kiệm năng lượng Viglacera.



01 03 05
02 04

Viglacera

& 10 sự kiện nổi bật nhất năm 2015

Viglacera từng bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài và đặt dấu mốc đầu tiên tại Cộng hòa Cuba.



Viglacera ra mắt nhiều loại vật liệu xây dựng thông minh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường Viglacera.



Lần thứ 2 liên tiếp Viglacera - Thương hiệu quốc gia đạt "Giải Vàng Chất lượng và dịch vụ quốc tế"; đồng thời 6 năm liên tiếp đạt giải "Thương hiệu mạnh"



Viglacera liên tiếp mở rộng đầu tư Khu công nghiệp tại miền Bắc, miền Trung.



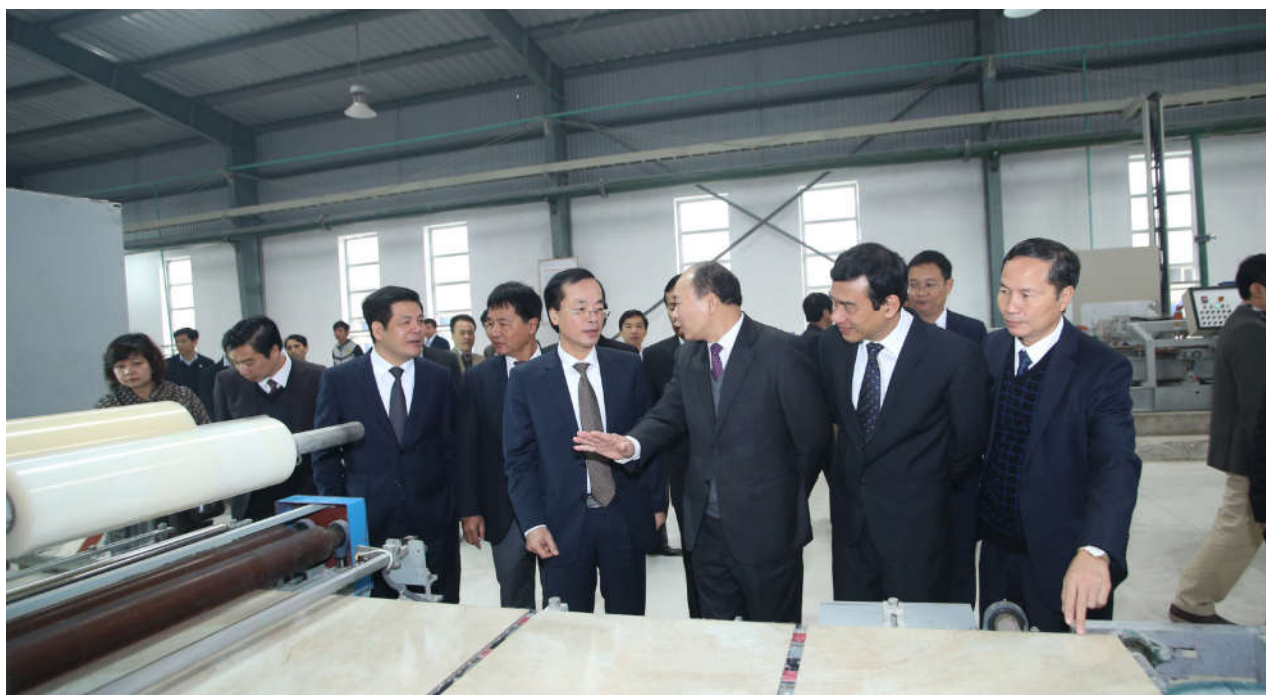
Thành lập Công ty CP Visaho - Viglacera nâng cấp lĩnh vực quản lý và vận hành các dự án bất động sản đạt tiêu chuẩn quốc tế.





TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ XANH TỰ HÀO THƯƠNG HIỆU VIỆT

VIGLACERA - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



Giá trị cốt lõi

Tiên phong: Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, Viglacera luôn khẳng định được vị trí dẫn đầu và thể hiện vai trò dẫn dắt trong các lĩnh vực hoạt động của mình

Năng động: Viglacera luôn chủ động, ứng biến nhanh với thay đổi của thị trường và xã hội: Người Viglacera luôn tìm kiếm những cách làm mới tốt hơn và tối ưu phương pháp xử lý công việc để đạt được kết quả đề ra.

Sáng tạo: Viglacera luôn tìm kiếm những cách làm mới tốt hơn và tối ưu phương pháp xử lý công việc để đạt được kết quả đề ra.

Kiên trì: Viglacera sẵn sàng đối mặt với khó khăn, vững vàng và bản lĩnh để vượt qua khó khăn

Định hướng khách hàng: Viglacera luôn đặt chất lượng là sự thỏa mãn của khách hàng, không ngừng tìm hiểu các nhu cầu của khách hàng và xây dựng nguồn lực để đáp ứng nhu cầu đó một cách tốt nhất.

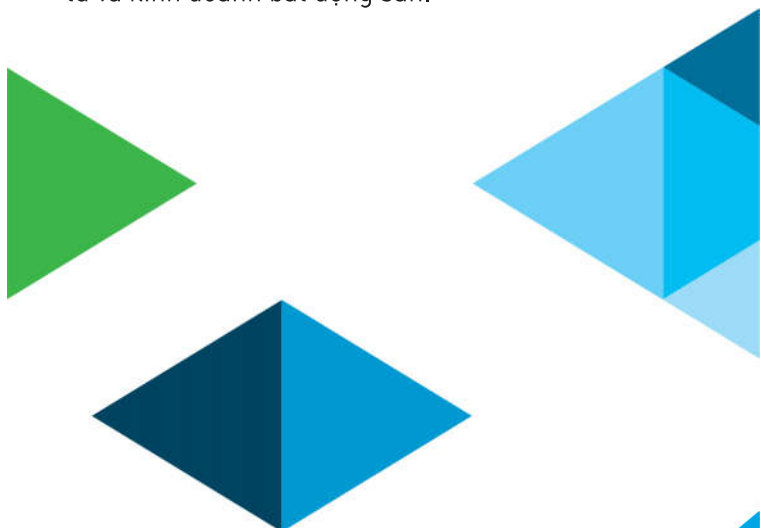
Chất lượng: Viglacera cam kết tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao nhất

Tầm nhìn

Viglacera quyết tâm giữ vững vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam; Phát triển, bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu trong nước và trong khu vực

Sứ mệnh

Viglacera chuyên cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng và đồng bộ trong lĩnh vực vật liệu xây dựng với chất lượng hàng đầu Việt Nam; Là chủ đầu tư tin cậy trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản.



TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1979
▲
1974



25/07/1974
Công ty Gạch ngói Sành sứ Xây dựng được thành lập vào năm 1974 theo Quyết định số 366/BXD của Bộ Xây dựng.

07/09/1979
Công ty được chuyển đổi thành Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng theo Quyết định số 308/CP của Chính phủ.

1984
▲
1979



13/10/1984
Theo Quyết định số 1387/BXD – TCLĐ của Bộ Xây dựng, Liên hiệp được chia thành 3 phần, trong đó Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng chỉ quản lý các đơn vị từ Vinh trở ra.

1994
▲
1989



24/12/1992
Theo Quyết định số 761/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng, Liên hiệp các Xí nghiệp Gạch ngói và Sành sứ xây dựng được đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

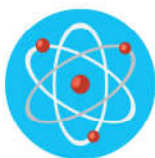
30/09/1993
Theo Quyết định số 442/BXD-TCLĐ, Liên hiệp các Xí nghiệp Thủy tinh và Gốm Xây dựng được đổi tên thành Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng.

1999
▲
1994



20/11/1995
Bộ Xây dựng có Quyết định số 991/BXD-TCLĐ thành lập Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng hoạt động theo mô hình Tổng công ty 90

2012
▲
2004



3/2006

Tổng công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 576/BXD-QĐ ngày 29/3/2006 của Bộ Xây dựng, Bộ máy của Công ty mẹ được tổ chức lại cho phù hợp với đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh và đồng thời là đơn vị quản lý, đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

2014
▲
2012



Công ty tiếp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con

02/12/2013

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hoá và chuyển Tổng công ty Viglacera thành công ty cổ phần tại Quyết định số 2343/QĐ-TTg;

2014



24/6/2014

Căn cứ quyết định số 716/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa của Tổng công ty Viglacera, vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera là: 2.645.000.000.000 đồng (Hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng);

02/07/2014

Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera – CTCP và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy CNĐKDNCTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014.

2015



Hoàn thành Kế hoạch sản xuất xây dựng 5 năm giai đoạn 2011-2015; phê duyệt kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020

Tiên phong trong sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ cao tại Việt nam với kính tiết kiệm năng lượng Low-e

Viglacera đã đặt dấu mốc đầu tiên tại thị trường Cuba với cuộc gặp chính thức giữa Tổng Giám Đốc Nguyễn Anh Tuấn và Bộ Trưởng Bộ Công Thương và đầu tư nước ngoài Cuba - ngài Rodrigo Malmierca và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Cuba - ngài Rene Mesa Villafana

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: • Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; • Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; • Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; • Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; • Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
2	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: • Tư vấn chuyển giao công nghệ (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); • Tư vấn chuyển giao công nghệ; • Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sản xuất, thực hiện các dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định nguyên liệu, vật liệu xây dựng.
3	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
4	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị.
5	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; kinh doanh kính tiết kiệm năng lượng.

STT	Mã ngành	Tên ngành
6	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; sản xuất kính tiết kiệm năng lượng.
7	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.
8	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị thi công và dịch vụ vận tải.
9	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ và công nhân kỹ thuật, công nhân sản xuất vật liệu xây dựng; đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
10	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Đưa người Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài
11	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).
12	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	Mã ngành	Tên ngành
13	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thể thao, vui chơi, giải trí.
14	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Dịch vụ siêu thị.
15	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các chủng loại vật liệu xây dựng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng và phát triển đô thị; các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung, gạch ốp lát ceramic, gạch ốp lát granit, gạch clinker, gạch bê tông khí, gạch cotto và các loại vật liệu xây dựng khác, các sản phẩm kính xây dựng, kính trang trí, kính an toàn, các sản phẩm sứ vệ sinh và phụ kiện sứ vệ sinh, thiết bị vệ sinh, các loại van công nghiệp, các loại vật tư ngành nước, đồng hồ đo nước, gas, nhiệt và bồn tắm, bình nóng lạnh; xuất nhập khẩu kính tiết kiệm năng lượng.
16	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác, chế biến khoáng sản.
17	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch bất động sản của Tổng công ty); - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản;
18	7110	Hoạt động về kiến trúc và kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Lập dự án đầu tư xây dựng

Địa bàn kinh doanh chính, **chiếm trên 10%** tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:
Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Bình Dương.





Mục tiêu

Phát triển Tổng công ty Viglacera-CTCP là doanh nghiệp đa quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng cao cấp và đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực; phát triển ổn định, bền vững để trở thành thương hiệu hàng đầu không chỉ ở thị trường khu vực và vươn tầm ra thế giới.

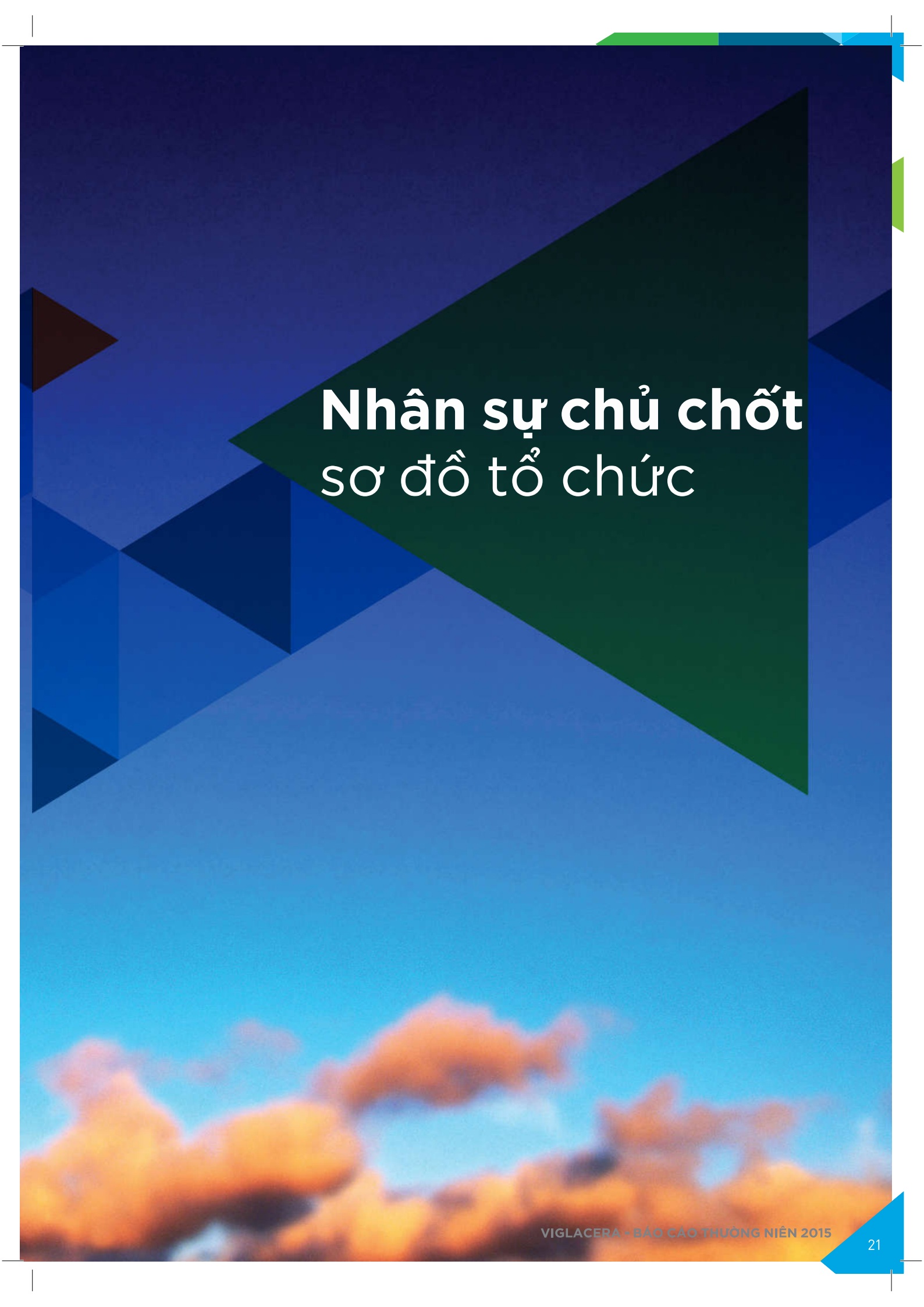


Sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng đồng bộ: Kính xây dựng, kính tiết kiệm năng lượng, sứ vệ sinh, sen vòi, gạch ốp lát ceramic, granite, gạch cotto, gạch clinker, gạch ngói với chất lượng hàng đầu Việt Nam, thân thiện môi trường; là chủ đầu tư tin cậy trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản với những tiện ích tối đa cho khách hàng

Giải thưởng

1. Giải thưởng Bạch kim quốc tế
2. Giải thưởng BCI Asia Awards 2013
3. Giải thưởng Bất động sản Quốc tế
4. Giải thưởng Thương hiệu Kinh tế Đối ngoại uy tín
5. Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam
6. Giải Vàng Chất lượng Quốc gia
7. Giải thưởng Chương trình hợp tác đối tác quốc tế xuất sắc của năm





Nhân sự chủ chốt sơ đồ tổ chức

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

ĐHĐCĐ: là cơ quan cao nhất của bộ máy quản trị TCT

Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và 4 uỷ viên

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

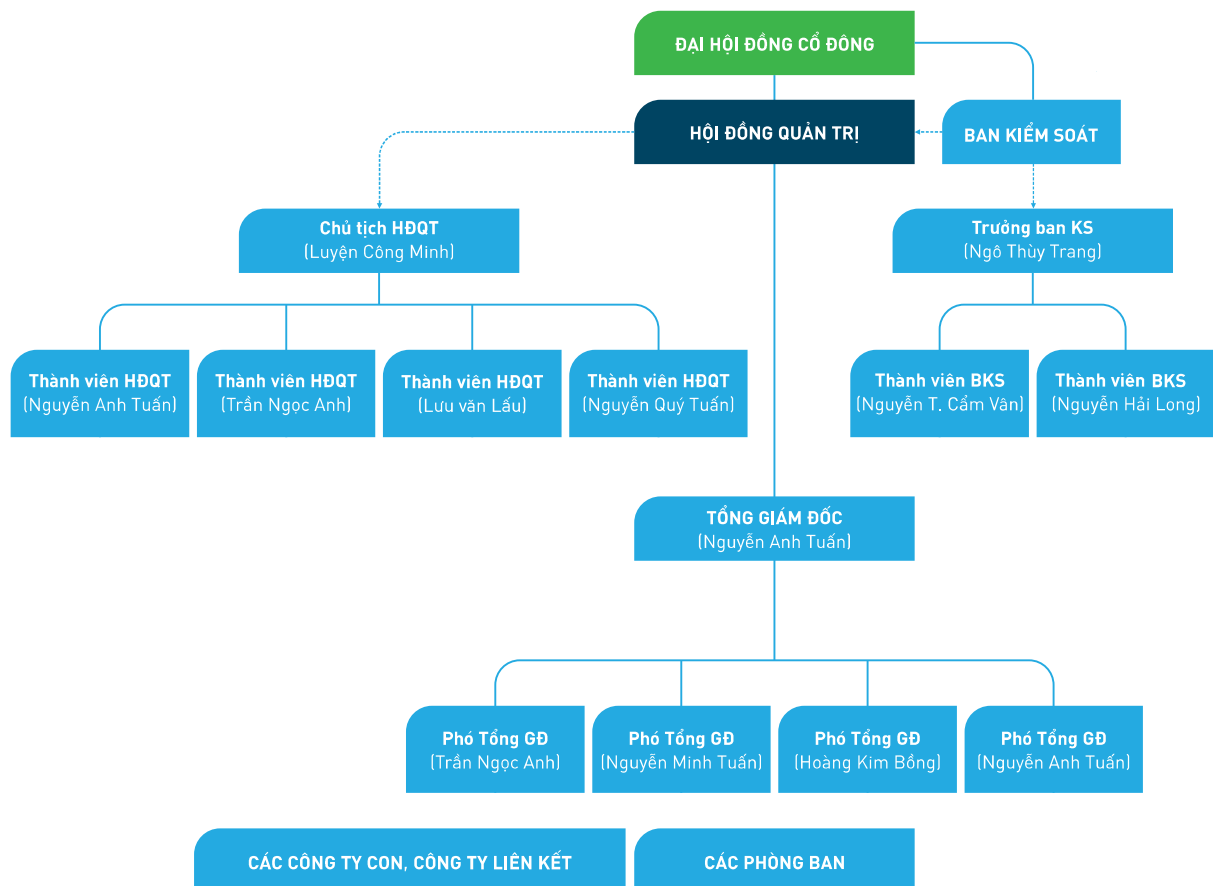
STT	Họ và tên của Thành viên	Chức danh trong HĐQT	Ghi chú
1	Luyện Công Minh	Chủ tịch	
2	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
3	Trần Ngọc Anh	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
4	Lưu Văn Lầu	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
5	Nguyễn Quý Tuấn	Thành viên	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng ban Kiểm soát và 2 thành viên

Ban Tổng Giám đốc có TGD và 4 Phó Tổng Giám đốc được uỷ quyền phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

Các phòng, ban Công ty mẹ; các công ty phụ thuộc, Công ty con, công ty liên kết

Cơ cấu bộ máy quản lý





DANH SÁCH HĐQT



Luyện Công Minh

10/11/1957

Cử nhân kinh tế, thạc sỹ QTKD

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

18/11/1961

Kỹ sư VLXD, Thạc sỹ QTKD

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc



Trần Ngọc Anh

01/03/1972

Kỹ sư Xây dựng

Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc



Lưu Văn Lầu

17/09/1956

Cử nhân kinh tế

Thành viên HĐQT



Nguyễn Quý Tuấn

07/08/1965

Kỹ sư VLXD

Thành viên HĐQT

BAN ĐIỀU HÀNH



Nguyễn Anh Tuấn

18/11/1961

Kỹ sư VLXD, Thạc sĩ QTKD

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc



Trần Ngọc Anh

01/03/1972

Kỹ sư Xây dựng

Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

19/11/1966

Kỹ sư Kinh tế mô, Thạc sĩ QTKD

Phó Tổng giám đốc



Hoàng Kim Bồng

06/03/1961

Kỹ sư VLXD, Thạc sĩ QTKD

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Minh Tuấn

03/04/1959

Kỹ sư hóa, Thạc sĩ QTKD

Phó Tổng giám đốc

BAN KIỂM SOÁT



Ngô Thùy Trang

26/02/1972

Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật

Trưởng Ban kiểm soát



Nguyễn Thị Cẩm Vân

02/07/1972

Cử nhân kinh tế

Thành viên ban kiểm soát



Nguyễn Hải Long

10/11/1980

Kỹ sư, thạc sĩ kinh tế xây dựng

Thành viên ban kiểm soát



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

01

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bền vững, giai đoạn 5 năm 2016-2020 mức độ tăng trưởng đạt từ 10-15% đối với tất cả các chỉ tiêu chính của hoạt động SXKD, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

02

Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới.

03

Tập trung phát triển khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và đa dạng mẫu mã sản phẩm, năng suất lao động tăng 10-15% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động và khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; mục tiêu dài hạn đạt tiệm cận với doanh nghiệp hàng đầu trên thế giới trong cùng lĩnh vực.



04

Tiếp tục lộ trình tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera – CTCP theo Đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

05

Nghiên cứu phát triển và tiên phong đưa vào sản xuất các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện môi trường.

06

Xây dựng đội ngũ nhân lực trình độ chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại, tiên tiến.

07

Mở rộng thị trường, tăng thị phần trong nước và xuất khẩu



Kế hoạch SXKD và đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Chỉ tiêu	TH Năm 2015	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020				
		2016	2017	2018	2019	2020
1, Vốn điều lệ (tỷ đồng)	2,645	3,070	3,070	3,500	3,500	3,500
2, Tổng doanh thu (tỷ đồng)						
- Toàn Tổng công ty (hợp cộng)	14,527	16,000	18,200	21,000	24,500	29,000
- Hợp nhất (Tổng công ty-CTCP)	8,000	8,244	9,684	11,918	13,875	15,739
3, Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)						
- Hợp nhất (Tổng công ty-CTCP)	524	559	677	790	931	1053
- Công ty Mẹ	246	280	345	400	450	500
4, Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)						
- Công ty Mẹ	199	227	281	326	365	405
- Công ty con (lợi tức thu về theo vốn chủ sở hữu)	31.5	40.0	54	64	65	69
5, Tỷ lệ trả cổ tức (%)	4.0%	7.0%	8.5%	9.0%	10.0%	12%
6, Cổ tức chi trả (tỷ đồng)	106	215	261	315	350	420
7, Thu nhập trên 1 cổ phiếu – EPS (đồng/cổ phần)	400	700	850	900	1,000	1,200
8, Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ (%)	9.3%	9.1%	11.2%	11.4%	12.9%	14.3%

Tổng doanh thu là doanh thu Công ty Mẹ được tính là hợp cộng doanh thu của các đơn vị trực thuộc.

Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020 của Công ty Mẹ - Tổng công ty CP (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	TH Năm 2015	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020				
		2016	2017	2018	2019	2020
I- Đầu tư phát triển	1,395	1,750	2,000	2,300	2,400	2,500
Lĩnh vực bất động sản	1,279	970	1,500	2,000	1,900	1,800
- Nhà ở	855	400	1,020	1,040	850	600
- KCN và dịch vụ	423	570	530	700	760	1200
Lĩnh vực vật liệu XD	75	760	475	270	450	570
Nghiên cứu phát triển và đào tạo	21	20	25	30	50	80
II- Đầu tư vào công ty con, liên kết						

Các mục tiêu và kế hoạch đầu tư của các lĩnh vực trong giai đoạn 2016-2020

a-Lĩnh vực vật liệu

- Tập trung phát triển sản phẩm mới thân thiện môi trường, sản phẩm có công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, mẫu mã mới phù hợp với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tăng cường chặt chẽ công tác quản lý chất lượng sản phẩm; duy trì mục tiêu kính xây dựng đứng số 1 Việt Nam; các sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát ngang bằng Top dẫn đầu.
- Tập trung đưa chuyên môn hóa, tự động hóa vào các dây chuyền sản xuất hiện để nâng cao chất

lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động và tăng khả năng cạnh tranh.

- Tăng cường công tác phát triển thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực Châu Âu và Châu Mỹ, theo đúng chương trình kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2015 – 2020

Kính xây dựng:

Tập trung nghiên cứu, khảo sát và triển khai đầu tư đa dạng sản phẩm kính, gia công sau kính, nâng cao tỷ trọng sản phẩm và công nghệ sản xuất mới

Công ty Mẹ

1. Dự án Kính tiết kiệm năng lượng (low-e) tại Bình Dương, công suất 2,3 triệu m²/năm, tổng mức đầu tư 480 tỷ đồng; dự kiến quý III/2016 đưa vào vận hành;
2. Dự án đầu tư dây chuyền kính siêu trắng giai đoạn 1 (2016-2017), công suất 600 tấn/ngày, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.200-1.500 tỷ đồng tại Cụm công nghiệp kính phía Nam
3. Dự án đầu tư hệ thống sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG tại Nhà máy kính nổi Viglacera (Bình Dương), tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 32 tỷ đồng.
4. Xây dựng và trình phê duyệt đề án sản xuất Pin năng lượng mặt trời tại Cụm công nghiệp kính phía Bắc và phía Nam; trong đó, triển khai giai đoạn 2 hợp tác đầu tư dự án sản xuất Pin năng lượng mặt trời tại cụm CN kính Miền Nam.

Các công ty con

5. Dự án đầu tư cải tạo dây chuyền kính cán sang sản xuất kính cán siêu trắng công suất 250 tấn/ngày tại Công ty CP Đáp Cầu, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 500 tỷ đồng, triển khai trong năm 2016-2017;
6. 6. Hợp tác đầu tư với các đối tác nước ngoài, trong nước nghiên cứu, khảo sát, triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các dự án sản xuất kính chịu lửa, gạch block thủy tinh và thủy tinh cách điện, bao bì thủy tinh, ... tại các cụm công nghiệp kính, dự kiến trong giai đoạn 2017-2020;

Sứ vệ sinh-sen vôi và Gạch ốp lát:

- Sứ vệ sinh-sen vôi: Mục tiêu đứng trong top đầu tại thị trường nội địa; đáp ứng tiêu chuẩn xuất

khẩu; xác định sản phẩm sứ-sen vôi Viglacera là sản phẩm xây dựng thương hiệu Viglacera, là sản phẩm xuất khẩu chủ đạo

- Gạch ốp lát: Đạt mục tiêu đứng trong top đầu tại thị trường nội địa; đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Trong đó, gạch ốp lát granite đứng hàng đầu tại thị trường nội địa về chất lượng sản phẩm, tỷ trọng sản lượng và công nghệ sản xuất mới; đa dạng hóa chủng loại sản phẩm; Gạch ceramic sản xuất sản phẩm khác biệt như gạch inkjet; sản phẩm mỏng; sản phẩm kích thước lớn; tự động hóa nâng cao năng suất lao động.

Công ty Mẹ

1. Đầu tư 01 dây chuyền sứ vệ sinh, công suất 750 ngàn sản phẩm/năm tại Bình Dương, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 300 tỷ đồng; dự kiến triển khai năm 2016.
2. Nghiên cứu xem xét, di dời Nhà máy sen vôi và đầu tư nâng công suất lên 1 triệu sản phẩm/năm tại KCN Yên Phong trong giai đoạn 2016-2020.
3. Đầu tư mới Nhà máy sản gạch ốp ceramic cao cấp công suất 6 triệu m²/năm trong năm 2016-2017, tổng mức đầu tư khoảng 300 tỷ đồng tại KCN Phú Hà.
4. Triển khai đầu tư tại Cu Ba trên cơ sở liên doanh với doanh nghiệp sở tại, góp vốn bằng giải pháp công nghệ, dịch vụ kỹ thuật và bằng tiền, trước mắt trong lĩnh vực sứ vệ sinh, gạch ốp lát.

Công ty con

5. Chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ than sang khí NG tại Nhà máy Tiên Sơn; Từ LPG sang khí NG tại 2 nhà máy Thanh trì và Việt trì; dự kiến đưa vào vận hành trong tháng 7/2016
6. Chuẩn bị đầu tư 02 dự án Nhà máy sứ vệ sinh cao cấp công suất 500.000 sản phẩm/năm tại các KCN Phú Hà và KCN Thái Bình, tổng mức đầu tư dự kiến cho mỗi dự án là 450 tỷ đồng.
7. Di dời Nhà máy sứ Thanh Trì và đầu tư nâng công suất nhà máy lên 1,2 triệu sản phẩm/năm tại KCN Yên Phong của Tổng công ty (dự kiến), tổng mức đầu tư khoảng 600 tỷ đồng.
8. Đầu tư mở rộng Nhà máy Viglacera Thái Bình giai đoạn 2, công suất dự kiến 3 triệu m²/năm, tổng mức đầu tư khoảng 300 tỷ đồng; thời gian dự kiến trong năm 2016-2017.
9. Đầu tư mới Nhà máy sản gạch ốp ceramic cao cấp

công suất 6 triệu m²/năm trong giai đoạn 2017-2018, tổng mức đầu tư khoảng 300 tỷ đồng tại KCN Tiền Hải (Thái Bình), là địa điểm có điều kiện sử dụng khí thiên nhiên hoặc nhiên liệu sạch, phù hợp với thị trường tiêu thụ.

10. Đầu tư cải tạo và nâng công suất Nhà máy Yên Phong – CP Hà Nội lên 6 triệu m²/năm, tổng mức đầu tư khoảng 200 tỷ đồng, dự kiến triển khai trong năm 2018-2020.
11. Đầu tư mới Nhà máy gạch ốp lát cao cấp, công suất dự kiến khoảng 6-10 triệu m²/năm tại KCN Tiền Hải khi di dời Nhà máy gạch Hải Dương, dự kiến giai đoạn 2018-2020.
12. Nghiên cứu và khảo sát các điều kiện chuẩn bị đầu tư phát triển dòng sản phẩm đá thạch anh nhân tạo, dự kiến triển khai trong giai đoạn 2019-2020; đồng thời triển khai các dự án khu nhà ở trên mặt bằng các nhà máy sau khi di dời theo quy hoạch (Hải Dương, Vĩnh Phúc).
13. Đầu tư chiều sâu cho công nghệ, mẫu mã sản phẩm, khuôn mẫu và công nghệ sản xuất mới, tự động hóa nâng cao năng suất lao động...trên cơ sở cập nhật công nghệ, thiết bị tiên tiến trên thế giới.

Gạch ngói:

Nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm mỏng có giá trị gia tăng cao/hiệu quả sử dụng tài nguyên; giảm chi phí nhiên liệu, cơ giới hóa và tự động hóa giảm hao phí nhân công, tự động hóa quá trình vận chuyển, bốc xếp.

1. Triển khai đầu tư giai đoạn 2 tại Nhà máy gạch Clinker Đông Triều công suất 2 triệu m²/năm trong năm 2016, tổng mức đầu tư dự kiến 130 tỷ đồng và tiếp tục đầu tư mở rộng/nhân rộng các dây chuyền sản xuất tại các NM của TCT.
2. Đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất 100% ngói (theo dự án đã đầu tư thành công tại Hoàn hảo - Hạ Long) tại các đơn vị sản xuất gạch ngói trong Tổng công ty.
3. Tiếp tục đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm mỏng có giá trị gia tăng cao/hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm tiêu hao, giảm chi phí nhiên liệu, cơ giới hóa và tự động hóa, cải thiện điều kiện lao động...

Các sản phẩm mới:

1. Đầu tư nhân rộng dây chuyền sản xuất gạch bê tông khí chưng áp (theo Đề tài nghiên cứu công nghệ sản xuất gạch bê tông chưng áp, công suất 200.000 m³/năm);
2. Đầu tư nhà máy sản xuất vôi công nghiệp công suất 250 ngàn tấn/năm (có phân kỳ đầu tư theo giai đoạn); trong đó, giai đoạn 1 công suất 120 ngàn tấn/năm (400-500 tấn/ngày) với tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, dự kiến công năm 2016.
3. Đầu tư các nguyên liệu chế biến phục vụ trực tiếp cho công nghiệp vật liệu của TCT như: khai thác và chế biến cát, các nguyên liệu khác; đồng thời đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.
4. Làm việc với các địa phương hoặc hợp tác với các đối tác có tiềm năng để đầu tư, sở hữu mỏ cát phục vụ cung cấp nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm kính cao cấp.
5. Nghiên cứu khảo sát để chuẩn bị đầu tư vật liệu không nung; đầu tư sản phẩm tấm trần thạch cao công suất 25 triệu m² (có phân kỳ đầu tư theo giai đoạn), dự kiến trong giai đoạn 2018-2020 và các năm tiếp theo
6. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai giải pháp sử dụng nhiên liệu thay thế có chi phí thấp, sạch và thân thiện môi trường tại các nhà máy sản xuất, đầu tư các dây chuyền mới tại vị trí địa điểm đầu tư sẵn có khí thiên nhiên.

Nghiên cứu phát triển và quản trị

1. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển đặc biệt đối với Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, đúng với vai trò là cơ quan đầu mối triển khai và quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất; đồng thời là đơn vị chuyên môn quản lý công nghệ của Tổng công ty (vị trí công nghệ trưởng); Đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e.
2. Triển khai triển khai các dự án nghiên cứu khoa học bao gồm các đề tài cấp nhà nước, Bộ Xây dựng và Tổng công ty theo kế hoạch.
3. Nâng cao chất lượng quản trị trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý, đầu tư hệ thống quản trị ERP tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên; trước mắt trong năm 2016, triển khai và áp dụng hệ thống ERP tại Công ty Kính nổi Viglacera và một số đơn vị đã đủ điều kiện.

b- Lĩnh vực bất động sản:

- Ưu tiên phát triển hạ tầng khu công nghiệp, đô thị và nhà ở
- Vận hành, khai thác các KCN, KĐT hiện có
- Chuẩn bị phương án mở rộng, phát triển quỹ đất

Khu công nghiệp

1. Khu công nghiệp Tiên Hải (Thái Bình), quy mô 446 ha: Đã khởi công dự án lô E, F tháng 2/2016, quy mô 32 ha, tổng mức đầu tư 171 tỷ đồng.
2. Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh), quy mô 314 ha: tổng mức đầu tư 2.900 tỷ đồng, khởi công tháng 3/2016.
3. Chuẩn bị đầu tư để khởi công các KCN mới như Cẩm Khê – Phú Thọ (450 ha), Thuận Thành – Bắc Ninh (200-300ha), KCN tại tỉnh Hà Nam (khoảng 300ha).
4. KCN Đồng Văn IV - Hà Nam (khoảng 300ha).

Khu nhà ở và đô thị

1. Tiếp tục triển khai đầu tư vào phân khúc nhà ở xã hội – nhà thu nhập thấp, nhà ở cho CBCNV thuê tại các KCN và nhà ở thương mại có diện tích nhỏ/giá hợp lý song song với triển khai các dự án nhà ở cao cấp tại các KĐT hiện có của TCT, tận dụng tối đa lợi thế các vật liệu xây dựng do TCT sản xuất bao gồm các bộ sản phẩm đồng bộ phù hợp với từng đối tượng/phạm vi và quy mô của các dự án; hạ tầng kỹ thuật đồng bộ đã đầu tư;

2. Dự án khu đô thị mới Đặng Xá mở rộng (giai đoạn 3): Dự kiến triển khai giai đoạn 1 (22ha), tổng mức đầu tư dự kiến là 2.800 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.
3. Dự án Tổ hợp Thăng Long No1 (GĐ2): Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.200 tỷ đồng, quy mô gồm 02 khối nhà 25-30 tầng, dự kiến khởi công trong năm 2016.
4. Khởi công các dự án hợp tác đầu tư trong lĩnh vực khu đô thị và nhà ở, dự án nhà ở cho công nhân, nhà thu nhập thấp trên địa bàn Hà Nội với các đối tác theo kế hoạch năm 2016, với quy mô khoảng 1.590 căn, tổng diện tích sàn khoảng 141 ngàn m² nhà ở công nhân, thu nhập thấp và khu nhà ở quy mô khoảng 2 ha.
5. Làm việc với các cơ quan quản lý tại Hà Nội để đầu tư khoảng 300ha Khu đô thị, nhà ở, nhà ở xã hội để phục vụ nhu cầu về nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội.
6. Triển khai đầu tư dự án du lịch sinh thái tại Vân Hải; trước mắt đầu tư khu nhà ở sinh thái, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế trên cơ sở hợp tác với đối tác nước ngoài có uy tín, năng lực thực hiện đầu tư, vận hành và kinh doanh, thời gian dự kiến triển khai 2016-2017.
7. Khảo sát, nghiên cứu quy hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án khu nhà ở và dịch vụ đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ công nhân tại Khu công nghiệp Yên Phong I và Yên Phong II mở rộng; diện tích quy hoạch khoảng 495 ha.

Giới thiệu một số dự án đã đưa vào vận hành, khởi công và chuẩn bị đầu tư

Khu công nghiệp

Trong năm 2015, đã tổ chức khởi công đúng kế hoạch 02 dự án Khu công nghiệp là Phú Hà (350ha), Phong Điền (284 ha) nâng tổng số các KCN của Viglacera lên 06 KCN với tổng diện tích là 1.613 ha

KCN đã triển khai và đã khởi công trong năm 2015

KCN Tiên sơn – Bắc Ninh

Quy mô: 348ha. Thời gian thực hiện: 1999-2011, đã lấp đầy diện tích cho thuê

01

KCN Yên Phong – Bắc Ninh

Quy mô: 340ha. Thời gian thực hiện: 2006-2015, đã lấp đầy diện tích cho thuê

02

KCN Đông Mai – Quảng Ninh

Quy mô: 160ha. Thời gian thực hiện: 2010-2016

03

KCN Hải Yên – Quảng Ninh

Quy mô: 129 ha. Thời gian thực hiện: 2005-2016

04

KCN Phú Hà – Phú Thọ

Quy mô: 350ha. Thời gian thực hiện: 2015-2020. Tổng mức đầu tư 1.588 tỷ đồng; khởi công tháng 3/2015

05

KCN Phong Điền - Huế

Quy mô 284 ha; Thời gian thực hiện 2015-2020, tổng mức đầu tư 682 tỷ đồng; khởi công tháng 9/2015

06



Khởi công trong năm 2016 và chuẩn bị khởi công

KCN Yên Phong mở rộng – Bắc Ninh

Quy mô 314ha; Thời gian thực hiện 2016-2021, tổng mức đầu tư 2.908 tỷ đồng; Khởi công tháng 3/2016

01

KCN Tiên Hải - Thái Bình

Quy mô 400ha; giai đoạn 1 đã khởi công tại lô E, F quy mô 32 ha, tổng mức đầu tư 171 tỷ đồng, thực hiện 2016-2017; khởi công tháng 2/2016

02

Chuẩn bị đầu tư để khởi công các KCN mới như KCN Cẩm Khê – Phú Thọ (450 ha), KCN Thuận Thành – Bắc Ninh (200-300ha), KCN Đồng Văn IV – Hà Nam (khoảng 300ha).

03

Khu nhà ở và đô thị

Trong giai đoạn 2011-2014 và năm 2015 đã triển khai 05 dự án nhà ở thu nhập thấp và nhà ở xã hội, 04 dự án nhà ở thương mại giá thấp. Trong năm 2014-2015 khởi công xây dựng 02 dự án là nhà ở chung cư thương mại giá thấp với TDT sàn 59 ngàn m², 672 căn hộ và Tổ hợp nhà ở xã hội giai đoạn 3 với TDT sàn 118.516m², 1466 căn hộ tại Khu đô thị Đặng Xá 1; hơn 2500 căn hộ được bàn giao đúng tiến độ; nâng tổng số căn hộ hoàn thành, bàn giao trên 3.500 căn tại Khu đô thị này; phát huy được thế mạnh của Tổng công ty trong cả hai lĩnh vực vật liệu và bất động sản; đồng thời triển khai dự án nhà ở cao cấp tại Tổ hợp Thăng Long No1, dự án 671 Hoàng Hoa Thám giai đoạn III, Dự án Trung tâm TM và nhà ở giai đoạn II tại Ngã 6 (Bắc ninh)

Các dự án tiêu biểu đã triển khai

Khu đô thị Đặng Xá - Gia Lâm, Hà Nội

Quy mô: Giai đoạn 1 (33,59ha), Giai đoạn 2 (39ha);

01

Khu đô thị Xuân Phương – Từ Liêm, Hà nội

Quy mô: 14ha. Thời gian thực hiện: 2011-2016

02

Tổ hợp khu nhà ở cao cấp Thăng Long No1

Quy mô: 02 tháp 40 tầng và 03 tầng hầm.
Thời gian thực hiện: 2010 – 2015.

03

Tổ hợp Khu chung cư 671 giai đoạn II Hoàng Hoa Thám, Hà Nội

Quy mô: 02 tháp 21 tầng và 02 tầng hầm.
Thời gian thực hiện: 2008-2013

04

Tổ hợp Thăng Long No1 (Giai đoạn 2)

Quy mô gồm 02 khối (25-30 tầng), Tổng diện tích sàn 84.000 m², thời gian thực hiện 2016-2018

05

Khu nhà ở và công trình công cộng – thể thao 671 Hoàng Hoa Thám (GĐIII)

quy mô gồm 33 căn nhà ở liền kề (TDT sàn 10.000 m², 5000 m² tầng hầm) và TT thể thao - cây xanh (5.700 m²), tổng mức đầu tư 585 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2015-2017.

06

Trung tâm thương mại, VP và nhà ở Ngã 6 Bắc Ninh (GĐ2)

Quy mô gồm 01 khối 5 tầng, 01 khối 12 tầng, 241 căn, TDT sàn 25.478 m², tổng mức đầu tư 201 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2015-2016.

05

Các dự án chuẩn bị đầu tư

Dự án khu đô thị mới Đặng Xá mở rộng (GĐ3)

Dự kiến triển khai giai đoạn 1 (22ha), tổng mức đầu tư dự kiến là 2.800 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.

01

Dự án Tổ hợp Thăng Long No1 (GĐ2)

Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.200 tỷ đồng, quy mô gồm 02 khối nhà 25-30 tầng, dự kiến khởi công trong năm 2016.

02

Khởi công các dự án hợp tác đầu tư trong lĩnh vực

khu đô thị và nhà ở, dự án nhà ở cho công nhân, nhà thu nhập thấp trên địa bàn Hà nội với các đối tác theo kế hoạch năm 2016, với quy mô khoảng 1.590 căn, tổng diện tích sàn khoảng 141 ngàn m² nhà ở công nhân, thu nhập thấp và khu nhà ở quy mô khoảng 2ha.

03

Làm việc với các cơ quan quản lý tại Hà Nội để đầu tư khoảng 300ha Khu đô thị, nhà ở, nhà ở xã hội

để phục vụ nhu cầu về nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội.

04

Triển khai đầu tư dự án du lịch sinh thái tại Vân hải

trước mắt đầu tư khu nhà ở sinh thái, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế trên cơ sở hợp tác với đối tác nước ngoài có uy tín, năng lực thực hiện đầu tư, vận hành và kinh doanh, thời gian dự kiến triển khai 2016-2017.

05

Khảo sát, nghiên cứu quy hoạch chuẩn bị đầu tư

các dự án khu nhà ở và dịch vụ đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ công nhân tại Khu công nghiệp Yên Phong I và Yên Phong I mở rộng; diện tích quy hoạch khoảng 495 ha

06



VIGLACERA TIÊN PHONG
TRONG SẢN XUẤT VẬT LIỆU
XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ CAO
TẠI VIỆT NAM





Viglacera khởi công mở rộng sản xuất giai đoạn II dự án Gạch Clinker

Năm 2015, Viglacera đã đầu tư thành công giai đoạn I dây chuyền sản xuất sản phẩm gạch ốp lát có sức chịu đựng cao trong điều kiện khắc nghiệt của môi trường. Đó là sản phẩm gạch Clinker siêu bền. Viglacera đã khẳng định một bước tiến quan trọng về công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng tại Việt Nam. Tiếp nối thành công sau giai đoạn I, ngày 17/2/2016, Tổng công ty Viglacera đã khởi công đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn II dự án sản xuất gạch Clinker.

Giai đoạn 2 của dự án được Viglacera đầu tư với công suất 2 triệu m² sản phẩm/năm, nâng công suất toàn nhà máy lên 4 triệu m²/ năm. Với việc đầu tư giai đoạn 2, Công ty CP gạch Clinker Viglacera sẽ nâng cao tính chuyên nghiệp trong quy trình sản xuất, cũng như tay nghề của người lao động và đáp ứng yêu cầu cao cấp của người tiêu dùng. Khi hoàn thành giai đoạn 2, Công ty sẽ sản xuất dòng sản phẩm gạch ốp lát Clinker chất lượng cao phù hợp với các công trình kiến trúc hiện đại, đồng thời xuất khẩu tới các nước Châu Âu, Malaysia, Hàn Quốc và nhiều nước trên thế giới.

Tính năng vượt trội của gạch Clinker Viglacera

- Độ rắn chắc và độ bền vững cao nhờ sản phẩm được nung ở chế độ nhiệt cao, bảo đảm sự "kết khối" hoàn toàn trong viên gạch.
- Độ hút nước dưới 3% giúp miễn trừ rêu mốc, mục trong quá trình sử dụng.
- Chịu được mọi môi trường cực kỳ khắc nghiệt, từ nhiệt độ cao nhất trên 450C đến nhiệt độ thấp nhất dưới 450C, chịu được băng giá, sự thay đổi nhiệt độ đột ngột; chịu được môi trường muối và axit. Hệ số giãn nở ẩm rất thấp, do đó gạch ốp lát Clinker không bị bong tróc.
- - Sản phẩm có bề mặt sần tự nhiên, chịu lực tốt nhất, chống trơn trượt do sần hơn trong khi bề mặt vẫn không bị rạn, ngấm bẩn do đã được thủy tinh hóa tốt hơn và cũng giúp sản phẩm dễ lau chùi, làm sạch mà không cần dùng hóa chất.
- Chịu được lực uốn lớn hơn bất kì mọi loại gạch thông thường.
- Giữ màu sắc sắc tự nhiên không bị mất màu, khả năng chịu mài mòn cao hơn các dòng sản phẩm khác.
- Không bị tàn phá bởi thời gian... Phù hợp cho công trình biệt thự, resort, bể bơi, các công trình vĩnh cửu.

Gạch Granite Thái Bình

Điểm nhấn trong việc phát triển dòng sản phẩm Xanh trong năm 2016 là việc Tổng công ty Viglacera – CTCP đã Khánh thành dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất Gạch ốp lát Granite cao cấp giai đoạn 2 – Nhà máy Viglacera Thái Bình" tại KCN Tiền Hải – Đông Lâm – Tiền Hải – Thái Bình. Dự án tuân thủ theo các tiêu chí của hệ thống ISO14000 về môi trường và được cấp giấy chứng nhận "nhà máy Xanh" sản xuất vật liệu xây dựng.

Giai đoạn 2 nhà máy Viglacera Thái Bình đã trở thành dự án "điểm" của Viglacera mang tiêu chí của một nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng trên quy trình "Xanh", từ việc sử dụng khí đốt cho đến việc xử lý các loại chất thải rắn, lỏng đều theo tiêu chuẩn ISO 14000 nhằm tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Được sản xuất với các kích thước 600 x 600cm, 800 x 800cm, 400 x 800cm và với nhiều chủng loại như men mài, men matt, giả cổ, mem sugar, men vi tinh... dòng sản phẩm gạch Granite mới ECO của Viglacera có



nhiều đặc tính nổi trội như: Cường độ chịu lực cao (độ bền uốn $\geq 42\text{N/mm}^2$); độ hút nước thấp $<0,2\%$; công nghệ nano siêu bóng, siêu chống thấm, chất lượng được kiểm soát theo tiêu chuẩn quốc gia và TCCS của TCT. Đặc biệt, sản phẩm đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường đạt Tiêu chuẩn Việt Nam ISO 14001:2010/ ISO 14001:2004 (mã số Giấy chứng nhận MT 237.15.26)...

Việc sử dụng công nghệ in random – in ngẫu nhiên cùng với công nghệ in kỹ thuật số giúp Viglacera tạo ra được nhiều màu sắc, hoa văn phức tạp trên các bề mặt khác nhau, độ phân giải cao hơn nhiều lần so với công nghệ in truyền thống, chất lượng hình ảnh sắc nét, giống với tự nhiên, có thể linh hoạt trong thay đổi mẫu mã sản xuất, đáp ứng ngay nhiều đơn hàng trong ngày với số lượng theo nhu cầu...

Viglacera luôn đặt tiêu chí chất lượng là ưu tiên hàng đầu. Do đó, Tổng công ty Viglacera - CTCP đã đầu tư tại nhà máy Thái Bình dây chuyền thiết bị hiện đại, đồng bộ với công nghệ tiên tiến nhất Châu Âu như máy ép Sacmi Italia giúp đem đến độ phẳng ổn định, máy in kỹ thuật số System Italia mang lại độ phân giải lên tới 400 dpi cho họa tiết sắc nét, lò nung Modena nung bằng khí tự nhiên cho màu sắc sống động, các nguyên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất như men, màu in đều được nhập khẩu từ hãng Colorobbia Tây Ban Nha giúp sản phẩm có thêm những tính năng ưu việt hơn hẳn như không độc hại, thân thiện với môi trường...

Kính tiết kiệm năng lượng

Với vai trò là người anh cả trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) tại Việt Nam, Viglacera luôn là đơn vị tiên phong, chủ động trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới vào sản xuất các loại VLXD. Một lần nữa Viglacera tiếp tục tạo ra bước đột phá trong công nghệ, khi chủ động đầu tư dự án "Dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng" đầu tiên tại Đồng Nam Á.

Dự án dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng của Viglacera là dự án "Công nghệ cao" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 13/01/2015 và được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao theo quyết định số 2456. Với quy mô 5.000.000m²/năm, dự án gồm hai giai đoạn đầu tư: Giai đoạn I có dây chuyền sản xuất 2.300.000m²/năm, tại khu sản xuất Tân Đông Hiệp - Dĩ An - Bình Dương và giai đoạn 2 có dây chuyền sản xuất dự kiến từ 2,3- 2,7.000.000m²/năm tại Bắc Ninh. Đặc biệt, nhà thầu Von Ardenne GmbH mà Viglacera lựa chọn là tập đoàn hàng đầu thế giới về thiết bị và công nghệ phủ với gần 90 năm kinh nghiệm.

Theo đánh giá của các chuyên gia đầu ngành xây dựng, việc sử dụng kính tiết kiệm năng lượng sẽ mang đến giải pháp tiết kiệm năng lượng, hiệu quả nhiều mặt cho các công trình xây dựng. Hiện nay, hầu hết các công trình lớn trên thế giới đều đang sử dụng kính tiết kiệm năng lượng và các nhà đầu tư lớn của Việt Nam cũng bắt đầu lựa chọn sử dụng. Trên thực tế, loại kính này không chỉ mang lại tiện ích tối ưu và nâng cao giá trị cho tòa nhà mà còn mang lại hiệu quả lâu dài cho chủ đầu tư.

Kính tiết kiệm năng lượng là loại kính có công năng cao, được gia công từ kính phẳng với lớp phủ siêu mỏng trên bề mặt, có khả năng đáp ứng các yêu cầu về tính năng sử dụng, yêu cầu về độ trong suốt và màu sắc của kính, đồng thời có tính năng phát xạ thấp, hệ số dẫn nhiệt nhỏ, dẫn tới giảm thiểu sự truyền nhiệt giữa môi trường bên trong và bên ngoài qua hệ thống vách kính, từ đó tiết kiệm chi phí năng lượng của hệ thống điều hòa không khí mà vẫn đảm bảo duy trì hiệu quả làm mát vào mùa hè và sưởi ấm vào mùa đông.

Hầu hết các nước trên thế giới đang sử dụng các sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng được sản xuất theo công nghệ phủ mềm. Bởi kính phủ mềm có những tính năng ưu việt hơn rất nhiều so với kính được phủ cứng. Để thích hợp với khí hậu của Việt Nam và xu hướng chung của thế giới, VIGLACERA cũng đã lựa chọn công nghệ phủ mềm với cả hai loại kính là Solar Control và Low – E cho "Dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng" của mình.

Thiết bị vệ sinh thông minh Viglacera

Thiết bị vệ sinh thông minh Viglacera là thiết bị vệ sinh sang trọng, tinh tế, thông minh, thân thiện và mang lại tiện nghi tối đa cho người sử dụng. Sản phẩm này đánh dấu sự đột phá của Viglacera khi quyết định đầu tư sản xuất sứ vệ sinh ở phân khúc hạng sang.

Tự động là tính năng đầu tiên chỉ rõ sự thông minh của sản phẩm: thiết bị vệ sinh tự động đóng/mở nắp khi kích hoạt mắt cảm ứng. Hệ thống cảm biến tích hợp vào nắp ngồi giúp nhận biết khi có người sử dụng và khởi động hệ thống tự động xả; tự động xả nước: xả tiểu 4,5L khi sử dụng dưới 25 giây, xả đại 6L nếu dùng trên 25 giây; sử dụng các chức năng bằng bảng điều khiển từ xa, có đèn tự động phát sáng vào ban đêm; đồng thời với thiết bị này, người sử dụng có thể sử dụng vào mùa đông bởi thiết bị vệ sinh có được chức năng làm ấm nắp ngồi và nước theo yêu cầu, nhưng vẫn tiết kiệm điện năng nhờ chế độ chỉ bật khi sử dụng.

Thiết bị được "mệnh danh" là thông minh còn bởi Viglacera chủ động ứng dụng cho sản phẩm những công nghệ tiên tiến nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và thân thiện với môi trường. Điển hình bằng công nghệ xả xoáy kết hợp cùng siphone Jet giúp xả sạch vết bẩn tại các góc cạnh trong lòng thiết bị vệ sinh với lực hút cực mạnh.

Thân thiết bị vệ sinh được thiết kế thân kín, vành kín thuận tiện cho việc vệ sinh hàng ngày. Đầu vòi được khử trùng bằng tia UV 1 phút sau mỗi lần sử dụng, giúp diệt đến 99,9% vi khuẩn, ngoài ra với vòi rửa diệt khuẩn này còn có 3 chức năng: rửa trước, rửa sau và rửa sau massage.

Hơn nữa, để người sử dụng thoải mái và an toàn, thiết bị vệ sinh thông minh tích hợp công nghệ khử trùng thiên nhiên Phytoncide giúp khử trùng, khử mùi và ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc, công nghệ này hoạt động ngay khi bắt đầu và sau khi ngừng sử dụng. Bên cạnh đó, thiết bị vệ sinh thông minh có khả năng chống nước thải chảy ngược và ngăn mùi một cách linh hoạt.

Gạch bê tông khí Viglacera: Giải pháp xây dựng hiện đại

Ưu điểm vượt trội

Gạch bê tông khí chưng áp Viglacera là sản phẩm gạch xây cao cấp, được sản xuất theo dây chuyền công nghệ của Cộng hòa liên bang Đức, là loại vật liệu mang tính cách mạng đã được sử dụng rộng rãi ở các nước trên thế giới. Sản phẩm gạch block bê tông khí chưng áp Viglacera có nhiều tính năng ưu việt như: Tỷ trọng nhẹ, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất xây dựng; tính năng bảo ôn cách nhiệt cao; cách âm tốt; tính chịu nhiệt đạt tiêu chuẩn cấp 1; gia công dễ dàng tại công trường; khả năng chịu chấn động tốt; linh hoạt trong sản xuất và bảo vệ môi trường; thao tác kỹ thuật đường điện nước đơn giản, dễ dàng...

Sản phẩm gạch bê tông khí có thể sản xuất theo nhiều kích cỡ khác nhau tùy theo yêu cầu của các công trình. Hiện nay, quy cách sản phẩm phổ biến là: 600x200x100, 600x200x150 và 600x200x200. Chia sẻ với DDDN, nhiều chuyên gia cho rằng, sản phẩm gạch bê tông khí của Viglacera đặc biệt thích hợp cho các công trình chung cư cao tầng, biệt thự, nhà liền kề. Hiện tại, sản phẩm gạch bê tông khí Viglacera đã được cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN 7959:2011 và được sử dụng tại một số công trình cao cấp. Sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp Viglacera được sử dụng phổ biến tại các công trình đã góp phần hiện thực hóa chủ trương phát triển vật liệu xây dựng không nung của Chính phủ, đồng thời khẳng định vai trò tiên phong của TCT Viglacera trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng tại Việt Nam.

Với những ưu điểm vượt trội đã được khẳng định ở nhiều công trình, các chuyên gia vật liệu xây dựng kỳ vọng, loại gạch block bê tông khí chưng áp sẽ là sản phẩm ưu việt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước trong bối cảnh hiện tại và tương lai.

LỄ KỶ NIỆM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM
NGHỊ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY VIGLACERA -



VIGLACERA
ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN
LỰC TRÌNH ĐỘ CAO, ĐẠT TIÊU CHUẨN
ANH QUỐC ĐƯỢC HỘI ĐỒNG ANH
TRAO CHỨNG NHẬN ĐẠT CHUẨN
VƯƠNG QUỐC ANH.



Năm 2015, trở thành năm đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của Viglacera với mục tiêu chủ động hội nhập quốc tế về mọi mặt từ sản xuất kinh doanh cho đến nghiên cứu và đào tạo. Các hợp tác đào tạo quốc tế thành công, Viglacera sẽ có sự thay đổi vượt bậc về "chất" với đội ngũ tinh nhuệ, chuyên môn sâu, làm chủ công nghệ sản xuất tiên tiến, sẵn sàng cạnh tranh với những đối thủ lớn trên thế giới. Viglacera luôn coi nhân lực chất lượng là "nguyên khí" để phát triển bền vững, vì vậy TCT đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là nhân tố nền tảng, then chốt trong chiến lược phát triển chung của TCT.

Hợp tác đào tạo giữa TCT Viglacera – CTCP và Hội đồng kỹ năng nghề Proskills là một trong những chương trình phát triển nguồn nhân lực trình độ cao nổi bật nhất mà Viglacera đang hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Hợp tác này đã được hai bên triển khai rất tích cực, đạt hiệu quả cao và chuẩn bị đón nhận Chứng nhận Trường CĐ Nghề Viglacera đạt chuẩn Vương Quốc Anh. Đồng thời, Hợp tác này cũng vừa được Hội đồng Anh trao giải thưởng British Council International Partnership of the Year Award - Giải Chương trình hợp tác đối tác quốc tế xuất sắc của năm cho chương trình Hợp tác phát triển kỹ năng quốc tế giữa Viglacera và Hội đồng kỹ năng Nghề Proskills UK. Đây là hợp tác duy nhất được Hội đồng Anh trao giải trong tổng số 25 nước có hợp tác đối tác quốc tế với Vương Quốc Anh tham dự.

Bên cạnh hợp tác đào tạo nhân lực đạt chuẩn Anh Quốc, Viglacera cũng triển khai nhiều hợp tác hiệu quả với các Trường Đại học hàng đầu tại Việt Nam như Đại học Xây dựng, Đại học Bách Khoa với quy mô đào tạo rộng từ công nhân lành nghề, kỹ sư đến thạc sỹ.

Tính đến hết 2015, toàn Tổng công ty đã cử 73 cán bộ dự tuyển các khóa đào tạo thạc sỹ kỹ thuật chuyên ngành KHKT vật liệu Phi kim; KHKT vật liệu; quản lý dự án đầu tư xây dựng - KTXD. Trong đó: 08 học viên đã tốt nghiệp chuyên ngành KHKT vật liệu phi kim - Trường đại học bách khoa; 02 học viên đã tốt nghiệp ngành KHKT vật liệu - Trường đại học xây dựng; số còn lại đang tiếp tục học tập và nghiên cứu, dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm 2016.

Để tiết kiệm thời gian và chi phí đào tạo ban đầu đối với các kỹ sư trẻ mới tốt nghiệp đại học, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, Viglacera cũng ký hợp đồng nguyên tắc với Trường đại học xây dựng về đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. Với hợp tác này, Viglacera sẽ hỗ trợ các sinh viên ngay từ khi còn học tại trường có thể được học tập thực tế trong môi trường sản xuất của Viglacera để sau khi ra trường có thể làm việc ngay mà không mất thêm thời gian, kinh phí để đào tạo lại.



VIGLACERA NÂNG CẤP LĨNH VỰC QUẢN LÝ VÀ
VẬN HÀNH CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN, GIA
TĂNG GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CHO KHÁCH HÀNG,
HƯỚNG TỚI ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.



Thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng: Phát triển các Khu đô thị, tòa nhà xanh, tiết kiệm năng lượng, bền vững, ngoài việc thiết kế quy hoạch hợp lý - đầu tư có chất lượng thì công tác quản lý và vận hành phải đạt chất lượng quốc tế và việc này sẽ kéo dài hết thời gian, tuổi đời của dự án. Chính vì vậy, Viglacera đã hợp tác cùng Công ty Sankei Building Management của Nhật Bản, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành và Công ty CP OWI thành lập Công ty CP VISAHO. Đặc biệt, Công ty Sankei Building Management thuộc Tập đoàn Sankei Building - một tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đầu tư, kinh doanh và quản lý bất động sản chuyên nghiệp hàng đầu tại Nhật Bản.

Công ty ra đời sẽ cung cấp các giải pháp quản lý, vận hành toàn diện, chuyên nghiệp cho các dự án bất động sản, tạo môi trường sống và làm việc đạt tiêu chuẩn, đẳng cấp Nhật Bản, mang lại sự hài lòng cho khách hàng, làm tăng giá trị bất động sản cho các chủ sở hữu và từng bước tăng khả năng cạnh tranh, khẳng định thương hiệu của các cổ đông sáng lập trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Trước mắt công ty sẽ tập trung trong công tác tư vấn quản lý, vận hành các dự án nhà ở và sau đó tiếp tục đầu tư dịch vụ tại các dự án khu công nghiệp.

Tiếp theo sẽ tiếp tục triển khai thành lập mới Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh Hạ Tầng khu CN Viglacera – Viglacera góp 60% vốn điều lệ và các đối tác trong và ngoài nước quản lý vận hành các Khu công nghiệp để nâng cao chất lượng quản lý vận hành theo Tiêu chuẩn quốc tế.

HỢP TÁC QUỐC TẾ

Với mục tiêu phát triển Tổng công ty Viglacera-CTCP trở thành doanh nghiệp đa quốc gia với hai lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng cao cấp và bất động sản đa lĩnh vực, phát triển ổn định, bền vững; đảm bảo các mục tiêu kế hoạch trung và dài hạn đặt ra, đặc biệt trong việc phát triển công nghệ "xanh", thân thiện môi trường và bất động sản đa lĩnh vực.

Viglacera đã và đang xúc tiến triển khai mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác hàng đầu trên thế giới để phục vụ cho hoạt động đầu tư phát triển trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt tập trung ở các nhóm sản phẩm trọng tâm như kính, sứ vệ sinh, gạch ốp lát, gạch ngói, gạch không nung và bất động sản. Trong đó:

Kính và thủy tinh:

Hợp tác toàn diện trong lĩnh vực phát triển kính công nghệ cao, thân thiện môi trường như kính tiết kiệm năng lượng, siêu trắng, pin năng lượng mặt trời và các sản phẩm sau kính cao cấp. Trong đó, đã và đang hợp tác với Tập đoàn Von Ardenne GmbH (Đức) - tập đoàn hàng đầu thế giới về cung cấp thiết bị và công nghệ phủ để triển khai dự án kính tiết kiệm năng lượng, các Viện nghiên cứu hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực kính và thủy tinh như Fraunhofer ISE (Đức) trong nghiên cứu phát triển các lớp phủ phản quang cho kính Solar control, các lớp phủ cho kính Low-E và giải pháp tiết kiệm năng lượng tổng thể cho các công trình xây dựng, xây dựng trung tâm thí nghiệm và nghiên cứu phát triển sản phẩm kính tiết kiệm năng lượng tại Việt Nam.

Đồng thời, tiếp tục duy trì và hợp tác với các đối tác về phát triển công nghệ sản xuất, thương mại trong các nhà máy sản xuất kính hiện nay như Saint Gobain (Pháp), Leybold optic (Đức), Nippon Sheet Glass (Nhật), CTIEC (Trung Quốc), Gevantis (Thụy Sĩ)...

Sứ vệ sinh-sen vòi:

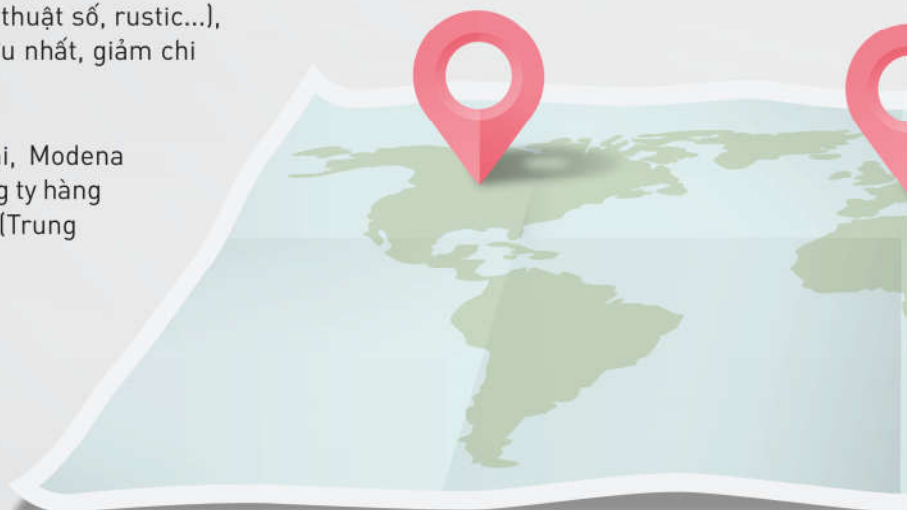
Tập trung cập nhật và nâng cao công nghệ sản xuất; phát triển mẫu mã sản phẩm, tính năng sản phẩm, các bộ sản phẩm đồng bộ giá trị cao như sứ vệ sinh-sen vòi tiết kiệm nước, phủ nano chống kháng khuẩn... và nâng cao năng suất lao động.

Các đối tác đã và đang hợp tác: Sacmi, VALM, IMR S.P.A (Italia), ROCA (Tây Ban Nha), SCG (Thái Lan) và các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực thiết kế mẫu mã sản phẩm của Pháp, Italia;

Gạch ốp lát:

Hợp tác trong phát triển công nghệ sản xuất, phát triển mẫu mã sản phẩm mới giá trị gia tăng cao (in kỹ thuật số, rustic...), trong quản lý và vận hành sản xuất tối ưu nhất, giảm chi phí và nâng cao năng suất lao động...

Các đối tác đã và đang hợp tác: Sacmi, Modena (Italia), Kerajet (Tây Ban Nha) và các công ty hàng đầu tại khu vực châu Á như AOISIBO (Trung Quốc), IMOLA (Đài Loan)...



Gạch ngói:

Hợp tác trong nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất nhằm gia tăng giá trị sản phẩm (các sản phẩm mỏng như ngói lợp, gạch lát, tấm ốp), đặc biệt phát triển sản phẩm mới gạch clinker có tính năng ưu việt như chống rêu mốc, chịu mài mòn và độ cứng cao, chịu băng giá..., tiết kiệm tài nguyên, tự động hóa và cơ giới hóa trong quá trình sản xuất, tăng năng suất lao động và cải thiện điều kiện làm việc;

Các đối tác đã và đang hợp tác: Sacmi, Bedeschi (Italia), Ceric (Pháp)....

Các sản phẩm mới:

Hợp tác để phát triển, cung cấp các sản phẩm không nung, thân thiện môi trường (gạch bê tông khí), các sản phẩm là đầu vào cho sản xuất vật liệu của Tổng công ty (vôi, men màu...);

Các đối tác đã và đang hợp tác: Wehrhahn GmbH (Đức) là tập đoàn hàng đầu thế giới về cung cấp thiết bị, công nghệ sản phẩm không nung, Cimprogetti (Italia), Alba Aluminu (Rumania)...

Lĩnh vực bất động sản:

Hợp tác trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, hợp tác đầu tư thành lập và quản lý vận hành các khu đô thị và nhà ở, khu công nghiệp để nâng cao chất lượng thiết kế khu đô thị và nhà ở đạt mục tiêu xanh – sạch – đẹp, thân thiện môi trường; quản lý và vận hành đạt tiêu chuẩn quốc tế như Khu đô thị Đặng Xá, Xuân Phương; các Khu công nghiệp Tiên Sơn, Yên Phong ...

Các đối tác đã và đang hợp tác: các đơn vị tư vấn thiết kế như GHD Ltd (Australia), AG INGO Design Studio (Singapore), CMV (Tây Ban Nha), CSP (Hongkong), Bate & Gleed (Hungari)... các đối tác hợp tác tham gia tư vấn, tham gia thành lập công ty cổ phần để kinh doanh, vận hành quản lý các khu công nghiệp, khu đô thị như CBRE, Sankei Building (Nhật Bản)...

Lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Đã và đang hợp tác với Tổ chức đào tạo kỹ năng nghề Prosskill (Anh) để nâng cao chuẩn chất lượng đào tạo; xây dựng và hoàn thiện các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề đạt tiêu chuẩn Vương quốc Anh, tiêu chuẩn và chất lượng Quốc tế đáp ứng nguồn nhân lực cho mục tiêu, yêu cầu phát triển của Tổng công ty;











BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2015

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM CỦA TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH ĐHCĐ giao năm 2015	Thực hiện năm 2015	% KH ĐHCĐ
1, Lợi nhuận trước thuế				
+ Tổng công ty -CTCP (hợp nhất)	tr.đồng	290,61	524,275	180%
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	147,54	245,871	167%
2, Tổng doanh thu				
+ Thực hiện đầu tư công ty mẹ	tr.đồng	2,344,000	1,395,000	60%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	-	1,393,000	855,000	61%
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	21,000	21,000	100%
4, Thực hiện đầu tư công ty mẹ	tr.đồng	2,344,000	1,395,000	60%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	-	1,393,000	855	61%
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	-	404	423	105%
+ Lĩnh vực vật liệu	-	526	75	14%
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	21	21	100%
5, Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tr. đồng	3,070,000	2,645,000	

Kết quả chỉ tiêu hiệu quả SXKD của Công ty Mẹ-Tổng công ty cổ phần đều đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao, trong đó lãi trước thuế đạt 245,87 tỷ đồng tăng 67% so với KH ĐHCĐ; đã thực hiện trích trước chi phí sửa chữa ngội tại Công ty Kính nổi Viglacera 50 tỷ đồng, trích dự phòng tài chính thêm 52,3 tỷ đồng. Lãi trước thuế của các đơn vị trực thuộc tăng trưởng cao; đặc biệt các đơn vị sản xuất vật liệu như Kính nổi Viglacera lãi 112 tỷ đồng tăng 4,7 lần so với thực hiện 2014, Sứ Bình Dương lãi 11,9 tỷ đồng tăng 1,4 lần so với thực hiện năm 2014, Sen vôi Viglacera lãi 3,2 tỷ đồng đạt 150% kế hoạch và bằng 2 lần so với thực hiện 2014.

Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu bình quân Công ty mẹ năm 2015 là 8,5%; lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 929 đồng tăng 29% so với thực hiện 2014, đảm bảo mức chia cổ tức năm 2015 của Tổng công ty Viglacera-CTCP là 3,5% theo Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và có thể dự kiến mức chia cổ tức là 4%.

Các khoản đầu tư của Tổng Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả sinh lời, nguồn thu cổ tức từ các công ty con và công ty liên kết ổn định. Đối với các đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh chưa đạt mục tiêu đề ra, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát tổng thể, và xây dựng phương án tái cơ cấu toàn diện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Hoạt động quản trị và điều hành

Trong năm, trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, HĐQT và Ban TGD điều hành đã triển khai các giải pháp, công việc trong hoạt động quản trị, điều hành chủ yếu như sau:

Triển khai việc tái cơ cấu toàn diện trong toàn Tổng công ty trên cơ sở nhìn nhận đánh giá đúng thực trạng đối với từng lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty về mô hình tổ chức, về tài chính, về cơ cấu sản phẩm, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh... Tập trung vào những tồn tại, bất cập tại các đơn vị có năng lực cạnh tranh thấp từ

đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện cụ thể, điều hành quyết liệt để đạt được mục tiêu đã đặt ra.

Triển khai đăng ký lưu ký cổ phiếu Tổng công ty Viglacera-CTCP trên sàn UPCOM; chuẩn bị các bước thực hiện tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP lên 3.070 tỷ đồng và giảm vốn nhà nước về 78%.

Xây dựng và giao Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2016 cho các đơn vị ngay từ tháng 12/2015; đồng thời



thông qua Bộ Xây dựng Kế hoạch SXKD và đầu tư giai đoạn 2016-2020 toàn Tổng công ty phù hợp với đề án tái cơ cấu của Tổng công ty. Tập trung chỉ đạo trực tiếp các đơn vị đang gặp khó khăn; cử cán bộ Tổng công ty biệt phái xuống các đơn vị để cùng triển khai công việc, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm, cơ cấu sản phẩm, việc thực hiện các định mức kinh tế-kỹ thuật.

Kiểm soát đánh giá chất lượng sản phẩm cho tất cả các nhóm sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành; triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCN nhằm tiết giảm và sử dụng hiệu quả nguyên nhiên vật liệu; nâng cao chất lượng sản phẩm; cơ giới hóa và tự động hóa để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất....

Duy trì và từng bước nâng cao chất lượng công tác phân

tích, đánh giá thị trường và các đối thủ cạnh tranh để từ đó có chiến lược cạnh tranh cụ thể đối với từng nhóm sản phẩm và của từng đơn vị sản xuất; xây dựng và triển khai Chiến lược xuất khẩu của Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 theo định hướng chiến lược phát triển và các chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đối với thế giới.

Tập trung chỉ đạo công tác phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo gắn liền với thực tiễn công nghệ vật liệu của Tổng công ty. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty; đồng thời ban hành cơ chế chính sách thu hút các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về công tác tại Tổng công ty.

Công tác đầu tư

Lĩnh vực vật liệu

Tiếp tục triển khai dự án đề tài dự án nghiên cứu khoa học cấp nhà nước thiết kế chế tạo dây chuyền sản xuất bê tông khí chưng áp công suất 200 nghìn m³/năm và khởi công dự án đầu tư dây chuyền sản xuất kính tiết kiệm năng lượng công suất 2,3 triệu m²/năm tại Bình

Dương. Tiếp tục đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ mới, bổ sung thiết bị nâng cao chất lượng và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, tạo sự khác biệt và khai thác tối đa năng lực thiết bị hiện có.

Lĩnh vực bất động sản

- Tổ chức khởi công 02 dự án Khu công nghiệp là Phú Hà (350ha), Phong Điền (284 ha) nâng tổng số các KCN của Viglacera lên 06 KCN với tổng diện tích là 1.613 ha.
- Khởi công dự án Khu nhà ở và công trình công cộng-thể thao tại 671 Hoàng Hoa Thám (giai đoạn III), dự án tổ hợp thương mại, văn phòng và căn hộ cho thuê tại Ngã 6 Bắc Ninh (giai đoạn II) và các dự án cải tạo, mở rộng các tuyến đường tại KCN Yên Phong, tỉnh lộ 286 – Bắc Ninh;
- Tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án hợp tác đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; dự án mở rộng KĐT Đặng Xá (giai đoạn III); các dự án KCN là KCN Tiên Hải (Thái Bình), KCN Cẩm Khê (Phú

Thọ), KCN Thuận Thành và KCN Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh)

- Thành lập và đưa vào hoạt động Công ty CP Visaho nhằm chuyên nghiệp hóa lĩnh vực quản lý và vận hành các dự án bất động sản của Tổng công ty.
- Triển khai các thủ tục đầu tư các dự án KCN Yên Phong mở rộng (314ha) tại Bắc Ninh, KCN Cẩm Khê (400ha) tại Phú Thọ, KCN Tiên Hải (446ha) tại Thái Bình, KCN Đồng Văn IV (khoảng 300 ha) tại Hà Nam. Đồng thời, triển khai các dự án nâng công suất, mở rộng các Trạm xử lý nước thải, cấp nước sạch tại các KCN hiện có, nâng cao chất lượng dịch vụ và khai thác tối đa hiệu quả vận hành KCN.

Đánh giá chung về hoạt động của các đơn vị thành viên và của toàn Tổng công ty Viglacera

Với việc nhìn nhận đúng thực trạng đối với từng lĩnh vực hoạt động, tập trung vào những tồn tại bất cập của đơn vị, từ những bài học kinh nghiệm trong quản lý điều hành của năm trước; từ việc thực hiện tái cơ cấu toàn diện, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, có trọng tâm đối với từng lĩnh vực, từng đơn vị; hoạt động của các đơn vị đã có nhiều tiến bộ, chuyển biến tích cực, kết quả hoạt động SXKD của tất cả các lĩnh vực, các nhóm sản phẩm năm 2015 đều có lãi, tăng cao so với thực hiện năm 2014.

Lĩnh vực vật liệu

Kết quả hoạt động đạt 118% KH năm, tăng lãi 230 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014. Tất cả các nhóm sản phẩm đều hoạt động có lãi, đặc biệt kính nổi, gạch ốp lát, sứ-sen vôi có lợi nhuận tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2014.

Trong năm 2015, đã tổ chức triển khai đầu tư và đưa vào vận hành 03 dự án là dự án nhà máy gạch clinker, công suất 2 triệu m²/năm; dự án mở rộng nhà máy granite Thái Bình (CP Tiên Sơn) công suất 2 triệu m²/năm; dự án cải tạo chuyển đổi sản xuất 100% ngói tự động tại Nhà máy gạch Hoàn Bô (CP Viglacera Hạ Long).

Lĩnh vực bất động sản

Đây là lĩnh vực do Công ty Mẹ trực tiếp điều hành, kinh doanh; kết quả hoạt động tăng trưởng 5% so với TH 2014; các chỉ tiêu giá trị SXKD, doanh thu đều cơ bản hoàn thành kế hoạch.

Trong năm 2015, đã tập trung triển khai các dự án nhà ở thương mại có diện tích nhỏ, giá trị các căn hộ thấp; nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá 1, 2; dự án nhà ở cao cấp tại Tổ hợp Thăng Long No1 và các khu công nghiệp. Trong đó, đã khánh thành, bàn giao đưa vào sử dụng Khu nhà ở xã hội tại khu đô thị Đặng Xá, nâng tổng số nhà ở XH tại khu đô thị này lên 3500 căn.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện vốn đầu tư phát triển của Công ty Mẹ - Tổng công ty CP đạt 1.395 tỷ đồng bằng 60% Kế hoạch thông qua tại Đại hội đồng cổ đông; trong đó:

- Lĩnh vực kinh doanh nhà: Giá trị thực hiện đạt 855 tỷ đồng, đạt 61% KH. Tập trung triển khai đầu tư mới, đẩy nhanh các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở công nhân tại các KCN, tại Khu đô thị Đặng Xá 1, 2; là các dự án có thị trường, có dòng tiền và thu hồi vốn nhanh và các dự án nhà ở thương mại cao cấp. Trong đó, khánh thành, bàn giao đưa vào sử dụng Khu nhà ở xã hội tại khu đô thị Đặng Xá, nâng tổng số nhà ở XH tại khu đô thị này lên 3500 căn; Khởi công dự án Khu nhà ở và công trình công cộng-thể thao tại 671 Hoàng Hoa Thám (giai đoạn III), dự án tổ hợp thương mại, văn phòng và căn hộ cho thuê tại Ngã 6 Bắc Ninh (giai đoạn II)

Một số các dự án dự kiến đầu tư mới với tổng giá trị vốn đầu tư kế hoạch là 595 tỷ đồng (chiếm 43% vốn đầu tư KH), như Khu đô thị Đặng Xá 3, Tổ hợp Thăng Long No1 GĐII, các dự án hợp tác đầu tư được giãn tiến độ do yếu tố khách quan về thủ tục, chính sách điều chỉnh của địa phương, mặt khác xét đến yếu tố thị trường và nhu cầu vốn chưa thuận lợi nên được chủ động giãn tiến độ; dự án 671 Hoàng Hoa Thám GĐ III cũng được điều chỉnh tiến độ để xem xét phương án kiến trúc, quy mô để điều chỉnh phù hợp và đáp ứng nhu cầu khách hàng, nâng cao khả năng kinh doanh.

- Lĩnh vực Khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật và dịch

vụ: Giá trị thực hiện đạt 423 tỷ đồng. Trong năm 2015, đã tổ chức khởi công đúng kế hoạch 02 dự án Khu công nghiệp là Phú Hà (350ha), Phong Điền (284 ha) nâng tổng số các KCN của Viglacera lên 06 KCN với tổng diện tích là 1.613 ha và triển khai các dự án cải tạo, mở rộng các tuyến đường tại KCN Yên Phong, tỉnh lộ 286 – Bắc Ninh; các dự án nâng công suất, mở rộng các Trạm xử lý nước thải, cấp nước sạch của KCN. Tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án KCN mới là KCN Tiên Hải (Thái Bình), KCN Cẩm Khê (Phú Thọ), KCN Thuận Thành và KCN Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh)

- Lĩnh vực vật liệu: Giá trị thực hiện đạt 75 tỷ đồng, đạt 14% KH. Trong đó, chủ yếu triển khai và khởi công dự án đầu tư dây chuyền kính tiết kiệm năng lượng và một số dự án đầu tư chiều sâu trong nhóm sản phẩm sứ-sen vôi
- Giá trị thực hiện đạt thấp so với kế hoạch; chủ yếu triển khai hai dự án, trong đó đối với dự án kính tiết kiệm năng lượng: thực hiện kỹ công tác chuẩn bị đầu tư (kéo dài thêm 6 tháng) so với dự kiến, đặc biệt trong việc lựa chọn nhà thầu cung cấp công nghệ kỹ thuật, công tác chuẩn bị vốn và nghiên cứu thị trường để đảm bảo lựa chọn công nghệ, thiết bị tốt nhất (đã lựa chọn nhà thầu Von Ardenne – Đức); đối với dự án chuyển đổi nhiên liệu tại Công ty Kính nổi Viglacera cũng được giãn tiến độ để nghiên cứu khảo sát công nghệ phù hợp, đồng thời hiện nay thị trường đang có nhu cầu tốt, giá nhiên liệu giảm cho

hiệu quả kinh doanh tốt, nên việc giãn tiến độ cũng là phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Các dự án này cũng sẽ được tích cực và đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2016.

- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển: Giá trị thực hiện đạt 21 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện Dự án khoa học công nghệ cấp Nhà nước "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông chung áp công suất 200.000m³/năm" theo tiến độ; đồng thời triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học theo kế hoạch, trong đó thực hiện các nội dung theo thỏa thuận hợp tác với Viện nghiên cứu Fraunhofer ISE (Đức) trong nghiên cứu phát triển các lớp phủ phản quang cho kính Solar control, các lớp phủ cho kính Low-E và giải pháp tiết kiệm năng lượng tổng thể cho các công trình xây dựng; hợp tác với đối tác Wehrhahn (Đức) trong nghiên cứu phát triển về gạch không nung, bước đầu đã khảo sát, đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, công suất của Nhà máy bê tông khí lên 200.000m³/năm;
- Xây dựng và phê duyệt đề án tái cơ cấu của 12 đơn vị có khó khăn về tài chính, năng lực cạnh tranh thấp, đưa ra các mốc tiến độ, mục tiêu cụ thể để từng bước tháo gỡ khó khăn, tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

Mặt khác, với vai trò là Công ty Mẹ, Tổng công ty Viglancea-CTCP đã đơn đốc và cùng với các đơn vị thành viên triển khai các dự án vật liệu trọng điểm như: đầu tư và đưa vào vận hành 03 dự án là dự án nhà máy gạch clinker, công suất 2 triệu m²/năm; dự án mở rộng nhà máy granite Thái Bình (CP Tiên Sơn) công suất 2 triệu m²/năm; dự án cải tạo chuyển đổi sản xuất 100% ngói tự động tại Nhà máy gạch Hoàn Bồ (CP Viglacera Hạ Long); tiếp tục đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ mới, bổ sung thiết bị nâng cao chất lượng và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, tạo sự khác biệt và khai thác tối đa năng lực thiết bị hiện có.

- Thực hiện tăng vốn cho Công ty CP Viglacera Hạ Long, CP Viglacera Tiên Sơn để đầu tư phát triển, tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Bê tông khí Viglacera để tái cơ cấu về tài chính; Hoàn thành thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Clinker Viglacera và Công ty CP Nguyên liệu Viglacera



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2015

Báo cáo hợp nhất

2014 8,008,725,810,121

361,276,954,724

2015 7,819,904,600,274

406,501,599,709

Doanh thu thuần

Lợi nhuận sau thuế

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng(+)/ Giảm (-)
a) Tình hình tài chính				
Tổng giá trị tài sản	12,316,682,187,115	11,663,300,477,351	(653,381,709,764)	95.4%
Doanh thu thuần	8,008,725,810,121	7,819,904,600,274	(188,821,209,847)	97.6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	474,587,428,202	602,060,890,249	127,473,462,047	126.9%
Lợi nhuận khác	(29,076,708,471)	(77,786,012,944)	(48,709,304,473)	267.5%
Lợi nhuận trước thuế	453,719,426,905	524,274,877,305	70,555,450,400	115.6%
Lợi nhuận sau thuế	361,276,954,724	406,501,599,709	45,224,644,985	112.5%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	N/A	1,242		
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1.3	1.4	0.1	
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:	1.07	1.04	(0.03)	
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0.4	0.5	0.1	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	76%	72%	(4%)	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	319%	253%	(66%)	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1.7	1.9	0.2	
+ Vòng quay hàng tồn kho (không bao gồm kinh doanh Bất động sản)	5.0	4.7	(0.3)	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.7	0.7	(0.0)	
+ Vòng quay các khoản phải thu	5.6	5.3	(0.3)	
+ Vòng quay vốn lưu động	0.7	0.7		
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.5%	5.2%	0.7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13.7%	15.4%	1.7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2.9%	3.5 %	0.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	5.9%	7.7%	1.8%	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2015

Báo cáo Công ty mẹ

2014 3,716,092,447,943

138,481,072,731

2015 3,451,805,713,420

180,892,282,220

Doanh thu thuần

Lợi nhuận sau thuế

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng(+)/ Giảm (-)
a) Tình hình tài chính				
Tổng giá trị tài sản	9,747,954,431,110	8,774,908,542,543	(973,045,888,567)	90.9%
Doanh thu thuần	3,716,092,447,943	3,451,805,713,420	(264,286,734,523)	92.9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	201,814,547,223	293,488,336,974	91,673,789,751	150.6%
Lợi nhuận khác	(10,987,301,150)	(47,617,095,824)	(36,629,794,674)	433.4%
Lợi nhuận trước thuế	190,827,246,073	245,871,241,150	55,043,995,077	133.7%
Lợi nhuận sau thuế	138,481,072,731	180,892,282,220	42,411,209,489	137.5%
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1.4	1.5	0.1	
+ Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn:	1.3	1.3	0.0	
+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh:	0.5	0.7	0.1	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	71%	66%	(5%)	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	247%	194%	(53%)	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	1.1	1.2	0.1	
+ Vòng quay hàng tồn kho (không bao gồm kinh doanh Bất động sản)	8.6	8.4	(0.2)	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.4	0.4		
+ Vòng quay các khoản phải thu	2.7	2.5	(0.2)	
+ Vòng quay vốn lưu động	0.4	0.4		
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.7%	5.2%	1.5%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5.2%	6.8%	1.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.4%	2.1%	0.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.4%	8.5%	3.1%	

CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ

Báo cáo hợp nhất

2014 12,316,682,187,115

9,377,083,026,733

2015 11,663,300,477,351

8,361,166,967,558

Tổng giá trị tài sản

Tổng Nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng(+)/ Giảm (-)
a) Cơ cấu tài sản				
Tổng giá trị tài sản	12.316.682.187.115	11.663.300.477.351	(653.381.709.764)	-5,3%
- Tài sản ngắn hạn	6.091.715.453.126	4.933.297.140.399	(1.158.418.312.727)	-19,0%
- Tài sản dài hạn	6.224.966.733.989	6.730.003.336.952	505.036.602.963	8,1%
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	49,5%	42,3%	-7,2%	-14,5%
Chi tiêu				
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.262.723.017.551	1.324.213.724.130	61.490.706.579	4,9%
+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(96.058.719.361)	(116.066.842.268)	(20.008.122.907)	20,8%
b) Cơ cấu nợ phải trả				
Tổng Nợ phải trả	9.377.083.026.733	8.361.166.967.558	(1.015.916.059.175)	-10,8%
- Nợ ngắn hạn	5.696.038.241.449	4.749.507.307.226	(946.530.934.223)	-16,6%
- Nợ dài hạn	3.681.044.785.284	3.611.659.660.332	(69.385.124.952)	-1,9%
Cơ cấu Nợ ngắn hạn/ Nợ phải trả	60,7%	56,8%	-3,9%	-6,5%
Chi tiêu				
+ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	993.283.586.884	811.323.863.751	(181.959.723.133)	-18,3%

CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ

Báo cáo Công ty mẹ

2014 9,747,954,431,110

6,939,801,557,319

2015 8,774,908,542,543

5,787,752,336,788

Tổng giá trị tài sản

Tổng Nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ Tăng(+)/ Giảm (-)
a) Cơ cấu tài sản				
Tổng giá trị tài sản	9.747.954.431.110	8.774.908.542.543	(973.045.888.567)	-10.0%
- Tài sản ngắn hạn	4.831.805.828.210	3.658.545.083.576	(1.173.260.744.634)	-24.3%
- Tài sản dài hạn	4.916.148.602.900	5.116.363.458.967	200.214.856.067	4.1%
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	49.6%	41.7%	-7.9%	-15.9%
Chi tiêu				
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.163.766.423.229	1.268.784.650.801	105.018.227.572	9.0%
+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.606.109.911)	(5.111.454.070)	494.655.841	
b) Cơ cấu nợ phải trả				
Tổng Nợ phải trả	6.939.801.557.319	5.787.752.336.788	(1.152.049.220.531)	-16.6%
- Nợ ngắn hạn	3.695.664.565.724	2.770.053.549.504	(925.611.016.220)	-25.0%
- Nợ dài hạn	3.244.136.991.595	3.017.698.787.284	(226.438.204.311)	-7.0%
Cơ cấu Nợ ngắn hạn/ Nợ phải trả	53.3%	47.9%	-5.4%	-10.1%
Chi tiêu				
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	654.533.311.587	232.310.453.218	(422.222.858.369)	-64.5%
+ Vay và nợ dài hạn	650.495.049.611	317.679.344.357	(332.815.705.254)	-51.2%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên của Kế hoạch 5 năm 2016-2020, là năm khởi đầu cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mới của đất nước. Cũng là năm kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và rộng với quốc tế thông qua các hiệp định thương mại, hiệp ước hợp tác có hiệu lực. Đây chính là những động lực thúc đẩy sự phát triển của Tổng công ty Viglacera lên tầm cao mới. Tuy nhiên, chắc chắn sẽ có những khó khăn thách thức mới mà Tổng công ty phải vượt qua, đặc biệt là vấn đề về năng lực cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty với

các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Với những ý nghĩa đặc biệt quan trọng đó, trên cơ sở phát huy kết quả đạt được của năm 2015, tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD năm 2016 của Tổng công ty Viglacera-CTCP cùng với các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như sau

1- Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2016 của Tổng công ty CTCP

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2015	KH năm 2016
1, Lợi nhuận trước thuế			
+ Tổng công ty-CTCP (hợp nhất)	tr.đồng	524,275	560,000
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	245,871	280,000
2, Doanh thu			
+ Toàn Tổng công ty (hợp cộng)	tr.đồng	14,192,310	16,000,000
+ Tổng công ty-CTCP (hợp nhất)	tr.đồng	8,000,663	8,200,000
+ Công ty Mẹ (đã trừ doanh thu nội bộ)	tr.đồng	3,500,275	3,550,000
4, Thực hiện đầu tư	tr. đồng	1,395,000	1,750,000
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	855	400
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	-	423	570
+ Lĩnh vực vật liệu	-	75	760
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	21	20
5, Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP	-	2,645,000	3,070,000

Chỉ tiêu lợi nhuận Kế hoạch năm 2016 của Công ty Mẹ bao gồm lợi nhuận từ hoạt động SXKD và cổ tức dự kiến từ đầu tư tài chính; đã tính đến trích trước khấu hao sửa chữa nguội cho nhà máy kính nổi Viglacera 50 tỷ

đồng, trích phân bổ giá trị tiềm năng phát triển là 22,87 tỷ đồng, chi phí thương hiệu khi cổ phần hóa là 23,3 tỷ đồng.

2- Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong năm 2016

2.1- Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế.
2. Nâng cao năng suất lao động bằng các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa và cơ cấu lại mô hình tổ chức.
3. Tập trung các nguồn lực, đẩy mạnh công tác xuất khẩu đạt kế hoạch năm 2016 và kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế;
4. Triển khai đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, hiệu quả cao như kính tiết kiệm năng lượng, pin năng lượng mặt trời...
5. Triển khai đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở hợp tác, liên doanh đầu tư bằng tài sản, dịch vụ kỹ thuật và công nghệ, thương mại.
6. Triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư để mở rộng quy đất cho phát triển các dự án nhà ở và khu công nghiệp mới theo đúng kế hoạch.
7. Tập trung triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 và các năm tiếp theo

2.2- Các giải pháp trọng tâm

1. Công tác tái cơ cấu
 - Triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP lên 3.070 tỷ đồng và giảm vốn nhà nước về 78%, tạo nguồn vốn cho công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty.
 - Hoàn thiện phương án điều chỉnh để án tái cơ cấu của Tổng công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; chuẩn bị tốt việc thành lập các công ty cổ phần do Công ty Mẹ góp vốn để triển khai đầu tư các dự án mới.
 - Tiếp tục và hoàn thành thực hiện quyết toán vốn nhà nước tại Tổng công ty để bàn giao sang doanh nghiệp Tổng công ty Viglacera-CTCP.
 - Ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn Tổng công ty và Quy chế thù lao người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các công ty cổ phần.
 - Thành lập mới Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Viglacera để triển khai kinh doanh, vận hành các khu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng quản lý vận hành chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế trên cơ sở cổ phần có sự tham gia của các đối tác nước ngoài có uy tín, kinh nghiệm, dự kiến vốn góp của Viglacera chiếm 60% vốn điều lệ

Mục tiêu chính đặt ra của kế hoạch 2016 là

1

Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016, làm cơ sở để triển khai thực hiện Kế hoạch 2016-2020 với mục tiêu tăng trưởng bình quân các chỉ tiêu chính từ 10-15%;

2

Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới; đáp ứng và tận dụng tối đa cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế

3

Triển khai đúng kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.070 tỷ đồng

4

Tiếp tục bám sát mục tiêu phát triển Tổng công ty Viglacera-CTCP là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng cao cấp và đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực

5

Tập trung các giải pháp để tăng năng suất lao động tối thiểu 10% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động và tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong và ngoài nước

2. Công tác điều hành của Công ty Mẹ

- Duy trì công tác giao ban hàng tuần, hàng tháng đánh giá kết quả theo cam kết của từng Ban, từng nhóm sản phẩm để chỉ đạo khắc phục cụ thể, kịp thời các khó khăn vướng mắc nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch ngay từ tháng đầu, quý đầu.
- Tập trung chỉ đạo triển khai các dự án sử dụng nhiên liệu sạch (khí thiên nhiên) thay thế dần nhiên liệu than, dầu để tiết giảm chi phí sản xuất, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Rà soát, phê duyệt bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các qui chế khoán quản, tinh giản bộ máy lao động gián tiếp để tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí trong giá thành sản phẩm.
- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn, thanh tra nhân dân duy trì việc hợp đối thoại hàng quý với người lao động để thống nhất, cùng triển khai thực hiện các mục tiêu kế hoạch SXKD đã đặt ra; đồng thời cùng tham gia giám sát quá trình thực hiện, cũng như việc thực hiện các quy chế khoán quản nội bộ của đơn vị.

3. Công tác nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm mới

- Phát huy vai trò của Viện Nghiên cứu và Phát triển Viglacera, Giám đốc chất lượng các lĩnh vực sản phẩm và cán bộ chất lượng tại các đơn vị trong việc quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào đáp ứng đủ cho chu kỳ sản xuất theo yêu cầu công nghệ; tăng cường quản lý, giám sát đảm bảo tuân thủ qui trình công nghệ sản xuất; thực hiện nghiêm túc công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đồng thời dự trữ vật tư, phụ tùng đúng chủng loại, chất lượng, số lượng để đảm bảo máy móc thiết bị vận hành ổn định, đạt công suất.
- Trung tâm khuôn mẫu triển khai chương trình hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu đưa ra các mẫu sản phẩm mới, đặc biệt các sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát theo xu hướng thông minh, gần gũi với thiên nhiên, tính năng sử dụng cao,... đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

4. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch, chương trình đã đặt ra trên cơ sở tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên thông qua các chương trình hợp tác đào tạo trong nước và nước ngoài. Tiếp tục duy trì công tác rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh hệ thống giáo trình vừa đảm bảo áp dụng được công nghệ tiên tiến, vừa phù hợp với công nghệ hiện có tại các đơn vị sản xuất của Tổng công ty.
- Xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao và có chế độ đãi ngộ tương xứng cho đội ngũ Công nghệ trưởng-Kỹ sư trưởng đảm nhận vai trò chuyên môn sâu phục vụ công tác quản lý công nghệ - kỹ thuật đối với từng nhóm sản phẩm. Mặt khác, có quy chế đãi ngộ hợp lý cho đội

ngũ kỹ sư trẻ mới ra trường để giữ người. Nâng cao hơn nữa vai trò của Ban chỉ đạo công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty để triển khai chương trình đào tạo theo chiến lược phát triển của Tổng công ty

5. Công tác đầu tư phát triển:

a- Lĩnh vực vật liệu:

Các dự án trọng điểm do Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần triển khai thực hiện:

- Dự án nhà máy kính tiết kiệm năng lượng (low-e) công suất 2,3 triệu m² tại Bình Dương: tổng mức đầu tư 480 tỷ đồng, dự kiến quý III/2016 hoàn thành dự án và đưa vào vận hành.
- Hợp tác đầu tư dự án Nhà máy kính siêu trắng công suất 600 tấn/ngày tại Vũng tàu: tổng mức đầu tư 1200-1500 tỷ đồng, dự kiến khởi công vào năm 2016 và đưa vào vận hành năm 2018.
- Dự án chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ dầu FO sang CNG tại Nhà máy kính nổi Bình Dương;
- Dự án Nhà máy gạch ốp cao cấp, công suất 6 triệu m²/năm tại Khu công nghiệp Phú Hà - Phú Thọ (theo văn bản chấp thuận chủ trương số 275/KHHC-BXD ngày 10/2/2015); tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.
- Chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy sứ vệ sinh cao cấp công suất 750.000 sản phẩm/năm tại phía Nam
- Hợp tác đầu tư dự án Nhà máy vôi công nghiệp giai đoạn 1, công suất 120 ngàn tấn/năm tại Hải Phòng; tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, dự kiến khởi công năm 2016.
- Xây dựng và trình các cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sản xuất Pin năng lượng mặt trời; Hợp tác đầu tư dự án sản xuất Pin năng lượng mặt trời tại Cụm công nghiệp kính phía Bắc và phía Nam trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời bước đầu triển khai dự án hợp tác đầu tư nhà máy kính siêu trắng nêu trên.
- Triển khai đầu tư tại Cu Ba trên cơ sở liên doanh với doanh nghiệp sở tại, góp vốn bằng giải pháp công nghệ, dịch vụ kỹ thuật và bằng tiền, trước mắt trong lĩnh vực sứ vệ sinh, gạch ốp lát.

Bên cạnh đó, các dự án trọng điểm do các đơn vị thành viên triển khai:

- Chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ than sang khí NG tại Nhà máy Tiên Sơn; Từ LPG sang khí NG tại 2 nhà máy Thanh trì và Việt trì: dự kiến đưa vào vận hành trong tháng 7/2016.
- Dự án đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy gạch Clinker Viglacera, nâng công suất lên 4 triệu m²/năm tại Đông Triều: hoàn thành và đưa vào vận hành đầu quý III/2016.
- Đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất 100% ngói (theo dự án đã đầu tư thành công tại Hoànhỗ- Hạ Long) tại các đơn vị sản xuất gạch ngói như Đông

triều, Từ Liêm

12. Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất kính cán siêu trắng tại KCN Yên Phong-Bắc Ninh do Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu thực hiện

b- Lĩnh vực bất động sản:

Gồm các dự án do trực tiếp Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần triển khai gồm:

Khu công nghiệp

1. Khu công nghiệp Tiền Hải (Thái Bình), quy mô 446 ha: Đã khởi công dự án lô E, F tháng 2/2016, quy mô 32 ha, tổng mức đầu tư 171 tỷ đồng.
2. Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh), quy mô 314 ha: tổng mức đầu tư 2.900 tỷ đồng, khởi công tháng 3/2016.
3. Chuẩn bị đầu tư để khởi công các KCN mới như Cẩm Khê – Phú Thọ (450 ha), Thuận Thành – Bắc Ninh (200-300ha), KCN Đồng Văn IV (khoảng 300ha) – Hà Nam.

Khu đô thị và nhà ở

1. Triển khai thực hiện đầu tư các dự án thành phần về nhà ở thương mại, dịch vụ tại Khu đô thị Đặng Xá.
2. Dự án khu đô thị mới Đặng Xá mở rộng (giai đoạn 3): Dự kiến triển khai giai đoạn 1 (22ha), tổng mức đầu tư dự kiến là 2.800 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.
3. Dự án Tổ hợp Thăng Long No1 (GB2): Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.200 tỷ đồng, quy mô gồm 02 khối nhà 25-30 tầng, dự kiến khởi công trong năm 2016.
4. Khởi công các dự án hợp tác đầu tư trong lĩnh vực khu đô thị và nhà ở, dự án nhà ở cho công nhân, nhà thu nhập thấp trên địa bàn Hà Nội với các đối tác theo kế hoạch năm 2016, với quy mô khoảng 1.590 căn, tổng diện tích sàn khoảng 141 ngàn m² nhà ở công nhân, thu nhập thấp và khu nhà ở quy mô khoảng 2ha.
5. Khảo sát, nghiên cứu quy hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án khu nhà ở và dịch vụ đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ công nhân tại Khu công nghiệp Yên Phong I và Yên Phong I mở rộng; diện tích quy hoạch khoảng 495 ha

Bên cạnh việc khởi công các dự án khu công nghiệp, khu đô thị và nhà ở, Tổng công ty tiếp tục triển khai san lấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, các trạm cung cấp nước sạch (đặc biệt khai thác và xử lý nước mặt), xử lý nước thải tại các Khu công nghiệp hiện có và tổ chức triển khai các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên các khu đô thị hiện có của Tổng công ty.

c- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển:

Tiếp tục triển khai các dự án nghiên cứu khoa học bao gồm các đề tài cấp nhà nước, Bộ Xây dựng và Tổng công ty theo kế hoạch; xúc tiến đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e. Nâng cao chất lượng quản trị trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý, trước mắt trong quý I/2016 triển khai và áp dụng hệ thống ERP tại Công ty Kính nổi Viglacera và một số đơn vị đã đủ điều kiện

6- Công tác tài chính

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển trong kế hoạch năm 2016.
- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, việc thực hiện các định mức tiêu hao, định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động sản xuất.
- Làm việc với các đơn vị còn nợ đọng BHXH, nợ đọng ngân sách nhà nước, xây dựng lộ trình trả nợ đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.
- Tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2016 trong quý I/2016.

7- Công tác thị trường

- Ban Thương mại Tổng công ty là đầu mối tiếp tục duy trì công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về thị trường, về mẫu mã, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giá cả sản phẩm để có các giải pháp khả thi nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD, chiến lược phát triển sản phẩm mới và định hướng đầu tư của Tổng công ty.
- Các đơn vị trong khối thương mại phối hợp tổ chức trưng bày, phát tờ rơi, bảng giá của tất cả sản phẩm đồng bộ từ: Sứ, Sen vòi, gạch ốp lát và gạch ngói đất sét nung tại các hệ thống Showroom hiện có trên cả 3 thị trường Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Theo đó, cùng phối hợp tổ chức bán hàng vào các dự án lớn nhằm tạo sự đồng bộ sản phẩm Viglacera cũng như tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
- Triển khai đăng ký thành lập các văn phòng đại diện, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật liên quan, đảm bảo công tác xuất khẩu thuận lợi, giảm chi phí.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết hoạt động năm 2015, Kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2016. Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2015, được sự ủng hộ, hợp tác giúp đỡ của Bộ Xây Dựng, của các cổ đông, sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty; chắc chắn Tổng công ty Viglacera-CTCP sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Kính thưa Quý cổ đông!

I- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2015

Năm 2015 nền kinh tế nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP đạt 6,68% cao nhất trong 8 năm qua. Cũng là năm đầu tiên Tổng công ty Viglacera-CTCP chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn thách thức; song dưới sự chỉ đạo sát sao có hiệu quả của lãnh đạo Bộ Xây Dựng trong quá trình tái cơ cấu toàn diện

của Tổng công ty, sự chủ động nắm bắt tình hình, sự điều hành quyết liệt và linh hoạt của lãnh đạo Tổng công ty; sự đồng lòng, đoàn kết cố gắng của tập thể CBCNV Tổng công ty. Kết quả hoạt động SXKD toàn Tổng công ty năm 2015 đã hoàn thành toàn diện, vượt mức các chỉ tiêu chính kế hoạch đặt ra, được thể hiện qua số liệu các chỉ tiêu, đánh giá cụ thể như sau:

1- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015

(Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH ĐHCĐ giao năm 2015	Thực hiện năm 2015	% KH ĐHCĐ
1.Lợi nhuận trước thuế				
+ Tổng công ty - CTCP (hợp nhất)	tr.đồng	290.610	524.275	180%
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	147.540	245.871	167%
2.Tổng doanh thu				
+ Toàn Tổng công ty (hợp cộng)	tr.đồng		14.192.310	
+ Theo báo cáo hợp nhất	tr.đồng		8.000.663	
+ Công ty Mẹ (đã trừ doanh thu nội bộ)	tr.đồng		3.500.275	
3.Thực hiện đầu tư công ty mẹ	tr.đồng	2.344.000	1.395.000	60%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	-	1.393.000	855.000	61%
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	-	404.000	423.000	105%
+ Lĩnh vực vật liệu	-	526.000	75.000	14%
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	21.000	21.000	100%
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tr. đồng	3.070.000	2.645.000	

- Kết quả chỉ tiêu hiệu quả SXKD của Công ty Mẹ-Tổng công ty cổ phần đều đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao; Lãi trước thuế của các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ đều đạt mức tăng trưởng cao; trong đó Kính nổi Viglacera đạt 112 tỷ đồng đạt 224% kế hoạch và bằng 4,7 lần so với thực hiện 2014, Sứ Bình Dương đạt 11,9 tỷ đồng đạt 105% kế hoạch và bằng 1,4 lần so với thực hiện năm 2014, Sen vôi Viglacera đạt 3,2 tỷ đồng đạt 150% kế hoạch và bằng 2 lần so với thực hiện 2014; Khối bất động sản duy trì mức tăng trưởng 5% so với thực hiện 2014. Năm 2015, Công ty mẹ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa nguội tại Công ty Kính nổi Viglacera 50 tỷ đồng, trích dự phòng tài chính thêm 52,3 tỷ đồng.
- Với việc nhìn nhận đúng thực trạng đối với từng lĩnh vực hoạt động, tập trung vào những tồn tại bất cập của đơn vị, từ những bài học kinh nghiệm trong quản lý điều hành của năm trước; từ việc thực hiện tái cơ cấu toàn diện, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, có trọng tâm đối với từng lĩnh vực, từng đơn vị; hoạt động của các đơn vị đã có nhiều tiến bộ, chuyển biến tích cực, kết quả hoạt động SXKD của tất cả các lĩnh vực, các nhóm sản phẩm năm 2015 đều có lãi, tăng cao so với thực hiện năm 2014. Kết thúc năm 2015, chỉ còn 03 đơn vị còn lỗ phát sinh/7 đơn vị lỗ phát sinh trong năm 2014, số lỗ của 03 đơn vị đã được kiểm soát và giảm dần qua từng tháng trong năm 2015.
- Lĩnh vực vật liệu xây dựng: Kết quả hoạt động đạt 118% KH năm, các chỉ tiêu về doanh thu, giá trị SXKD đạt 100% kế hoạch và tăng 3% so với thực hiện năm 2014. Năm 2015, thương hiệu Viglacera lần thứ hai liên tiếp đạt giải thưởng Thương hiệu Quốc gia, đạt giải Vàng Chất lượng và dịch vụ quốc tế và là năm thứ 6 liên tiếp đạt giải Thương hiệu mạnh
- Lĩnh vực bất động sản: Đây là lĩnh vực do Công ty Mẹ trực tiếp điều hành, kinh doanh; kết quả hoạt động tăng trưởng 5% so với TH 2014; các chỉ tiêu giá trị SXKD, doanh thu đều cơ bản hoàn thành kế hoạch.
- Trong năm 2015, đã tập trung triển khai các dự án nhà ở thương mại có diện tích nhỏ, giá trị các căn hộ thấp; nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá 1, 2; dự án nhà ở cao cấp tại Tổ hợp Thăng Long No1 và các khu công nghiệp; trong đó:
 - + Đã khánh thành, bàn giao đưa vào sử dụng Khu nhà ở xã hội tại khu đô thị Đặng Xá, nâng tổng số nhà ở XH tại khu đô thị này lên 3500 căn.
 - + Tổ chức khởi công 02 dự án Khu công nghiệp là Phú Hà (350ha), Phong Điền (284 ha) nâng tổng số các KCN của Viglacera lên 06 KCN với tổng diện tích là 1.613 ha.
 - + Khởi công dự án Khu nhà ở và công trình công cộng-thể thao tại 671 Hoàng Hoa Thám (giai đoạn III), dự án tổ hợp thương mại, văn phòng và căn hộ cho thuê tại Ngã 6 Bắc Ninh (giai đoạn II) và các dự án cải tạo, mở rộng các tuyến đường tại KCN Yên Phong, tỉnh lộ 286 – Bắc Ninh; các dự án nâng công suất, mở rộng các Trạm xử lý nước thải, cấp nước sạch của KCN.
 - + Tiếp tục triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án hợp tác đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, nhà ở thương mại trên địa bàn Hà nội; dự án mở rộng KĐT Đặng Xá (giai đoạn III); các dự án KCN là KCN Tiên Hải (Thái Bình), KCN Cẩm Khê (Phú Thọ), KCN Thuận Thành và KCN Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh)
 - + Thành lập và đưa vào hoạt động Công ty CP Visaho nhằm chuyên nghiệp hóa lĩnh vực quản lý và vận hành các dự án bất động sản của Tổng công ty.
- Đây là kết quả nổi bật đánh dấu sự thành công trong quá trình tái cơ cấu, khẳng định hướng đi đúng đắn cho sự phát triển bền vững của Tổng công ty khi chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần; và là cơ sở để Tổng công ty triển khai Kế hoạch SXKD năm 2016 và giai đoạn 5 năm 2016-2020

- 2- Các giải pháp và công việc trọng tâm đã triển khai thực hiện
- 2.1- Triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu
 - Xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Kiện toàn mô hình tổ chức Công ty Mẹ theo hướng chuyên sâu từng lĩnh vực; thành lập Ban Kinh, Ban gạch ốp lát-sứ vệ sinh và Ban Gạch ngói.
 - Triển khai việc tái cơ cấu toàn diện trong toàn Tổng công ty trên cơ sở nhìn nhận đánh giá đúng thực trạng đối với từng lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty về mô hình tổ chức, về tài chính, về cơ cấu sản phẩm, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh... Tập trung vào những tồn tại, bất cập tại các đơn vị có năng lực cạnh tranh thấp từ đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện cụ thể, điều hành quyết liệt để đạt được mục tiêu đã đặt ra.
 - Thực hiện việc tăng vốn cho Công ty CP Viglacera Hạ Long, CP Viglacera Tiên Sơn để đầu tư phát triển, tăng vốn điều lệ cho Công ty CP Bê tông khí Viglacera để tái cơ cấu về tài chính.
 - Hoàn thành thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Clinker Viglacera và Công ty CP Nguyên liệu Viglacera.
 - Triển khai đăng ký lưu ký cổ phiếu Tổng công ty Viglacera-CTCP trên sàn UPCOM; chuẩn bị các bước thực hiện tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP lên 3.070 tỷ đồng và giảm vốn nhà nước về 78%.
- 2.2- Công tác tài chính
 - Triển khai công khai minh bạch tình hình tài chính của Tổng công ty, thực hiện các quy trình công bố thông tin đối với công ty đại chúng theo quy định của UBCK nhà nước. Công ty Mẹ - Tổng công ty vẫn luôn duy trì tình hình tài chính cân đối, lành mạnh. Hiệu quả SXKD, sử dụng và bảo toàn vốn ngày càng hiệu quả thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính như sau:
 - Tổng tài sản hợp nhất toàn Tổng công ty ước đến hết năm 2015 là 11.633 tỷ đồng, trong đó, Công ty mẹ là 8.775 tỷ đồng.
 - - Tỷ lệ Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại 31/12/2015 là 1,94 lần, giảm 0,53 lần so với thời điểm 31/12/2014. Dư vay ngân hàng và các tổ

chức tín dụng của Công ty mẹ là 944 tỷ đồng (vay ngắn hạn là 233 tỷ đồng, còn lại chủ yếu vay dài hạn, lãi suất ưu đãi của các dự án nhà ở xã hội, nhà cho người thu nhập thấp), giảm 371 tỷ đồng so với 31/12/2014;

- Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu bình quân Công ty mẹ năm 2015 là 8,5%.
- Đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức năm 2015 của Tổng công ty Viglacera-CTCP theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
- 2.3- Công tác quản trị sản xuất
 - Tập trung chỉ đạo trực tiếp các đơn vị đang gặp khó khăn như Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu, CP Bê tông khí Viglacera, CP Từ Liêm, CP Đông Anh. Cử cán bộ Tổng công ty biệt phái xuống các đơn vị để cùng triển khai công việc, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm, cơ cấu sản phẩm, việc thực hiện các định mức kinh tế-kỹ thuật.
 - Xây dựng và giao Kế hoạch SXKD, đầu tư phát triển năm 2016 cho các đơn vị ngay từ tháng 12/2015; đồng thời thông qua Bộ Xây dựng Kế hoạch SXKD và đầu tư giai đoạn 2016-2020 toàn Tổng công ty phù hợp với đề án tái cơ cấu của Tổng công ty
- 2.4- Công tác thị trường
 - Duy trì và từng bước nâng cao chất lượng công tác phân tích, đánh giá thị trường và các đối thủ cạnh tranh để từ đó có chiến lược cạnh tranh cụ thể đối với từng nhóm sản phẩm và của từng đơn vị sản xuất.
 - Xây dựng và triển khai Chiến lược xuất khẩu của Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 theo định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty và các chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đối với thế giới.
- 2.5- Công tác quản lý chất lượng và nghiên cứu phát triển
 - Kiểm soát đánh giá chất lượng sản phẩm cho tất cả các nhóm sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở đã ban hành.
 - Chủ trì và phối hợp với các đơn vị triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCN nhằm tiết

giảm và sử dụng hiệu quả nguyên nhiên vật liệu; nâng cao chất lượng sản phẩm; cơ giới hóa và tự động hóa để tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất....

- Tập trung vào các công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm chi phí tài nguyên, ít tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường, các sản phẩm bền vững với mọi điều kiện tự nhiên, sản phẩm cho biển đảo... Tổng công ty đã triển khai hợp tác với nhiều đối tác hàng đầu trên thế giới để triển khai các dự án kính tiết kiệm năng lượng, gạch clinker, kính siêu trắng.... Xây dựng kế hoạch triển khai đầu tư các sản phẩm mới phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty phát triển ổn định, bền vững.
- 2.6- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực
- Tập trung chỉ đạo công tác phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo gắn liền với thực tiễn công nghệ vật liệu của Tổng công ty nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn liền với mục tiêu phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty.
- Liên kết với Trường Đại học xây dựng, Đại học Bách khoa mở các lớp đào tạo Thạc sĩ kinh tế, kỹ thuật chuyên ngành cho cán bộ Tổng công ty và các đơn vị. Hợp tác với các trường trong việc tổ chức đào tạo, lựa chọn các sinh viên năm cuối với chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty và ban hành cơ chế chính sách thu hút các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về công tác tại Tổng công ty.
- Trong năm 2015, Trường Cao đẳng nghề Viglacera đã tham dự và được các giải thưởng: Giải thưởng hợp tác quốc tế xuất sắc năm 2015 – Do Hội đồng Anh trao tặng; Giải nhất toàn đoàn Hội giảng giáo viên Ngành Xây dựng; 01 giải nhất giáo viên dạy nghề Tỉnh Bắc Ninh.
- 2.8- Công tác đầu tư phát triển
- Thực hiện vốn đầu tư phát triển của Công ty Mẹ - Tổng công ty CP đạt 1.395 tỷ đồng bằng 60% Kế hoạch thông qua tại Đại hội đồng cổ đông; trong đó, các lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà, vật liệu chưa đạt kế hoạch do:

- Đối với lĩnh vực kinh doanh nhà (đạt 61% KH): Một số dự án dự kiến đầu tư mới với tổng giá trị vốn đầu tư kế hoạch là 595 tỷ đồng (chiếm 43% vốn đầu tư KH), như Khu đô thị Đặng Xá 3, Tổ hợp Thăng Long No1 GĐII, các dự án hợp tác đầu tư nhà ở được giãn tiến độ do yếu tố khách quan về thủ tục, chính sách điều chỉnh của địa phương, mặt khác xét đến yếu tố thị trường và tình hình vốn chưa thuận lợi nên được chủ động giãn tiến độ; dự án 671 Hoàng Hoa Thám GĐ III cũng được điều chỉnh tiến độ để điều chỉnh phù hợp và đáp ứng nhu cầu khách hàng, nâng cao khả năng kinh doanh. Tuy nhiên, trong năm 2015 cũng đã tập trung triển khai đầu tư mới, đẩy nhanh các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các KCN là các dự án có thị trường, có dòng tiền và thu hồi vốn nhanh.
- Đối với lĩnh vực vật liệu (đạt 14% KH): Dự án đầu tư dây chuyền kính tiết kiệm năng lượng được triển khai thực hiện kỹ công tác chuẩn bị đầu tư dài hơn (6 tháng) so với dự kiến, đặc biệt trong việc lựa chọn nhà thầu cung cấp công nghệ kỹ thuật, công tác chuẩn bị vốn và nghiên cứu thị trường để đảm bảo lựa chọn công nghệ, thiết bị tốt nhất (đã lựa chọn nhà thầu Von Ardenne – Đức), do đó giá trị đầu tư thực hiện bằng 16% so với kế hoạch; dự án đầu tư chuyển đổi nhiên liệu tại Công ty Kính nổi Viglacera cũng được giãn tiến độ để nghiên cứu khảo sát công nghệ phù hợp, đồng thời hiện nay thị trường đang có nhu cầu tốt, giá nhiên liệu giảm cho hiệu quả kinh doanh tốt, nên việc giãn tiến độ cũng là phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Các dự án này cũng sẽ được tích cực và đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2016.
- Về tình hình đầu tư phát triển của toàn Tổng công ty, với vai trò là Công ty Mẹ, Tổng công ty Viglacera-CTCP đã đơn đốc và cùng với các đơn vị thành viên:
- Tổ chức triển khai đầu tư và đưa vào vận hành 03 dự án là dự án nhà máy gạch clinker, công suất 2 triệu m²/năm; dự án mở rộng nhà máy granite Thái Bình (CP Tiên Sơn) công suất 2 triệu m²/năm; dự án cải tạo chuyển đổi sản xuất 100% ngói tự động tại Nhà máy gạch Hoàn Bô (CP Viglacera Hạ Long). Đồng thời tiếp tục triển khai dự án đề tài dự án nghiên cứu khoa học cấp nhà nước thiết kế chế tạo dây chuyền sản xuất bê tông khí chưng áp công suất 200 nghìn m³/năm. Tiếp tục đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ mới, bổ sung thiết bị nâng cao chất lượng và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, tạo sự khác biệt và khai thác tối đa năng lực thiết bị hiện có.

- Tổ chức khởi công 02 dự án KCN mới là KCN Phú Hà (350ha) tại Phú Thọ, KCN Phong Điền (284ha) tại Thừa Thiên Huế; triển khai các thủ tục đầu tư các dự án KCN Yên Phong mở rộng (314ha) tại Bắc Ninh, KCN Cẩm Khê (400ha) tại Phú Thọ, KCN Tiên Hải (446ha) tại Thái Bình, KCN Đồng Văn IV (khoảng

300ha) tại Hà Nam. Tập trung triển khai đúng tiến độ các dự án về nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân tại Khu đô thị Đặng Xá, Yên Phong, 671 Hoàng Hoa Thám, Xuân Phương của Tổng công ty; chuẩn bị các bước hợp tác đầu tư các dự án về nhà ở với các đối tác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II- Kế hoạch SXKD năm 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên của Kế hoạch 5 năm 2016-2020, là năm tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, khởi đầu cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mới của đất nước. Cũng là năm kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và rộng với quốc tế thông qua các hiệp định thương mại, hiệp ước hợp tác có hiệu lực. Đây chính là những động lực thúc đẩy sự phát triển của Tổng công ty Viglacera lên tầm cao mới. Tuy nhiên, chắc chắn sẽ có những khó khăn thách thức mới mà Tổng công ty phải vượt qua, đặc biệt là vấn đề về năng lực cạnh tranh trên

tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Với những ý nghĩa đặc biệt quan trọng đó, trên cơ sở phát huy kết quả đạt được của năm 2015, tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD năm 2016 của Tổng công ty Viglacera-CTCP cùng với các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như sau

1- Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2016 của Tổng công ty CTCP

Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2015	KH năm 2016
1. Lợi nhuận trước thuế			
+ Lợi nhuận toàn TCT (hợp cộng)	tr.đồng	536,197	630,000
+ Tổng công ty-CTCP (hợp nhất)	tr.đồng	524,275	560,000
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	245,871	280,000
2. Doanh thu			
+ Toàn Tổng công ty (hợp cộng)	tr.đồng	14,192,310	16,000,000
+ Tổng công ty-CTCP (hợp nhất)	tr.đồng	8,000,663	8,200,000
+ Công ty Mẹ (đã trừ doanh thu nội bộ)	tr.đồng	3,500,275	3,550,000
3. Giá trị SXKD toàn Tổng công ty	tr.đồng	14,390,540	16,000,000
4. Thực hiện đầu tư	tr. đồng	1,395,000	1,750,000
• + Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	-	855,000	400,000
• + Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	-	423,000	570,000
• + Lĩnh vực vật liệu	-	75,000	760,000
• + Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	21,000	20,000
5. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP	-	2,645,000	3,070,000

2- Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong năm 2016

2.1- Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế.
2. Nâng cao năng suất lao động bằng các giải pháp ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cơ giới hóa và tự động hóa và cơ cấu lại mô hình tổ chức.
3. Tập trung các nguồn lực, đẩy mạnh công tác xuất khẩu đạt kế hoạch năm 2016 và kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế;
4. Triển khai đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, hiệu quả cao như kính tiết kiệm năng lượng, pin năng lượng mặt trời...
5. Triển khai đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở hợp tác, liên doanh đầu tư bằng tài sản, dịch vụ kỹ thuật và công nghệ, thương mại.
6. Triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư để mở rộng quy đất cho phát triển các dự án nhà ở và khu công nghiệp mới theo đúng kế hoạch.
7. Tập trung triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016 và các năm tiếp theo

2.2- Các giải pháp thực hiện

1. Công tác tái cơ cấu

- Triển khai thực hiện phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP lên 3.070 tỷ đồng và giảm vốn nhà nước về 78%, tạo nguồn vốn cho công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty.
- Hoàn thiện phương án điều chỉnh đề án tái cơ cấu của Tổng công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; chuẩn bị tốt việc thành lập các công ty cổ phần do Công ty Mẹ góp vốn để triển khai đầu tư các dự án mới.
- Thành lập mới Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh Hạ Tầng khu CN Viglacera – Viglacera góp 60% vốn điều lệ và các đối tác trong và ngoài nước quản lý vận hành các Khu công nghiệp để nâng cao chất

lượng quản lý vận hành theo Tiêu chuẩn quốc tế.

- Tiếp tục và hoàn thành thực hiện quyết toán vốn nhà nước tại Tổng công ty để bàn giao sang doanh nghiệp Tổng công ty Viglacera-CTCP.
- Ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn Tổng công ty và Quy chế thù lao người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các công ty cổ phần.

2. Công tác điều hành của Công ty Mẹ

- Duy trì công tác giao ban hàng tuần, hàng tháng đánh giá kết quả theo cam kết của từng Ban, từng nhóm sản phẩm để chỉ đạo khắc phục cụ thể, kịp thời các khó khăn vướng mắc nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch ngay từ tháng đầu, quý đầu.
- Tập trung chỉ đạo triển khai các dự án sử dụng nhiên liệu sạch (khí thiên nhiên) thay thế dần nhiên liệu than, dầu để tiết giảm chi phí sản xuất, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Rà soát, phê duyệt bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, các qui chế khoán quản, tinh giản bộ máy lao động gián tiếp để tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí trong giá thành sản phẩm.
- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn, thanh tra nhân dân duy trì việc họp đối thoại hàng quý với người lao động để thống nhất, cùng triển khai thực hiện các mục tiêu kế hoạch SXKD đã đặt ra; đồng thời cùng tham gia giám sát quá trình thực hiện, cũng như việc thực hiện các quy chế khoán quản nội bộ của đơn vị.



3. Công tác nâng cao chất lượng và phát triển sản phẩm mới

- Phát huy vai trò của Viện Nghiên cứu và Phát triển Viglacera, Giám đốc chất lượng các lĩnh vực sản phẩm và cán bộ chất lượng tại các đơn vị trong việc quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên nhiên vật liệu đầu vào đáp ứng đủ cho chu kỳ sản xuất theo yêu cầu công nghệ; tăng cường quản lý, giám sát đảm bảo tuân thủ qui trình công nghệ sản xuất; thực hiện nghiêm túc công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đồng thời dự trữ vật tư, phụ tùng đúng chủng loại, chất lượng, số lượng để đảm bảo máy móc thiết bị vận hành ổn định, đạt công suất.
- Trung tâm khuôn mẫu triển khai chương trình hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu đưa ra các mẫu sản phẩm mới, đặc biệt các sản phẩm sứ vệ sinh, gạch ốp lát theo xu hướng thông minh, gần gũi với thiên nhiên, tính năng sử dụng cao,... đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

4. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai hoạt động đào tạo theo đúng kế hoạch, chương trình đã đặt ra trên cơ sở tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên thông qua các chương trình hợp tác đào tạo trong nước và nước ngoài. Tiếp tục duy trì công tác rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh hệ thống giáo trình vừa đảm bảo áp dụng được công nghệ tiên tiến, vừa phù hợp với công nghệ hiện có tại các đơn vị sản xuất của Tổng công ty.
- Xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao và có chế độ đãi ngộ tương xứng cho đội ngũ Công nghệ trưởng-Kỹ sư trưởng đảm nhận vai trò chuyên môn sâu phục vụ công tác quản lý công nghệ - kỹ thuật đối với từng nhóm sản phẩm. Mặt khác, có quy chế đãi ngộ hợp lý cho đội ngũ kỹ sư trẻ mới ra trường để giữ người. Nâng cao hơn nữa vai trò của Ban chỉ đạo công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty để triển khai chương trình đào tạo theo chiến lược phát triển của Tổng công ty

5. Công tác đầu tư phát triển:

a- Lĩnh vực vật liệu:

Các dự án trọng điểm do Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần triển khai thực hiện:

1. Dự án nhà máy kính tiết kiệm năng lượng (low-e) Dự án nhà máy kính tiết kiệm năng lượng (low-e) công

suất 2,3 triệu m² tại Bình Dương: tổng mức đầu tư 480 tỷ đồng, dự kiến quý III/2016 hoàn thành dự án và đưa vào vận hành.

2. Hợp tác đầu tư dự án Nhà máy kính siêu trắng công suất 600 tấn/ngày tại Vũng tàu: tổng mức đầu tư 1200-1500 tỷ đồng, dự kiến khởi công vào năm 2016 và đưa vào vận hành năm 2018.
 3. Dự án chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ dầu FO sang CNG tại Nhà máy kính nổi Bình Dương;
 4. Dự án Nhà máy gạch ốp cao cấp, công suất 6 triệu m²/năm tại Khu công nghiệp Phú Hà - Phú Thọ (theo văn bản chấp thuận chủ trương số 275/KHTC-BXD ngày 10/2/2015); tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.
 5. Chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy sứ vệ sinh cao cấp công suất 750.000 sản phẩm/năm tại phía Nam.
 6. Hợp tác đầu tư dự án Nhà máy vôi công nghiệp giai đoạn 1, công suất 120 ngàn tấn/năm tại Hải Phòng; tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, dự kiến khởi công năm 2016.
 7. Xây dựng và trình các cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sản xuất Pin năng lượng mặt trời; Hợp tác đầu tư dự án sản xuất Pin năng lượng mặt trời tại Cụm công nghiệp kính phía Bắc và phía Nam trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời bước đầu triển khai dự án hợp tác đầu tư nhà máy kính siêu trắng nêu trên.
 8. Triển khai đầu tư tại Cu Ba trên cơ sở liên doanh với doanh nghiệp sở tại, góp vốn bằng giải pháp công nghệ, dịch vụ kỹ thuật và bằng tiền, trước mắt trong lĩnh vực sứ vệ sinh, gạch ốp lát.
- Bên cạnh đó, các dự án trọng điểm do các đơn vị thành viên triển khai:
9. Chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ than sang khí NG tại Nhà máy Tiên Sơn; Từ LPG sang khí NG tại 2 nhà máy Thanh trì và Việt trì: dự kiến đưa vào vận hành trong tháng 7/2016.
 10. Dự án đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy gạch Clinker Viglacera, nâng công suất lên 4 triệu m²/năm tại Đông Triều: hoàn thành và đưa vào vận hành đầu quý III/2016.
 11. Đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất 100% ngói (theo dự án đã đầu tư thành công tại Hoành Bồ- Hạ Long) tại các đơn vị sản xuất gạch ngói như Đông Triều, Từ Liêm.
 12. Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất kính cán siêu trắng tại KCN Yên Phong-Bắc Ninh do Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu thực hiện

b- Lĩnh vực bất động sản:

Gồm các dự án do trực tiếp Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần triển khai gồm:

- Khu công nghiệp:

1. Khu công nghiệp Tiền Hải (Thái Bình), quy mô 446 ha: Đã khởi công dự án lô E, F tháng 2/2016, quy mô 32 ha, tổng mức đầu tư 171 tỷ đồng.
2. Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh), quy mô 314 ha: tổng mức đầu tư 2.900 tỷ đồng, khởi công tháng 3/2016.
3. Chuẩn bị đầu tư để khởi công các KCN mới như Cẩm Khê – Phú Thọ (450 ha), Thuận Thành – Bắc Ninh (200-300ha), KCN Đồng Văn IV (khoảng 300ha) – Hà Nam.
4. Khu đô thị và nhà ở:
5. Triển khai thực hiện đầu tư các dự án thành phần về nhà ở thương mại, dịch vụ tại Khu đô thị Đặng Xá.
6. Dự án khu đô thị mới Đặng Xá mở rộng (giai đoạn 3): Dự kiến triển khai giai đoạn 1 (22ha), tổng mức đầu tư dự kiến là 2.800 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.
7. Dự án Tổ hợp Thăng Long No1 (GD2): Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.200 tỷ đồng, quy mô gồm 02 khối nhà 25-30 tầng, dự kiến khởi công trong năm 2016.
8. Khởi công các dự án hợp tác đầu tư trong lĩnh vực khu đô thị và nhà ở, dự án nhà ở cho công nhân, nhà thu nhập thấp trên địa bàn Hà Nội với các đối tác theo kế hoạch năm 2016, với quy mô khoảng 1.590 căn, tổng diện tích sàn khoảng 141 ngàn m2 nhà ở công nhân, thu nhập thấp và khu nhà ở quy mô khoảng 2ha.
9. Khảo sát, nghiên cứu quy hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án khu nhà ở và dịch vụ đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ công nhân tại Khu công nghiệp Yên Phong I và Yên Phong I mở rộng; diện tích quy hoạch khoảng 495 ha.

Bên cạnh việc khởi công các dự án khu công nghiệp, khu đô thị và nhà ở, Tổng công ty tiếp tục triển khai san lấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, các trạm cung cấp nước sạch (đặc biệt khai thác và xử lý nước mặt), xử lý nước thải tại các Khu công nghiệp hiện có và tổ chức triển khai các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên các khu đô thị hiện có của Tổng công ty.

6- Công tác tài chính

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tài chính trong vận hành dòng tiền, tồn kho và dư nợ, cơ cấu các khoản vay để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư phát triển trong kế hoạch năm 2016.
- Tăng cường trách nhiệm và vai trò của các cấp kiểm

soát tại các đơn vị và Tổng công ty. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ vật tư đầu vào, việc thực hiện các định mức tiêu hao, định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động sản xuất.

- Làm việc với các đơn vị còn nợ đọng BHXH, nợ đọng ngân sách nhà nước, xây dựng lộ trình trả nợ đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.
- Tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2016 trong quý I/2016.

7- Công tác thị trường

- Ban Thương mại Tổng công ty là đầu mối tiếp tục duy trì công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về thị trường, về mẫu mã, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giá cả sản phẩm để có các giải pháp khả thi nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD, chiến lược phát triển sản phẩm mới và định hướng đầu tư của Tổng công ty.
- Các đơn vị trong khối thương mại phối hợp tổ chức trưng bày, phát tờ rơi, bảng giá của tất cả sản phẩm đồng bộ từ: Sứ, Sen vòi, gạch ốp lát và gạch ngói đất sét nung tại các hệ thống Showroom hiện có trên cả 3 thị trường Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Theo đó, cùng phối hợp tổ chức bán hàng vào các dự án lớn nhằm tạo sự đồng bộ sản phẩm Viglacera cũng như tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.
- Triển khai đăng ký thành lập các văn phòng đại diện, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật liên quan, đảm bảo công tác xuất khẩu thuận lợi, giảm chi phí.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết hoạt động năm 2015, Kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2016. Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2015, được sự ủng hộ, hợp tác giúp đỡ của Bộ Xây Dựng, của các cổ đông, sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty; chắc chắn Tổng công ty Viglacera-CTCP sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

Tổng giám đốc Tổng công ty
Nguyễn Anh Tuấn

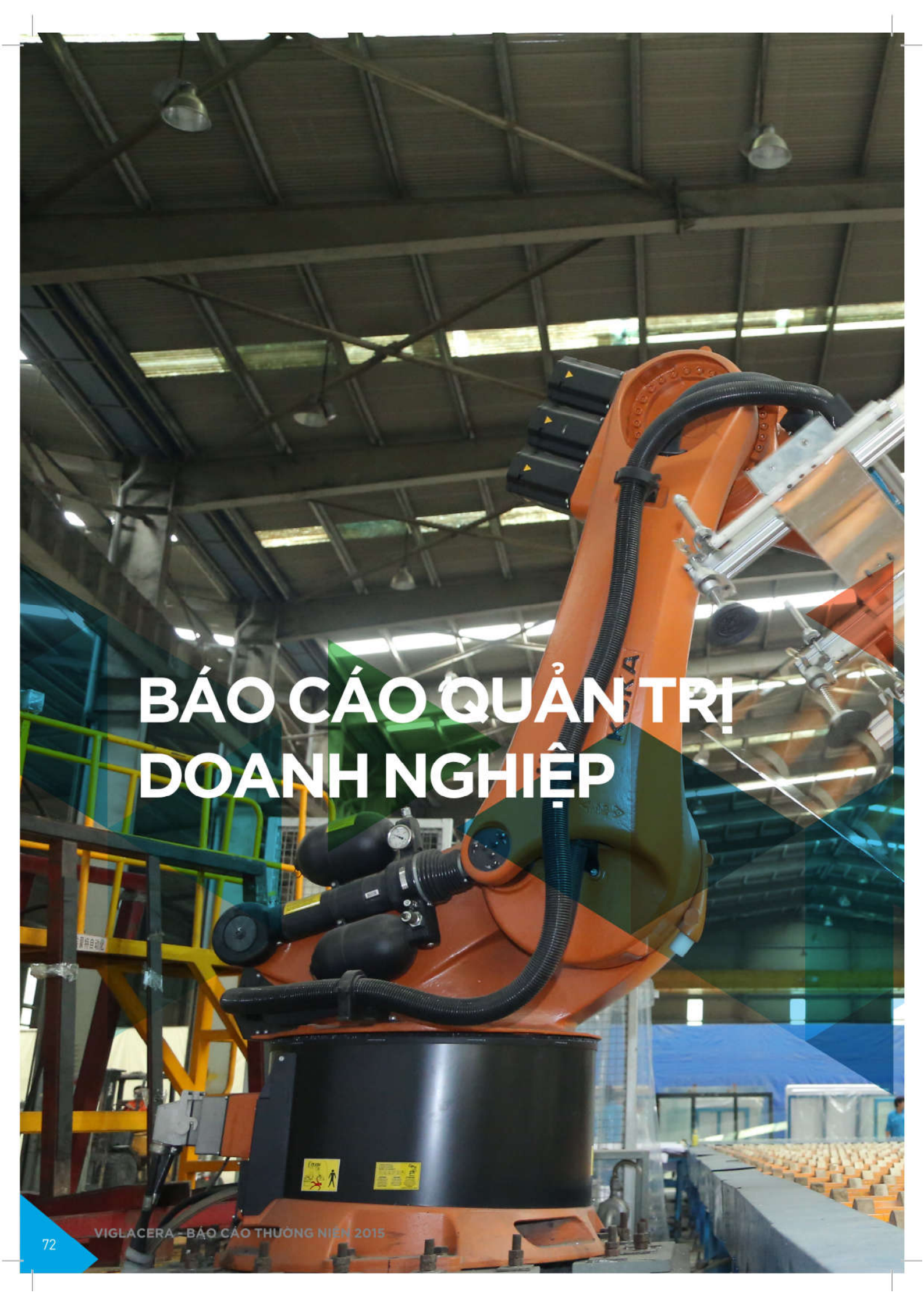
Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tổng tài sản 31/12/2015	Tổng Doanh thu năm 2015
Công ty CP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51.07%	51.07%	Sản xuất và kinh doanh gạch men	217,454	451,556
Công ty CP Bao bì và Má Phanh Viglacera	Hà Nội	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh	65,875	61,633
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	Vĩnh Phúc	52.64%	52.64%	Sản xuất và kinh doanh gạch	39,311	61,413
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	55.92%	55.92%	Sản xuất và kinh doanh gạch	92,401	59,090
Công ty CP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	33,638	41,954
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	76.89%	76.89%	Lập dự án, thiết kế các công trình	20,795	20,374
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Vĩnh Phúc	97.47%	97.47%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	71,635	205,577
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh kính	244,450	166,551
Công ty CP Cơ khí và XD Viglacera	Hà Nội	52.72%	52.72%	Xây dựng	161,885	68,144
Công ty CP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	34,030	65,438
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	681,089	684,342
Công ty CP Thương mại Viglacera	Hà Nội	62.66%	62.66%	Kinh doanh vật liệu xây dựng	148,642	1,405,586
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	60.00%	60.00%	Khai thác và kinh doanh cát	30,714	63,445
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51.00%	51.00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản	52,075	62,173
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	62.96%	60.00%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh	89,310	197,014
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50.48%	50.48%	Sản xuất và kinh doanh gạch	1,047,505	1,561,483
Công ty CP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51.00%	51.00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	249,382	349,137
Công ty CP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	95.69%	95.69%	Sản xuất gạch chịu áp	147,584	58,470
Công ty CP Viglacera Đông Triều	Quảng Ninh	67.47%	67.47%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	232,711	188,489

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	Tổng tài sản 31/12/2015	Tổng Doanh thu năm 2015
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Bắc Ninh	29.28%	29.28%	Sản xuất và kinh doanh kính	895,125	867,191
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	24.93%	24.93%	Sản xuất và kinh doanh gạch	57,778	50,571
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	26.00%	26.00%	Sản xuất và kinh doanh gạch	38,392	57,760
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	26.15%	26.15%	Kinh doanh xuất nhập khẩu	100,144	90,221
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	Hà Nội	25.00%	25.00%	Sản xuất và kinh doanh gạch chịu lửa	42,142	44,499
Công ty Cổ phần Vinafacade	Hà Nội	42.37%	42.37%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng	31,775	14,613



A large orange industrial robotic arm is the central focus, positioned in a factory setting. The arm is mounted on a black base and has various cables and hoses attached to it. In the background, there are yellow metal structures, possibly part of a conveyor system, and a blue tarp covering some equipment. The ceiling of the factory is visible, showing a complex network of steel beams and industrial lighting. The overall scene conveys a sense of modern industrial automation.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY VIGLACERA-CTCP

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Kính thưa Quý cổ đông!
Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 2/7/2014 bầu, chính thức điều hành hoạt động của Tổng công ty Viglacera-CTCP từ ngày 22/7/2014. Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP báo cáo tới Quý cổ đông kết quả hoạt động, công tác triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2016 như sau:

I- Đánh giá kết quả hoạt động năm 2015

Năm 2015, với những phân tích đánh giá điều kiện thuận lợi cũng như các ảnh hưởng, thách thức của biến động kinh tế thế giới và trong nước; kế thừa những kết quả, các giải pháp đã triển khai thành công và bài học kinh nghiệm trong hoạt động của năm 2014, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua ngày 20/4/2015 để triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2015 (Theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH ĐHCĐ giao năm 2015	Thực hiện năm 2015	% KH ĐHCĐ
1. Lợi nhuận trước thuế TCT-CTCP				
+ Theo báo cáo hợp nhất	tr.đồng	290,61	524,275	180%
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	147,54	245,871	167%
2. Tổng doanh thu				
+ Theo báo cáo hợp nhất			8,000,663	
+ Công ty Mẹ*			3,500,275	
3. Thực hiện đầu tư công ty mẹ	tr.đồng	2,344,000	1,395,000	60%
+ Lĩnh vực kinh doanh nhà	-	1,393,000	855	61%
+ Lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ KCN	-	404	423	105%
+ Lĩnh vực vật liệu	-	526	75	14%
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	-	21	21	100%
4. Vốn điều lệ của TCT Viglacera-CTCP	tr.đồng	3,070,000	2,645,000	

Kết quả chỉ tiêu hiệu quả SXKD của Công ty Mẹ-Tổng công ty cổ phần đều đạt và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao; Lãi trước thuế của các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ đều đạt mức tăng trưởng cao, đặc biệt là các đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu. Năm 2015, Công ty mẹ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa nguội tại Công ty Kính nổi Viglacera 50 tỷ đồng, Trích dự phòng tài chính thêm 52,3 tỷ đồng.



Sau một năm chuyển đổi và hoạt động theo chính thức theo mô hình Công ty cổ phần, tình hình hoạt động SXKD, quản lý và bảo toàn, phát triển vốn và các chỉ tiêu tài chính của Tổng công ty Viglacera-CTCP đã được cải thiện và tốt hơn nhiều so với trước khi cổ phần, cụ thể:

1. Kết quả lợi nhuận trước thuế vượt Kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 929 đồng tăng 29% so với thực hiện 2014, đảm bảo mức chia cổ tức năm 2015 của Tổng công ty Viglacera-CTCP là 3,5% theo Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và có thể dự kiến mức chia cổ tức là 4%.

2. Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn:

- Tổng Vốn Chủ sở hữu của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2015 ước đạt 2.987,16 tỷ đồng, tăng 179 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2014, hệ số bảo toàn vốn tương ứng năm 2015 là 1,06 lần; theo đó, trong năm 2015 vẫn duy trì tốc độ tăng vốn liên tục tiếp nối các năm trước, đảm bảo hệ số bảo toàn vốn tốt.
- Các khoản đầu tư của Tổng Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả sinh lời, nguồn thu cổ tức từ các công ty con và công ty liên kết ổn định. Đối với các đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh chưa đạt mục tiêu đề ra, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát tổng thể, và xây dựng phương án tái cơ cấu toàn diện nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị.

3. Tình hình nợ phải thu: Đến ngày 31/12/2015 là 1.268,8 tỷ đồng; vòng quay các khoản phải thu là 2,5 lần tương ứng với năm 2014, đạt ở mức an toàn, do đó không có rủi ro cao trong việc bị chiếm dụng vốn. Theo đó, hầu hết các khoản nợ khó đòi đã được

cơ bản rà soát tổng thể, trích lập dự phòng đầy đủ và lập phương án xử lý, thu hồi dần trong các năm tới.

4. Tình hình và khả năng thanh toán nợ:

- Tỷ lệ Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ tại 31/12/2015 là 1,94 lần, giảm 0,53 lần so với thời điểm 31/12/2014 (nếu loại trừ phần doanh thu chưa thực hiện, tỷ lệ này tại thời điểm 31/12/2015 ước đạt 1,05 lần, giảm 0,5 lần so với thời điểm 31/12/2014). Cơ cấu nợ trên Vốn chủ sở hữu đang thay đổi theo hướng tích cực, giảm sự phụ thuộc tài chính đối với các đối tượng bên ngoài, đảm bảo tình hình tài chính an toàn và bền vững.
- Các khoản Nợ phải trả, đặc biệt là các khoản Vay ngân hàng của Công ty mẹ đến cuối năm 2015 đã giảm so với năm 2014 góp phần làm thay đổi Cơ cấu nợ trên Vốn chủ sở hữu theo hướng tích cực, giảm sự phụ thuộc tài chính đối với các đối tượng bên ngoài, đảm bảo tình hình tài chính an toàn và bền vững. Trong đó, dư vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng của Công ty mẹ là 944 tỷ đồng (bao gồm 233 tỷ tiền vay ngắn hạn, còn lại chủ yếu vay dài hạn, lãi suất ưu đãi từ các dự án nhà ở xã hội, nhà cho người có thu nhập thấp) giảm 371 tỷ đồng so với 31/12/2014)
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tuy duy trì ở mức phù hợp trong điều kiện Tổng Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư mới và vẫn tiếp tục tìm kiếm huy động một nguồn tài trợ từ bên ngoài, chủ yếu là từ các tổ chức tín dụng, đặc biệt là nguồn cho vay ưu đãi của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Nguồn ngân sách Nhà sách đối với các Dự án đầu tư sản phẩm mới, các Dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ cao.

2- Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 phê duyệt tại Nghị quyết số 76/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015, đã tổ chức 143 cuộc họp và ban hành trên 85 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt với các nội dung trọng tâm gồm:

1. Thông qua và ban hành mới/điều chỉnh và bổ sung

các quy chế hoạt động của Tổng công ty Viglacera-CTCP và các đơn vị trực thuộc; sắp xếp tổ chức lại các phòng ban; thành lập các đơn vị mới; quy chế các đơn vị trực thuộc nhằm đáp ứng yêu cầu và tăng cường chất lượng quản lý, vận hành theo mô hình công ty cổ phần.

2. Nghị quyết thông qua và giao Kế hoạch SXKD năm 2015 cho các công ty trực thuộc, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần để chủ động điều hành từng tháng, từng quý, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

3. Thông qua và phê duyệt ban hành, điều chỉnh bổ sung đề án, kế hoạch triển khai thực hiện tái cơ cấu toàn diện đối với các đơn vị có nhiều khó khăn, năng lực cạnh tranh thấp; thông qua các nội dung liên quan về tái cơ cấu vốn, tăng vốn cho các đơn vị cổ phần để đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, thoái vốn tại một số đơn vị để bảo toàn vốn và sử dụng vốn hiệu quả; các nội dung liên quan đến phương án đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty... Trong đó:

- Tiếp tục rà soát, thay đổi cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt tại một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu công việc; thay đổi người đại diện phần vốn Tổng công ty tại một số công ty cổ phần, phù hợp với sở trường và năng lực của từng cán bộ. Thường xuyên tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả, tiến độ và chất lượng các công việc theo nhiệm vụ được giao.
- Xây dựng và phê duyệt đề án tái cơ cấu của 12 đơn vị có khó khăn về tài chính, năng lực cạnh tranh thấp, đưa ra các mốc tiến độ, mục tiêu cụ thể để từng bước tháo gỡ khó khăn, tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

4. Thông qua và phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch chuẩn bị đầu tư, dự án đầu tư trong lĩnh vực bất động

sản gồm các dự án đầu tư KCN mới là KCN Phú Hà (Phú Thọ), KCN Phong Điền (Thừa Thiên Huế); trong lĩnh vực vật liệu các dự án kính tiết kiệm năng lượng và các hạng mục đầu tư chiều sâu kết hợp với các giải pháp nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng, chuyển dịch cơ cấu sản phẩm giá trị gia tăng cao, khác biệt, sử dụng năng lượng sạch (khí thiên nhiên), tiết giảm chi phí

5. Thực hiện công tác quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:

- Kiểm tra và giám sát thường xuyên Người đại diện thông qua quy chế quản lý Người đại diện của Tổng công ty đã ban hành; Yêu cầu Người đại diện Tổng công ty báo cáo giải trình cụ thể mọi hoạt động từng đơn vị, nêu rõ các khó khăn, tồn tại, từ đó Tổng công ty có định hướng, giải pháp cho từng đơn vị.
- Tổng số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2015 đạt 844 tỷ đồng, không có đầu tư ra ngoài ngành cũng như vào những ngành có rủi ro cao như chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng, bảo hiểm. Việc quản lý, sử dụng vốn được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ thông qua cơ chế người đại diện nhằm đảm bảo việc đầu tư, sử dụng vốn đúng nguồn, đúng quyền hạn và đảm bảo hiệu quả tối ưu. Định kỳ hàng tuần, hàng tháng, người đại diện kiểm soát tình hình SXKD tại các đơn vị trên cơ sở kế hoạch được giao và báo cáo Tổng Công ty đầy đủ tại các cuộc họp giao ban tại Văn phòng Tổng Công ty.

6. Đăng ký cổ phiếu tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Đăng ký giao dịch cổ phiếu Tổng Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Triển khai công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 2.645 tỷ đồng lên 3.070 tỷ đồng;

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành có liên quan; các biên bản, nghị quyết phê duyệt, thông qua các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân các thành viên Hội đồng quản trị trong các mặt hoạt động của Tổng công ty Viglacera-CTCP; đều đạt được sự thống nhất cao của các thành viên, đảm bảo triển khai theo đúng quy định.

3- Công tác đầu tư phát triển

Giá trị thực hiện vốn đầu tư phát triển của Công ty Mẹ - Tổng công ty CP đạt 1.395 tỷ đồng bằng 60% Kế hoạch thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Việc chưa đạt mục tiêu kế hoạch thực hiện đầu tư được đánh giá, phân tích như sau:

- Trong lĩnh vực kinh doanh nhà (đạt 61% KH): Một số các dự án dự kiến đầu tư mới với tổng giá trị vốn đầu tư kế hoạch là 595 tỷ đồng (chiếm 43% vốn đầu tư KH), như Khu đô thị Đặng Xá 3, Tổ hợp Thăng Long No1 GĐII, các dự án hợp tác đầu tư được giãn tiến độ do yếu tố khách quan về thủ tục, chính sách điều chỉnh của địa phương, mặt khác xét đến yếu tố thị trường và nhu cầu vốn chưa thuận lợi nên được chủ động giãn tiến độ; dự án 671 Hoàng Hoa Thám GĐ III cũng được điều chỉnh tiến độ để phù hợp và đáp ứng nhu cầu khách hàng, nâng cao khả năng kinh doanh. Tuy nhiên, trong năm 2015 cũng đã tập trung triển khai đầu tư mới, đẩy nhanh các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại các KCN là các dự án có thị trường, có dòng tiền và thu hồi vốn nhanh.
- Trong lĩnh vực vật liệu (đạt 14% KH): Dự án đầu tư dây chuyền kính tiết kiệm năng lượng được triển khai thực hiện kỹ công tác chuẩn bị đầu tư dài hơn (6 tháng) so với dự kiến, đặc biệt trong việc lựa chọn nhà thầu cung cấp công nghệ kỹ thuật, công tác chuẩn bị vốn và nghiên cứu thị trường để đảm bảo lựa chọn công nghệ, thiết bị tốt nhất (đã lựa chọn nhà thầu Von Ardenne – Đức), do đó giá trị đầu tư thực hiện bằng 16% so với kế hoạch; dự án đầu tư chuyển đổi nhiên liệu tại Công ty Kính nổi Viglacera cũng được giãn tiến độ để nghiên cứu khảo sát công nghệ phù hợp, đồng thời hiện nay thị trường đang có nhu cầu tốt, giá nhiên liệu giảm cho hiệu quả kinh doanh tốt, nên việc giãn tiến độ cũng là phù hợp, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Các dự án này cũng sẽ được tích cực và đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2016.
Bên cạnh đó, thông qua Người đại diện của Tổng công ty, Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần đã thông qua chủ trương, đơn đốc và kiểm soát các đơn vị thành viên triển khai đầu tư trọng điểm tại các dự án:

- Lĩnh vực vật liệu: Đầu tư và đưa vào vận hành 03 dự án là dự án nhà máy gạch clinker, công suất 2 triệu m²/năm; dự án mở rộng nhà máy granite Thái Bình (CP Tiên Sơn) công suất 2 triệu m²/năm; dự án cải tạo chuyển đổi sản xuất 100% ngói tự động tại Nhà máy gạch Hoàng Bồ (CP Viglacera Hạ Long). Đồng thời tiếp tục triển khai dự án đề tài dự án nghiên cứu khoa học cấp nhà nước thiết kế chế tạo dây chuyền sản xuất bê tông khí chưng áp công suất 200 nghìn m³/năm. Tiếp tục đầu tư chiều sâu, ứng dụng công nghệ mới, bổ sung thiết bị nâng cao chất lượng và chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, tạo sự khác biệt và khai thác tối đa năng lực thiết bị hiện có.
- Lĩnh vực bất động sản: Tổ chức khởi công 02 dự án KCN mới là KCN Phú Hà (350ha) tại Phú Thọ, KCN Phong Điền (284ha) tại Thừa Thiên Huế; triển khai các thủ tục đầu tư các dự án KCN Yên Phong mở rộng (314ha) tại Bắc Ninh, KCN Cẩm Khê (400ha) tại Phú Thọ, KCN Tiên Hải (446ha) tại Thái Bình, KCN tại Hà Nam. Tập trung triển khai đúng tiến độ các dự án về nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân tại Khu đô thị Đặng Xá, Yên Phong, 671 Hoàng Hoa Thám, Xuân Phương của Tổng công ty; chuẩn bị các bước hợp tác đầu tư các dự án về nhà ở với các đối tác trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo: thực hiện đầu tư cơ sở vật chất cho Viện Nghiên cứu phát triển Viglacera; tập trung vốn cho các Đề tài nghiên cứu khoa học theo Kế hoạch đã đặt ra; trong đó triển khai Dự án KH&CN: "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chưng áp công suất 200.000 m³/năm".



II- Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên của Kế hoạch 5 năm 2016-2020 và cũng là năm khởi đầu cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mới của đất nước; kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và rộng với quốc tế thông qua các hiệp định thương mại, hiệp ước hợp tác có hiệu lực. Đây là điều kiện thúc đẩy sự phát triển của Tổng công ty Viglacera; tuy nhiên, sẽ có những khó khăn thách thức mới, đặc biệt là vấn đề về năng lực cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực

hoạt động của Tổng công ty với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Do vậy, với việc phát huy kết quả đạt được của năm 2015, tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động để nâng cao năng lực cạnh tranh; Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc điều hành xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm cho kế hoạch năm 2016 với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

1- Các chỉ tiêu chính Kế hoạch năm 2016 của Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2015	KH năm 2016
1. Lợi nhuận trước thuế TCT-CTCP			
+ Theo báo cáo hợp nhất	tr.đồng	524.275	560.000
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	245.871	280.000
2. Doanh thu			
+ Theo báo cáo hợp nhất	tr.đồng	8.000.663	8.200.000
+ Công ty Mẹ	tr.đồng	3.500.275	3.550.000
3. Thực hiện đầu tư			
+ Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà	—	855.000	400.000
+ Lĩnh vực đầu tư HTKT, dịch vụ KCN	—	423.000	570.000
+ Lĩnh vực vật liệu	—	75.000	760.000
+ Lĩnh vực nghiên cứu phát triển và đào tạo	—	21.000	20.000
4. Vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP		2.645.000	3.070.000

2- Mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 của Hội đồng quản trị

2.1- Mục tiêu

1. Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016, làm cơ sở để triển khai thực hiện Kế hoạch 2016-2020 với mục tiêu tăng trưởng bình quân các chỉ tiêu chính từ 10-15%.

2. Xây dựng và điều hành quản lý Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần thông qua các Quy chế quản trị theo thông lệ quốc tế, tiệm cận với các doanh nghiệp có trình độ công nghệ sản xuất và quản trị hàng đầu thế giới; đáp ứng và tận dụng tối đa cơ hội hội nhập kinh tế quốc tế. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ lên cấp độ cao hơn, tăng cường khả năng cạnh tranh khi hội nhập kinh tế quốc tế

3. Triển khai đúng kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 3.070

tỷ đồng giảm tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước về 75%.

4. Tiếp tục bám sát mục tiêu phát triển Tổng công ty Viglacera-CTCP là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 lĩnh vực cốt lõi là sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng cao cấp và đầu tư kinh doanh bất động sản đa lĩnh vực.

5. Tập trung các giải pháp để tăng năng suất lao động tối thiểu 10% trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để tăng thu nhập cho người lao động và tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong và ngoài nước.

2.2- Nhiệm vụ trọng tâm trong quản trị điều hành

1. Chỉ đạo Tổng công ty bám sát các mục tiêu kế hoạch

từng tháng, từng quý; tập trung kiểm soát đặc biệt đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị còn lỗ phát sinh và năng lực cạnh tranh thấp; đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động, bù đắp tối đa lỗ lũy kế.

2. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng giám đốc điều hành triển khai các giải pháp quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.

3. Tiếp tục sắp xếp, bố trí Người đại diện tại các công ty cổ phần nhằm phát huy năng lực gắn liền với trách nhiệm với từng cá nhân; phát huy vai trò của Người đại diện và Ban kiểm soát tại các đơn vị để phát hiện, đánh giá và xử lý kịp thời, có hiệu quả các rủi ro phát sinh; triển khai đề án tái cơ cấu và thực hiện kế hoạch của các đơn vị còn lỗ phát sinh trong năm 2015.

4. Tập trung các nguồn lực, đẩy mạnh công tác xuất khẩu đạt kế hoạch năm 2016 và kế hoạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế

3- Công tác đầu tư phát triển

a- Lĩnh vực vật liệu:

Các dự án trọng điểm do Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần triển khai thực hiện:

1. Dự án nhà máy kính tiết kiệm năng lượng (low-e) công suất 2,3 triệu m² tại Bình Dương: tổng mức đầu tư 480 tỷ đồng, dự kiến quý III/2016 hoàn thành dự án và đưa vào vận hành.

2. Hợp tác đầu tư dự án Nhà máy kính siêu trắng công suất 600 tấn/ngày tại Vũng tàu: tổng mức đầu tư 1200-1500 tỷ đồng, dự kiến khởi công vào năm 2016 và đưa vào vận hành năm 2018.

3. Dự án chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ dầu FO sang CNG tại Nhà máy kính nổi Bình Dương;

4. Dự án Nhà máy gạch ốp cao cấp, công suất 6 triệu m²/năm tại Khu công nghiệp Phú Hà – Phú Thọ (theo văn bản chấp thuận chủ trương số 275/KHTC-BXD ngày 10/2/2015); tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.

5. Chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy sứ vệ sinh cao cấp

quốc tế trên cơ sở các mục tiêu, giải pháp phát triển mở rộng thị trường đã xây dựng cùng với các giải pháp phát triển sản phẩm mới, kiểm soát chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

5. Tập trung công tác nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực của Tổng công ty để đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của Tổng công ty; đặc biệt là các chương trình, kế hoạch đã và đang triển khai thực hiện.

6. Tập trung công tác đầu tư phát triển đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao, hiệu quả cao như kính tiết kiệm năng lượng, pin năng lượng mặt trời...; mở rộng quy đất cho phát triển các dự án nhà ở và khu công nghiệp mới theo đúng kế hoạch; đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở hợp tác, liên doanh đầu tư bằng tài sản, dịch vụ kỹ thuật và công nghệ, thương mại.

7. Chuẩn bị và đáp ứng đủ nguồn vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển theo kế hoạch, tiến độ đã đặt ra.

công suất 750.000 sản phẩm/năm tại phía Nam.

6. Hợp tác đầu tư dự án Nhà máy vôi công nghiệp giai đoạn 1, công suất 120 ngàn tấn/năm tại Hải Phòng; tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng, dự kiến khởi công năm 2016.

7. Xây dựng và trình các cấp thẩm quyền phê duyệt đề án sản xuất Pin năng lượng mặt trời; Hợp tác đầu tư dự án sản xuất Pin năng lượng mặt trời tại Cụm công nghiệp kính phía Bắc và phía Nam trong giai đoạn 2016-2020; đồng thời bước đầu triển khai dự án hợp tác đầu tư nhà máy kính siêu trắng nêu trên.

8. Triển khai đầu tư tại Cu Ba trên cơ sở liên doanh với doanh nghiệp sở tại, góp vốn bằng giải pháp công nghệ, dịch vụ kỹ thuật và bằng tiền, trước mắt trong lĩnh vực sứ vệ sinh, gạch ốp lát. Đồng thời, thông qua Người đại diện định hướng và chỉ đạo các công ty thành viên triển khai các dự án trọng điểm theo Kế hoạch đầu tư phát triển 2016-2020 đã đặt ra:

9. Chuyển đổi nhiên liệu sử dụng từ than sang khí NG tại Nhà máy Tiên Sơn; Từ LPG sang khí NG tại 2 nhà máy Thanh trì và Việt trì: dự kiến đưa vào vận hành trong tháng 7/2016.

10. Dự án đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy gạch Clinker

Viglacera, năng công suất lên 4 triệu m²/năm tại Đông Triều: hoàn thành và đưa vào vận hành đầu quý III/2016.

11. Đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất 100% ngói (theo dự án đã đầu tư thành công tại Hoàn hảo - Hạ Long) tại các đơn vị sản xuất gạch ngói như Đông Triều, Từ Liêm

b- Lĩnh vực bất động sản:

Gồm các dự án do trực tiếp Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần triển khai gồm:

Khu công nghiệp:

1. Khu công nghiệp Tiên Hải (Thái Bình), quy mô 446 ha: Đã khởi công dự án lô E, F tháng 2/2016, quy mô 32 ha, tổng mức đầu tư 171 tỷ đồng.

2. Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng (Bắc Ninh), quy mô 314 ha: tổng mức đầu tư 2.900 tỷ đồng, khởi công tháng 3/2016.

3. Chuẩn bị đầu tư để khởi công các KCN mới như Cẩm Khê - Phú Thọ (450 ha), Thuận Thành - Bắc Ninh (200-300ha), KCN Đông Văn IV - Hà Nam (khoảng 300ha).

Khu đô thị và nhà ở:

1. Triển khai thực hiện đầu tư các dự án thành phần về nhà ở thương mại, dịch vụ tại Khu đô thị Đặng Xá.

2. Dự án khu đô thị mới Đặng Xá mở rộng (giai đoạn 3): Dự kiến triển khai giai đoạn 1 (22ha), tổng mức đầu tư dự kiến là 2.800 tỷ đồng, khởi công trong năm 2016.

3. Dự án Tổ hợp Thăng Long No1 (GD2): Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 2.200 tỷ đồng, quy mô gồm 02 khối nhà 25-30 tầng, dự kiến khởi công trong năm 2016.

4. Khởi công các dự án hợp tác đầu tư trong năm 2016:

Dự án nhà ở cho công nhân, nhà thu nhập thấp trên địa bàn Hà Nội với các đối tác theo kế hoạch năm 2016, với quy mô khoảng 1.590 căn, tổng diện tích sàn khoảng 141 ngàn m² nhà ở công nhân, thu nhập thấp và khu nhà ở quy mô khoảng 2ha.

5. Khảo sát, nghiên cứu quy hoạch chuẩn bị đầu tư các dự án khu nhà ở và dịch vụ đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ công nhân tại Khu công nghiệp Yên Phong I và Yên Phong II mở rộng; diện tích quy hoạch khoảng 495 ha; dự

kiến triển khai giai đoạn 2016-2020

Bên cạnh việc khởi công các dự án khu công nghiệp, khu đô thị và nhà ở, Tổng công ty tiếp tục triển khai san lấp, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, các trạm cung cấp nước sạch (đặc biệt khai thác và xử lý nước mặt), xử lý nước thải tại các Khu công nghiệp hiện có và tổ chức triển khai các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên các khu đô thị hiện có của Tổng công ty.

Thành lập mới Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Viglacera để triển khai kinh doanh, vận hành các khu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng quản lý vận hành chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế trên cơ sở cổ phần có sự tham gia của các đối tác nước ngoài có uy tín, kinh nghiệm, dự kiến vốn góp của Viglacera chiếm 60% vốn điều lệ

c- Lĩnh vực nghiên cứu phát triển:

Tiếp tục triển khai các dự án nghiên cứu khoa học bao gồm các đề tài cấp nhà nước, Bộ Xây dựng và Tổng công ty theo kế hoạch; xúc tiến đầu tư Trung tâm thí nghiệm kính low-e. Nâng cao chất lượng quản trị trên cơ sở tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý, trước mắt trong quý I/2016 triển khai và áp dụng hệ thống ERP tại Công ty Kính nổi Viglacera và một số đơn vị đã đủ điều kiện.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Viglacera-CTCP trong năm 2015 và Kế hoạch hoạt động, nhiệm vụ trọng tâm năm 2016. Với sự đồng thuận, nhất trí cao của Đại hội đồng cổ đông, sự điều hành quyết liệt có trọng điểm và bám sát các mục tiêu đặt ra của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty và nỗ lực, quyết tâm của tập thể cán bộ CNV Tổng công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng Tổng công ty Viglacera sẽ hoàn thành các mục tiêu kế hoạch 2016 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông năm 2016 của Tổng công ty Viglacera-CTCP.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch
Luyện Công Minh



A photograph showing several light-colored wooden blocks of varying heights arranged on a rustic wooden surface. A person's hand is visible on the right side, interacting with the blocks.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016.

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Tổng công ty, luật Doanh nghiệp và quy định khác Pháp luật, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

I-HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) bao gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong năm 2015, được sự hỗ trợ, phối hợp của Hội đồng quản trị (HĐQT), BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng góp phần vào hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tổng công ty, hoạt động chủ yếu gồm:

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015. Giám sát việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổng công ty, giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị.

Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của Tổng công ty và các phòng ban chức năng, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2015.

VIGLACERA - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015





Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Ngày tháng	Số thành viên tham gia	Nội dung chính
28/3	3/3	Tổng hợp tình hình kiểm soát thực hiện kế hoạch SXKD ước thực hiện quý 1/2015 theo phân công.
18/7	3/3	Tổng hợp kết quả thực hiện giám sát 6 tháng, tình phối hợp tham gia kiểm kê, tổng hợp kiểm kê 30/6.
10/10	3/3	Phân công, phối hợp trong việc thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
30/1	3/3	Tổng kết hoạt động BKS năm 2015, kế hoạch 2016.

Ngoài ra, BKS tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và các cuộc họp đột xuất liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty để nắm bắt tình hình SXKD thực tế.

II-BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1-Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015:

*Phân phối lợi nhuận năm 2014:

Tổng công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ 2015; chi trả cổ tức 62,1 tỷ đồng/NQ 66,1 tỷ đồng đạt 94%, số cổ tức còn lại chủ yếu của phần Vốn Nhà nước do chưa quyết toán bàn giao.

*Chỉ tiêu chính về SXKD

Lợi nhuận: Công ty Mẹ đạt 245 tỷ đồng/NQ 147 tỷ đồng đạt 167% kế hoạch Nghị quyết ĐHCĐ 2015. Lợi nhuận Hợp nhất 524 tỷ đồng/NQ 290 tỷ đồng đạt 180% kế hoạch Nghị quyết ĐHCĐ 2015.

Doanh thu: Doanh thu Công ty Mẹ năm 2015 là 3.500 tỷ đồng;

***Thực hiện đầu tư Công ty Mẹ đạt 1.395 tỷ đồng /NQ 2.344 tỷ đồng đạt 60% kế hoạch do một số dự án thuộc lĩnh vực kinh doanh nhà và vật liệu Tổng công ty chủ động giãn tiến độ để phù hợp với tình hình thực tế.**

*** Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:**

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 609/BXD ngày 24/06/2013 của Bộ xây dựng về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Viglacera giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020 Tổng công ty đã triển khai việc tái cơ cấu toàn diện trong toàn Tổng công ty;

Xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Kiện toàn mô hình tổ chức Công ty Mẹ theo hướng chuyên sâu từng lĩnh vực; thành lập Ban Kính, Ban gạch ốp lát-sứ vệ sinh và Ban Gạch ngói.

Thành lập và đưa vào hoạt động Công ty CP Visaho nhằm chuyên nghiệp hóa lĩnh vực quản lý và vận hành các dự án bất động sản của Tổng công ty.

Hoàn thành tăng vốn tại Công ty cổ phần Viglacera Tiên sơn, thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Nguyên liệu Viglacera.

*** Triển khai đăng ký cổ phiếu** để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam và phát hành riêng lẻ cổ phiếu Tổng công ty cho đối tác chiến lược để tăng vốn điều lệ (Sau khi được Bộ xây dựng phê duyệt phương án):

Triển khai đăng ký lưu ký cổ phiếu Tổng công ty Viglacera-CTCP trên sàn UPCOM; chuẩn bị các bước thực hiện tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Viglacera-CTCP lên 3.070 tỷ đồng.

*** Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:** Theo đúng mức ĐHĐCĐ phê duyệt.

2. Giám sát tình hình tài chính

BKS đã tham gia họp và trao đổi định kỳ với Kiểm toán độc lập của Tổng công ty (Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán. Tổng công ty tuân thủ theo Luật kế toán, chuẩn mực trong công tác hạch toán kế toán, hoàn thành báo cáo tài chính đúng thời gian quy định.

Căn cứ vào các báo cáo định kỳ hàng quý và báo cáo tài chính năm 31/12/2015 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán, tình hình tài chính của Tổng công ty Viglacera - CTCP Tổng Công ty ổn định thể hiện qua các chỉ số tài chính:

Tổng tài sản, nguồn vốn hợp nhất toàn Tổng công ty đến hết năm 2015 là 11.663 tỷ đồng, giảm so với năm 2014 là 653 tỷ đồng tỷ đồng; Công ty mẹ là 8.774 tỷ đồng giảm 973 tỷ đồng chủ yếu giảm hàng tồn kho và công nợ phải trả.

Nợ phải thu: Dư nợ các khoản phải thu ngắn hạn tại 31/12/2015 là 1.268,8 tỷ đồng, vòng quay 2,5 lần, tăng 105 tỷ đồng chủ yếu do công nợ ghi nhận theo bàn giao chưa đến tiến độ thu theo hợp đồng.

Tổng số vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác tại thời điểm 31/12/2015 là 844 tỷ đồng, không có đầu tư ra ngoài ngành, Đối với các đơn vị có kết quả hoạt động kinh doanh chưa đạt mục tiêu đề ra, Tổng Công ty đã thực hiện rà soát tổng thể, và xây dựng phương án tái cơ cấu toàn diện. Tỷ lệ Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu của Công ty Mẹ 1.94 lần, giảm 0,53 lần so với cùng kỳ 2014.

Vốn vay Dư vay ngân hàng Công ty mẹ là 944 tỷ đồng (vay ngắn hạn là 233 tỷ đồng, còn lại chủ yếu vay dài hạn, lãi suất ưu đãi của các dự án nhà ở xã hội, nhà cho người thu nhập thấp), giảm 371 tỷ đồng so với 31/12/2014;

Nợ phải trả thời điểm 31/12/2015 tại Công ty Mẹ là 5.787,7 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu chưa thực hiện là 2.639 tỷ đồng, chủ yếu là doanh thu từ cho thuê lại hạ tầng Khu công nghiệp phân bổ dần trong nhiều năm.

Nợ phải trả trên báo cáo Hợp nhất là 8.361 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu chưa thực hiện là 2.660 tỷ đồng.

Tính thanh khoản: chỉ số khả năng thanh toán tổng quát và ngắn hạn tại 31/12/2015 Công ty Mẹ ổn định so với năm 2014 lần lượt là 1,5 và 1,3.

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản Công ty Mẹ tăng 0,6% so với năm 2014; Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu Công ty Mẹ tăng 1,6%

Trích lập dự phòng: Trong năm 2015, các khoản nợ xấu đã tiếp tục được rà soát tổng thể, trích lập dự phòng và lập kế hoạch xử lý trong giai đoạn tiếp theo, nhằm thu hồi dần và tắt toán các khoản công nợ khó đòi, cũng như đảm bảo số liệu tài chính được phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2015 của Công ty Mẹ là 2.987 tỷ đồng tăng 179 tỷ đồng so với đầu kỳ; Báo cáo Hợp nhất là 3.302 tỷ đồng, tăng 362 tỷ đồng so với đầu kỳ.

3. Giám sát hoạt động của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

Đối với HĐQT:

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 phê duyệt tại Nghị quyết số 76/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015, đã họp và ban hành trên 85 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành có sự thống nhất cao của các thành viên.

Đối với Ban điều hành:

Ban điều hành gồm 05 người (Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc) đã triển khai triệt để các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, chỉ đạo quyết liệt, chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ và các Công ty Con thông qua Người đại diện phần vốn để đạt được mục tiêu và hiệu quả đặt ra.

Đối với các cổ đông: Trong năm 2015 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông.

Việc tuân thủ Pháp luật, các quy định, quy chế quản trị nội bộ:

Các cấp quản lý, bộ phận chức năng, cá nhân và đơn vị liên quan của Tổng công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy trình, quy chế quản trị nội bộ.

4. Đề xuất lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016:

BKS đề xuất HĐQT trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2016 là Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

5. Kế hoạch hoạt động năm 2016 của BKS

Để thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, BKS tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động phối hợp với Kiểm toán độc lập, hệ thống quản trị của Tổng Công ty và hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS. Phối hợp với phòng TCLĐ và các bộ phận liên quan rà soát, hoàn thiện hệ thống kiểm soát tại các Công ty Con. Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015, kế hoạch 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Thay mặt Ban kiểm soát, Kính chúc các Quý vị đại biểu, các Quý vị cổ đông sức khỏe, thành công!

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Ngô Thùy Trang

BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như sau:

Rủi ro cạnh tranh

Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với hai lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Tổng công ty là vật liệu xây dựng và bất động sản, trong cả thị trường nội địa và xuất khẩu; trong đó:

- Lĩnh vực vật liệu vẫn có mức độ cạnh tranh cao, đặc biệt khi Việt Nam hội nhập sâu theo các Hiệp định, Diễn đàn hợp tác thương mại khu vực và thế giới; trong đó chủ yếu là các yếu tố về giá cả, chất lượng, hàm lượng công nghệ, tiện ích sử dụng và mẫu mã; đối với lĩnh vực bất động sản là sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ và tiện ích... đồng nghĩa, sẽ là nguy cơ dẫn đến mất khách hàng quan trọng, các đối tác chiến lược trong các lĩnh vực hoạt động.

- Các sản phẩm mới (kính tiết kiệm năng lượng, siêu trắng, bê tông khí...) được đầu tư và sản xuất đưa ra thị trường theo Kế hoạch, đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng đặt ra, trong giai đoạn đầu của chu kỳ sản phẩm, sẽ có những rủi ro, khó khăn về thị trường từ yếu tố thói quen tiêu dùng, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu;

Giải pháp: - Thực hiện các giải pháp quản trị đồng bộ đã và đang được triển khai đó là: nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường - sản phẩm mới - nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm - giá cả hợp lý - chất lượng dịch vụ.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống phân phối của Viglacera, đảm bảo phủ khắp thị trường nội địa và có hệ thống đại diện phân phối tại thị trường xuất khẩu; Phát triển mô hình chuyên môn hóa theo nhóm sản phẩm, bộ sản phẩm đồng bộ đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ sau bán hàng.

- Nâng cao chất lượng, mức độ kiểm soát, đánh giá từ xác định mục tiêu, công tác lập và triển khai kế hoạch một cách thường xuyên, nâng cao tính liên kết giữa kế hoạch ngắn hạn và chiến lược trung và dài hạn; thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức phòng, ban chuyên trách theo từng lĩnh vực, nhóm sản phẩm và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân

Rủi ro chính trị quốc gia

Rủi ro này ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển thị trường và kế hoạch xuất khẩu của Viglacera trong chiến lược phát triển, liên quan đến sự bất ổn chính trị, chính sách tại quốc gia, khu vực của thị trường xuất khẩu. Viglacera sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng ngừa đó là kiểm soát và giám sát chặt chẽ thường xuyên các ảnh hưởng; chú trọng phân tích môi trường đầu tư, chính trị khi triển khai phát triển thị trường mới.

Hoạt động quản trị đã xác định các rủi ro quan trọng của Tổng công ty và các rủi ro này được giám sát chặt chẽ với các báo cáo quản trị định kỳ hàng tháng, hàng quý.

Hoạt động quản trị đã xác định các rủi ro quan trọng của Tổng công ty và các rủi ro này được giám sát chặt chẽ với các báo cáo quản trị định kỳ hàng tháng, hàng quý.

Rủi ro về chính sách quản lý

Chính sách quản lý của nhà nước cũng là một trong các yếu tố ảnh hưởng, xuất hiện các rủi ro đối với hoạt động của doanh nghiệp, từ các vấn đề trọng tâm như sau:

- “Độ trễ” của chính sách pháp lý liên quan (ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn...) sẽ có ảnh hưởng khó khăn cho công tác phát triển thị trường, trong định hướng tiêu thụ khi triển khai các dự án đầu tư, phát triển các sản phẩm mới... Đồng thời, việc thay đổi chính sách quản lý nhà nước sẽ đem đến rủi ro trong việc triển khai các hoạt động SXKD trong mục tiêu kế hoạch hàng năm/ngắn hạn như trong quản lý quy hoạch, đất đai, sử dụng tài nguyên...
- Chính sách quốc gia trong quan hệ quốc tế ảnh hưởng đến khả năng quản lý, mở rộng các khu vực thị trường xuất khẩu.

Giải pháp: Thường xuyên bám sát, cập nhật cũng như có các đánh giá dự báo về chính sách quản lý nhà nước, đặc biệt liên quan đối với các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

Rủi ro công nghệ trong lĩnh vực vật liệu

Chủ yếu trong lĩnh vực vật liệu, với sự phát triển của khoa học công nghệ sản xuất, yếu tố rủi ro mang đến là khả năng lạc hậu về công nghệ, nhân lực chất lượng cao, suy giảm năng lực cạnh tranh trong quản trị chất lượng, mẫu mã sản phẩm, chi phí...

Giải pháp: Đầu tư cho nghiên cứu phát triển kết hợp với đi tắt đón đầu về công nghệ gốc trên cơ sở đầu mối là Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera, Trường Cao đẳng Viglacera kết hợp với hợp tác với các đối tác nước ngoài có kinh nghiệm, uy tín trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty để đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm đáp ứng Kế hoạch phát triển trung và dài hạn; phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh, định hướng kinh doanh và cam kết với xã hội, cộng đồng đã đặt ra.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Viglacera

Định hướng khách hàng

Đặt khách hàng ở vị trí trung tâm, Viglacera luôn nỗ lực mang đến sự hài lòng cho khách hàng qua những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao. Viglacera luôn chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, lắng nghe nhu cầu và mong muốn của khách hàng nhằm sản xuất và cung cấp ra thị trường các sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Định hướng khách hàng tại Viglacera là sự cải tiến hiệu quả quản lý, hiệu quả các quy trình làm việc với quan điểm tất cả cùng hướng về khách hàng. Nhờ vậy, Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm được khách hàng và xã hội đón nhận. Sản phẩm vật liệu xây dựng của Viglacera được biết đến rộng rãi và nắm giữ thị phần lớn tại thị trường Việt Nam; sản phẩm nhà ở dành cho người thu nhập thấp được xã hội đón nhận; các Khu công nghiệp của Viglacera được nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới lựa chọn đặt nhà máy...

Viglacera

Trách nhiệm xã hội

Viglacera là đơn vị tiên phong trong việc phát triển các vật liệu "xanh", thân thiện môi trường, giúp tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu và năng lượng trong quá trình sản xuất và sử dụng. Viglacera luôn đề cao ý thức phục vụ xã hội, thể hiện cụ thể thành các mục tiêu kinh doanh như chiến lược phát triển bất động sản hướng về người thu nhập thấp, đầu tư vào những công nghệ đi tắt đón đầu, giúp tối ưu hóa sản xuất và thân thiện môi trường.

Viglacera

Chất lượng sản phẩm

Chất lượng là sự đầu tư không ngừng cho khoa học, công nghệ và là sự tiên phong tạo ra những sản phẩm đi tắt đón đầu, phù hợp với thị hiếu của khách hàng, xu hướng phát triển bền vững của ngành. Viglacera đã cho ra đời những sản phẩm vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, thân thiện môi trường, có hiệu năng sử dụng cao. Các sản phẩm bất động sản của Viglacera, dù thiết kế dành cho người thu nhập thấp, vẫn đáp ứng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về kỹ thuật và công năng. Chất lượng là yếu tố cấu thành quan trọng nhất, tạo nên thương hiệu và danh tiếng của Viglacera trong mọi lĩnh vực hoạt động, ở mọi giai đoạn phát triển.



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

THÔNG TIN CỔ PHẦN CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a **CỔ PHẦN** Tính đến thời điểm 31/12/2015:

Vốn điều lệ của Tổng Công ty	2,645,000,000,000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phần	10,000 đồng
Khối lượng cổ phần phát hành	264,500,000 cổ phần
Khối lượng cổ phần đang lưu hành	264,500,000 cổ phần
Cổ phần do nhà nước nắm giữ	241,985,262 cổ phần
Cổ phần tự do chuyển nhượng	21.926.193 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	588,545 cổ phần
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phần

c **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:**

Ngày 02/07/2014, Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Viglacera - CTCP và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy CNĐKDN CTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014 với mức vốn điều lệ là **2,645,000,000,000 đồng**;

Kể từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (22/07/2014) đến nay, Tổng công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư chủ sở hữu, do đó mức Vốn điều lệ được giữ nguyên là: **2,645,000,000,000 đồng** (Hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

d **TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: KHÔNG CÓ.**

e **CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ.**

b**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:**

Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2016 như sau:

**THÔNG TIN TỔNG CÔNG TY****VIGLACERA**

Tên tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Tên tiếng Anh:

VIGLACERA CORPORATION - JSC

Địa chỉ trụ sở chính:

**Tòa nhà Viglacera, Số 1, Đại lộ Thăng Long,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội**

Điện thoại:

04. 35536660

Fax:

04. 35536671

Website:

<http://www.viglacera.com.vn>

Giấy CNĐKDN CTCP:

**số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014**

Vốn điều lệ:

2,645,000,000,000 VND
(Hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

Mã cổ phiếu:

VGC

Mệnh giá 1 cổ phần:

10,000 đồng

Khối lượng cổ phần phát hành:

264,500,000 cổ phần

Khối lượng cổ phần đang lưu hành:

264,500,000 cổ phần

Cổ phần do Nhà nước nắm giữ:

241,985,262 cổ phần

Cổ phần tự do chuyển nhượng:

21.926.193 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:

588,545 cổ phần

Cổ phiếu quỹ:

0 cổ phần



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2015



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo tài chính riêng Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2343/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành Tổng Công ty cổ phần. Căn cứ vào kết quả chào bán cổ phần, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera. Theo đó, Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng Công ty cổ phần từ ngày 22/07/2014.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 16 và 17 Tòa nhà Viglacera - Số 01 Đại lộ Thăng Long - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Luyện Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên
Ông Lưu Văn Lầu	Thành viên
Ông Nguyễn Quý Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Kim Bồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thùy Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Viglacera - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Viglacera - CTCP được lập ngày 21/03/2016, từ trang 06 đến trang 64, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến



về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Viglacera - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2013-002-1





BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3,658,545,083,576	4,831,805,828,210
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	528,606,364,525	753,829,010,563
111	1. Tiền		268,338,789,544	205,419,816,575
112	2. Các khoản tương đương tiền		260,267,574,981	548,409,193,988
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	58,530,395	141,649,094
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		58,530,395	141,649,094
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1,268,784,650,801	1,163,766,423,229
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	970,491,645,816	878,091,823,899
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		110,874,178,721	105,337,313,286
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	15,332,200,216	15,332,200,216
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	177,198,080,118	170,560,523,033
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5,111,454,070)	(5,606,109,911)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	50,672,706
140	IV. Hàng tồn kho	9	1,773,732,771,077	2,815,013,841,680
141	1. Hàng tồn kho		1,776,790,971,368	2,815,013,841,680
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3,058,200,291)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		87,362,766,778	99,054,903,644
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4,367,904,915	3,030,132,356
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		51,483,415,353	86,650,911,242
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	31,511,446,510	9,373,860,046

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5,116,363,458,967	4,916,148,602,900
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		202,333,413,815	203,333,986,865
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	202,333,413,815	203,333,986,865
220	II. Tài sản cố định		1,460,696,286,466	1,500,361,715,905
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1,368,798,104,418	1,408,526,297,246
222	- Nguyên giá		2,585,517,108,820	2,481,995,209,314
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,216,719,004,402)	(1,073,468,912,068)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	6,290,743,835	4,934,431,826
225	- Nguyên giá		7,491,858,182	5,949,949,091
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,201,114,347)	(1,015,517,265)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	85,607,438,213	86,900,986,833
228	- Nguyên giá		100,349,121,061	100,308,621,061
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14,741,682,848)	(13,407,634,228)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	1,896,836,874,677	1,784,373,307,521
231	- Nguyên giá		2,244,376,916,650	2,073,043,181,840
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(347,540,041,973)	(288,669,874,319)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		604,664,931,167	380,116,641,423
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	604,664,931,167	380,116,641,423
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	691,783,862,809	732,263,345,510
251	1. Đầu tư vào công ty con		532,284,776,890	522,084,776,890
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		306,686,483,673	306,686,483,673
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5,282,682,344	4,112,682,344
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(152,552,380,098)	(100,702,897,397)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		82,300,000	82,300,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		260,048,090,033	315,699,605,676
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	260,048,090,033	315,699,605,676
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8,774,908,542,543	9,747,954,431,110

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5,787,752,336,788	6,939,801,557,319
310	I. Nợ ngắn hạn		2,770,053,549,504	3,695,664,565,724
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	479,534,505,251	737,862,174,674
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		288,204,467,092	59,721,197,559
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	232,310,453,218	654,533,311,587
314	4. Phải trả người lao động		43,843,699,549	24,197,655,872
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	496,903,859,713	1,046,643,211,772
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	24,736,681,152	44,695,791,399
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	335,785,454,274	310,085,158,644
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	631,258,886,356	667,616,841,900
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	219,370,538,467	150,211,722,172
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18,105,004,432	97,500,145
330	II. Nợ dài hạn		3,017,698,787,284	3,244,136,991,595
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	2,614,503,784,488	2,553,793,921,970
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	16,520,188,209	9,605,529,005
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	317,679,344,357	650,495,049,611
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	52,749,355,580	-
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		16,246,114,650	30,242,491,009
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		26,484,914,650	40,481,291,009

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,987,156,205,755	2,808,152,873,791
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2,982,173,805,755	2,802,655,068,791
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18,687,162	18,687,162
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		270,155,118,593	157,636,381,629
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		89,855,022,435	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		180,300,096,158	157,636,381,629
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		67,000,000,000	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		4,982,400,000	5,497,805,000
431	1. Nguồn kinh phí	24	4,982,400,000	5,497,805,000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8,774,908,542,543	9,747,954,431,110

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	3,500,275,987,115	1,978,950,015,578
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	48,470,273,695	22,668,255,008
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	3,451,805,713,420	1,956,281,760,570
11	4. Giá vốn hàng bán	29	2,791,695,410,821	1,592,986,266,356
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch		660,110,302,599	363,295,494,214
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	58,029,395,148	21,023,125,832
22	7. Chi phí tài chính	31	101,249,975,184	26,635,771,046
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		46,043,140,283	20,084,885,775
25	8. Chi phí bán hàng	32	119,489,644,587	66,034,132,121
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	203,911,741,002	97,675,356,862
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	444,812,729,402	254,039,322,149

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		293,488,336,974	193,973,360,017
31	11. Thu nhập khác	34	45,490,705,627	26,373,518,122
32	12. Chi phí khác	35	93,107,801,451	21,828,778,123
40	13. Lợi nhuận khác		(47,617,095,824)	4,544,739,999
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		245,871,241,150	198,518,100,016
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36	64,978,958,930	41,676,408,881
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		180,892,282,220	156,841,691,135

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		245,871,241,150	198,518,100,016
	2. Điều chỉnh cho các khoản		374,588,274,561	94,061,396,281
02	• Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		219,116,381,740	97,267,918,212
03	• Các khoản dự phòng		176,321,199,025	1,224,445,773
04	• Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2,132,942,520)	(175,870,341)
05	• Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52,728,711,052)	(24,339,983,138)
06	• Chi phí lãi vay		46,043,140,283	20,084,885,775
07	• Các khoản điều chỉnh khác		(12,030,792,915)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		620,459,515,711	292,579,496,297
09	• Tăng, giảm các khoản phải thu		(73,425,148,274)	48,209,716,666
10	• Tăng, giảm hàng tồn kho		1,038,222,870,312	(188,382,423,334)
11	• Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(894,575,820,331)	38,615,663,101
12	• Tăng, giảm chi phí trả trước		54,313,743,084	39,628,705,740
14	• Tiền lãi vay đã trả		(63,519,782,359)	(36,257,525,191)
15	• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78,345,328,328)	(22,690,437,643)
16	• Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		73,893,790,000	5,595,305,145
17	• Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31,124,654,224)	(15,054,979,592)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		645,899,185,591	162,243,521,189
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(513,082,944,691)	(65,022,172,753)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8,886,363,636	10,268,668,200

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(141,649,094)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		83,118,699	12,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(11,820,000,000)	(35,333,930,000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		454,500,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		54,607,063,621	20,323,701,702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(460,871,898,735)	(57,905,381,945)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

33	1. Tiền thu từ đi vay		784,026,472,059	406,440,035,610
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1,132,736,090,642)	(462,193,405,237)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1,349,248,473)	(890,091,207)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(62,054,015,402)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(412,112,882,458)	(56,643,460,834)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(227,085,595,602)	47,694,678,410
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		753,829,010,563	705,800,450,427
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1,862,949,564	333,881,726
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	528,606,364,525	753,829,010,563

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4,933,297,140,399	6,091,715,453,126
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	708,453,871,600	1,026,375,030,780
111	1. Tiền		448,186,296,619	409,025,836,792
112	2. Các khoản tương đương tiền		260,267,574,981	617,349,193,988
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	10,195,675,465	141,649,094
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10,195,675,465	141,649,094
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1,324,213,724,130	1,262,723,017,551
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1,024,173,604,180	951,739,376,545
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		162,186,019,575	166,378,759,737
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2,100,000,000	2,100,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	251,133,895,620	237,952,715,175
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(116,066,842,268)	(96,058,719,361)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		687,047,023	610,885,455
140	IV. Hàng tồn kho	9	2,761,304,184,018	3,672,084,397,324
141	1. Hàng tồn kho		2,792,765,486,120	3,695,327,586,024
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31,461,302,102)	(23,243,188,700)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		129,129,685,186	130,391,358,377
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8,702,635,310	9,642,267,748
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		85,104,842,547	109,812,875,224
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	35,322,207,329	10,936,215,405

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6,730,003,336,952	6,224,966,733,989
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		208,565,359,624	208,644,117,760
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	208,565,359,624	208,644,117,760
220	II. Tài sản cố định		3,065,883,524,090	3,014,239,549,333
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2,912,629,026,012	2,872,140,523,797
222	- Nguyên giá		6,518,050,704,972	6,147,125,805,049
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,605,421,678,960)	(3,274,985,281,252)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	50,533,454,548	38,255,547,370
225	- Nguyên giá		64,070,969,655	53,601,261,750
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,537,515,107)	(15,345,714,380)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	102,721,043,530	103,843,478,166
228	- Nguyên giá		132,005,154,204	130,179,019,204
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29,284,110,674)	(26,335,541,038)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	1,913,454,707,657	1,801,428,435,585
231	- Nguyên giá		2,261,868,721,378	2,090,534,986,568
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(348,414,013,721)	(289,106,550,983)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	936,674,699,945	591,907,306,040
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		868,427,335	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		935,806,272,610	591,907,306,040
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	249,998,113,012	214,514,781,670
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		239,122,307,204	205,658,218,098
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12,346,709,835	10,780,986,297
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1,653,204,027)	(2,106,722,725)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		182,300,000	182,300,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		355,426,932,624	394,232,543,601
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	350,531,616,498	388,792,478,261
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	38	395,291,164	247,728,846
269	3. Lợi thế thương mại	16	4,500,024,962	5,192,336,494
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11,663,300,477,351	12,316,682,187,115

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8,361,166,967,558	9,377,083,026,733
310	I. Nợ ngắn hạn		4,749,507,307,226	5,696,038,241,449
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1,013,971,694,151	1,228,064,661,525
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		346,879,961,188	127,206,250,435
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	414,780,944,602	882,547,462,539
314	4. Phải trả người lao động		150,319,508,228	115,728,456,803
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	685,445,692,646	1,236,442,134,398
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	30,880,828,940	45,354,254,345
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	429,290,647,716	393,195,106,775
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	1,429,033,458,824	1,514,928,290,350
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	225,639,221,185	150,941,592,457
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		23,265,349,746	1,630,031,822
330	II. Nợ dài hạn		3,611,659,660,332	3,681,044,785,284
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	11,529,606,017	6,575,531,057
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	2,629,554,814,840	2,570,313,470,240
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	40,260,058,179	31,765,109,758
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	811,323,863,751	993,283,586,884
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	22	92,506,402,895	38,625,796,336
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		26,484,914,650	40,481,291,009

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3,302,133,509,793	2,939,599,160,382
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	3,286,901,372,593	2,930,813,055,382
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(4,408,147,765)	3,839,113,235
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		23,249,978,656	7,362,984,856
415	4. Cổ phiếu quỹ		(149,876,239)	(148,162,639)
416	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(193,544,307,015)	(193,544,307,015)
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		102,045,497,588	97,219,521,936
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6,874,279,135	6,874,279,135
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		303,663,794,685	75,061,752,116
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6,936,752,116	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		296,727,042,569	75,061,752,116
422	9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		67,000,000,000	-
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		337,170,153,548	289,147,873,758
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		15,232,137,200	8,786,105,000
431	1. Nguồn kinh phí	25	15,232,137,200	8,786,105,000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11,663,300,477,351	12,316,682,187,115

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	8,000,663,344,098	4,473,853,610,183
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	180,758,743,824	81,964,136,271
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	7,819,904,600,274	4,391,889,473,912
11	4. Giá vốn hàng bán	30	6,103,024,455,485	3,461,303,744,033
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,716,880,144,789	930,585,729,879
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	32,255,846,952	23,373,341,069
22	7. Chi phí tài chính	32	198,505,470,495	108,153,197,589
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>161,134,244,197</i>	<i>89,043,511,954</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	4	33,417,259,548	10,269,566,931
25	9. Chi phí bán hàng	33	537,174,161,143	263,432,599,058
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	444,812,729,402	254,039,322,149
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		602,060,890,249	338,603,519,083
31	12. Thu nhập khác	35	63,004,932,043	40,455,274,116
32	13. Chi phí khác	36	140,790,944,987	48,738,229,089
40	14. Lợi nhuận khác		(77,786,012,944)	(8,282,954,973)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		524,274,877,305	330,320,564,110
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	117,920,839,914	64,023,686,331

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38	(147,562,318)	(247,728,846)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		406,501,599,709	266,544,606,625
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		328,387,236,703	217,430,929,009
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		78,114,363,006	49,113,677,616
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	1,239	825

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		524,274,877,305	323,384,730,147
	2. Điều chỉnh cho các khoản		658,020,025,462	298,683,154,337
02	• Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		417,691,571,834	191,871,049,904
03	• Các khoản dự phòng		148,658,522,983	43,514,256,024
04	• Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1,315,378,015)	38,349,142
05	• Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(56,118,142,622)	(25,784,012,687)
06	• Chi phí lãi vay		161,134,244,197	89,043,511,954
07	• Các khoản điều chỉnh khác		(12,030,792,915)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1,182,294,902,767	622,067,884,484
09	• Tăng, giảm các khoản phải thu		(69,821,560,371)	70,251,261,137
10	• Tăng, giảm hàng tồn kho		889,908,763,754	243,133,463,999
11	• Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(845,490,041,879)	(325,664,312,169)
12	• Tăng, giảm chi phí trả trước		32,827,855,014	67,002,832,982
14	• Tiền lãi vay đã trả		(175,185,511,550)	(100,782,454,698)
15	• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(142,454,975,700)	(45,273,786,206)
16	• Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		79,100,256,195	8,323,203,902
17	• Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47,644,110,844)	(8,196,492,754)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		903,535,577,386	530,861,600,677
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(912,942,890,573)	(143,047,679,217)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11,694,235,749	17,658,103,251

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 VND
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10,137,145,070)	(141,649,094)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		83,118,699	12,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2,015,723,538)	(104,119,960)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		454,500,000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24,093,496,113	22,450,152,624
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(888,770,408,620)	(91,185,192,396)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		9,800,000,000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(3,360,000)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		3,872,821,481,029	1,823,380,686,722
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(4,089,771,877,448)	(2,039,656,000,244)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(43,017,780,869)	(8,214,887,242)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(84,435,191,535)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(334,606,728,823)	(224,490,200,764)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(319,841,560,057)	215,186,207,517
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1,026,375,030,780	810,974,355,340
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1,920,400,877	214,467,923
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	708,453,871,600	1,026,375,030,780

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Viglacera - CTCP trước đây là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo văn bản số 903/TTg-ĐMDN ngày 07/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 491/HUD-HĐTV ngày 30/06/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô Thị. Ngày 02/12/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 2343/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Viglacera thành Tổng Công ty cổ phần. Căn cứ vào kết quả chào bán cổ phần, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera. Theo đó, Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Tổng Công ty cổ phần từ ngày 22/07/2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là

► **2.645.000.000.000 VND**

[Hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam].

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Tổng Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, mỗi lĩnh vực có một chu kỳ kinh doanh riêng, cụ thể:

- **Kinh doanh bất động sản: trên 12 tháng;**
- **Quản lý vận hành khu đô thị, khu công nghiệp: dưới 12 tháng;**
- **Sản xuất vật liệu xây dựng: dưới 12 tháng;**
- **Xây lắp: Căn cứ theo từng công trình, hạng mục cụ thể.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viglacera	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Sứ Viglacera Bình Dương	Bình Dương	Sản xuất, kinh doanh sứ vệ sinh và phụ kiện
Công ty Kính nổi Viglacera	Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh kính nổi
Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản
Công ty Thi công Cơ giới Viglacera	Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng các công trình, dự án bất động sản
Công ty Xây dựng Viglacera	Bắc Ninh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Sen vòi Viglacera	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh thiết bị vệ sinh
Viện nghiên cứu và phát triển Viglacera	Hà Nội	Nghiên cứu và phát triển Công nghệ
Trường Cao đẳng nghề Viglacera	Bắc Ninh	Đào tạo nghề

Tổng Công ty có 24 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Viglacera Thăng Long	Vĩnh Phúc	51,07%	51,07%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Bao bì và Má phanh Viglacera	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh bao bì, má phanh
Công ty CP Viglacera Bá Hiến	Vĩnh Phúc	52,64%	52,64%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Từ Liêm	Hà Nội	55,92%	55,92%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Đông Anh	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Tư vấn Viglacera	Hà Nội	80,41%	80,41%	Lập dự án, thiết kế các công trình
Công ty CP Việt Trì Viglacera	Phú Thọ	97,47%	97,47%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh kính
Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Viglacera	Hà Nội	52,72%	52,72%	Xây dựng
Công ty CP Viglacera Hữu Hưng	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Tiên Sơn	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Thương mại Viglacera	Hà Nội	78,64%	78,64%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Viglacera Vân Hải	Quảng Ninh	60,00%	60,00%	Khai thác và kinh doanh cát
Công ty CP Khoáng sản Viglacera	Yên Bái	51,00%	51,00%	Khai thác và kinh doanh khoáng sản
Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Hà Nội	62,96%	62,96%	Sản xuất và kinh doanh sứ vệ sinh
Công ty CP Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Hà Nội	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch men
Công ty CP Bê tông khí Viglacera	Bắc Ninh	96,19%	96,19%	Sản xuất gạch chịu áp
Công ty CP Vinafacade	Hà Nội	53,01%	53,01%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng
Công ty CP Gạch Clinker Viglacera	Quảng Ninh	50,47%	50,47%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty CP Viglacera Đông Triều	Quảng Ninh	67,47%	67,47%	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	Hà Nội	51,02%	51,02%	Kinh doanh gạch men
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Viglacera Hạ Long	Quảng Ninh	50,48%	50,48%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty TNHH Một thành viên Lắp dựng Kính Viglacera	Bắc Ninh	51,00%	51,00%	Kinh doanh, lắp dựng kính xây dựng

Tổng Công ty có 1 công ty con chưa được hợp nhất là Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc do Công ty này chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, vẫn đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai công tác đầu tư nhà máy (Xem thêm tại thuyết minh số 4).

Tổng Công ty có 5 công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Bắc Ninh	29,28%	29,28%	Sản xuất và kinh doanh kính
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh	24,93%	24,93%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Quảng Ninh	26,00%	26,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Hà Nội	25,00%	25,00%	Kinh doanh xuất nhập khẩu
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất và kinh doanh gạch chịu lửa

Các Công ty liên kết là Công ty Cổ Phần Viglacera Delta và Công ty Mango GMBH chưa được kế toán theo phương pháp vốn chủ trên Báo cáo tài chính hợp nhất này. Tuy nhiên vấn đề này không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất (Xem thêm tại thuyết minh số 4).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG) (Công ty liên doanh) được hợp nhất là từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015.

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 46.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được



lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:
- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các Công ty con, Tổng Công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền áp dụng cho vật tư hàng hóa hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng, phương pháp đích danh áp dụng cho vật tư phục vụ hoạt động xây lắp.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Đối với hoạt động xây lắp, đầu tư Bất động sản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Dây chuyền kính cán vân hoa công suất 120 tấn/ngày tại Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu (Công ty con) đang tạm dừng sản xuất. Từ ngày 01/07/2012, Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu đã ngừng việc trích khấu hao của Tài sản cố định này. Nếu tiếp tục trích khấu hao thì số khấu hao cần trích từ thời điểm 01/07/2012 đến nay (31/12/2015) là 38.433 triệu VND, trong đó số lũy kế khấu hao cần trích đến 31/12/2014 là 28.253 triệu VND, và chi phí khấu hao cần trích của năm 2015 là 10.180 triệu VND.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 50 năm |
| • Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| • Phương tiện vận tải | 05 - 08 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| • Quyền sử dụng đất | 20 - 50 năm |
| • Phần mềm quản lý | 03 - 08 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 50 năm
- Cơ sở hạ tầng 20 - 50 năm

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. BCC mà Tổng Công ty thực hiện là BCC chia lợi nhuận sau thuế. Lợi nhuận sau thuế dùng để tạm phân chia được tính bằng cách lấy doanh thu trừ đi giá vốn, chi phí bảo hành công trình của dự án, chi phí quản lý phân bổ và trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Đối với lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa tại các công ty con theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ đã ban hành trước Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước. Thời gian thực hiện phân bổ không quá 10 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí trả trước của Công ty mẹ được đánh giá khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 và phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian 10 năm và giá trị thương hiệu được phân bổ trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thuyết minh số 10).

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản



đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Chi phí phải trả về Chi phí xây dựng các công trình bất động sản đã ghi nhận doanh thu là chênh lệch giữa chi phí ước tính căn cứ theo tỷ lệ lãi gộp dự kiến của dự án theo phương án đầu tư được phê duyệt và chi phí thực tế của công trình/dự án đã tập hợp được đến thời điểm ghi nhận doanh thu.

Chi phí phải trả về chi phí xây dựng các công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng là chênh lệch giữa giá trị dự toán của công trình và chi phí xây dựng công trình đã tập hợp đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Các chi phí phải trả về xây dựng này được điều chỉnh khi quyết toán công trình được Tổng Công ty và các cơ quan chức năng có liên quan phê duyệt.

2.18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả phát sinh là các chi phí liên quan đến bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, hạng mục trong các khu công nghiệp. Các chi phí này được trích trước căn cứ theo giá trị dự toán của các hạng mục công trình cần thực hiện theo kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.



2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch phát sinh do việc Công ty mẹ ghi nhận tăng giá trị các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khi đánh giá lại tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần. Chênh lệch này được ghi giảm vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công

ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Giá trị Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu do công ty con phát hành thêm đang được trình bày tại chỉ tiêu "Vốn đầu tư của chủ sở hữu" thuộc Bảng cân đối kế toán của công ty con được chuyển sang trình bày tại chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu" thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

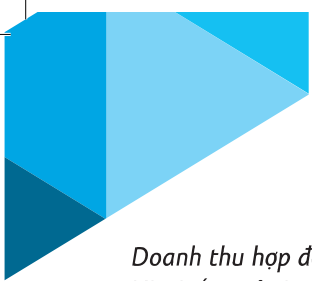
Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản, hạ tầng

Doanh thu cho thuê Bất động sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng căn cứ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu cho thuê tài sản hạ tầng khu công nghiệp có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Tổng Công ty ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.



Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.
-

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư, kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, Tổng Công ty được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 10%. Mức giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 22%.

2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	4,933,297,140,399	6,091,715,453,126
Tiền mặt	11,279,420,997	17,958,205,226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	436,431,875,622	390,337,631,566
Tiền đang chuyển	475,000,000	730,000,000
Các khoản tương đương tiền ^[1]	260,267,574,981	617,349,193,988
	708,453,871,600	1,026,375,030,780

[1] Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 260.267.574.981 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Tiên Sơn, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình với lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị ghi sổ (VND)
Đầu tư ngắn hạn				
• Tiền gửi có kỳ hạn[1]	10,195,675,465	10,195,675,465	141,649,094	141,649,094
	10,195,675,465	10,195,675,465	141,649,094	141,649,094
Đầu tư dài hạn				
• Trái phiếu	100,000,000	100,000,000	100,000,000	100,000,000
• Các khoản đầu tư khác	82,300,000	82,300,000	82,300,000	82,300,000
	182,300,000	182,300,000	182,300,000	182,300,000

[1] Trong đó chủ yếu là khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 10.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh, có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Địa chỉ
Đầu tư vào Công ty liên kết	
• Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Bắc Ninh
• Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Bắc Ninh
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Quảng Ninh
• Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	Hà Nội
• Công ty Mango GMBH[1]	CH Liên Bang Đức
Đầu tư vào Công ty liên doanh	
• Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Bắc Ninh

[1] Khoản đầu tư vào công ty liên kết này (do Công ty con thực hiện đầu tư) đang được trình bày theo giá gốc mà chưa được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ. Tuy nhiên, vấn đề này được đánh giá là không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	32,374,384,711	9,362,276,916
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	27,932,645	173,168,451
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	227,356,446	78,905,786
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	295,204,650	241,983,142
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	492,381,096	413,232,636
	33,417,259,548	10,269,566,931

31/12/2015 (VND)			1/1/2015 (VND)		
Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ (VND)
		25,178,549,045			24,177,163,708
24.93%	24.93%	11,348,189,227	24.93%	24.93%	11,320,256,582
26.00%	26.00%	5,062,619,209	26.00%	26.00%	4,848,524,023
25.00%	25.00%	6,982,571,465	26.15%	26.15%	6,715,595,055
25.00%	25.00%	1,558,984,144	25.00%	25.00%	1,066,603,048
23.59%	30.00%	226,185,000	23.59%	30.00%	226,185,000
		213,943,758,159			181,481,054,390
29.28%	29.28%	213,943,758,159	29.28%	29.28%	181,481,054,390
		239,122,307,204			205,658,218,098

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Đầu tư vào đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Viglacera Hợp Thịnh	1,305,017,929	(605,000,000)	1,305,017,929	(605,000,000)	
• Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô	600,000,000	(600,000,000)	600,000,000	(600,000,000)	
• Công ty Cổ phần Cầu Xây	1,294,497,242		1,294,497,242		-
• Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	-	-	450,000,000	(450,000,000)	
• Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Viglacera Land	353,167,173	(19,690,203)	353,167,173	(19,690,203)	
• Công ty Cổ phần Thủy tinh Gò Vấp	520,000,000	(428,513,824)	520,000,000	(432,032,522)	
• Công ty CP Visaho	1,620,000,000	-	-		
• Công ty Cổ Phần Viglacera Delta	500,000,000		500,000,000		
• Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc[1]	6,154,027,491	-	5,758,303,953		-
	12,346,709,835	(1,653,204,027)	10,780,986,297	(2,106,722,725)	

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

[1] Công ty Cổ phần Viglacera Can Lộc chưa được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất này như là Công ty con của Tổng Công ty do Công ty này chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai công tác đầu tư nhà máy). Tuy nhiên, vấn đề này được đánh giá là không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất. Tại 31/12/2015, Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty đối với công ty này là 100% (thông qua các công ty con cấp 1) và tỷ lệ lợi ích là 57,89%.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

		31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn			
• Khách hàng thuê, mua nhà		517,851,918,623	590,031,923,516
• Khách hàng thuê hạ tầng khu công nghiệp		11,085,501,980	15,923,690,008
• Các khoản phải thu khách hàng khác		495,236,183,577	345,783,763,021
		1,024,173,604,180	951,739,376,545
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)		12,333,180,845	11,423,642,140

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Cho Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay	2,100,000,000	2,100,000,000
	2,100,000,000	2,100,000,000

Là khoản Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera (công ty con) cho Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô vay theo hợp đồng vay ngắn hạn, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất của ngân hàng thương mại, hợp đồng được tự động đảo hạn khi hết thời hạn vay.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa[1]	106,073,557,770	-	90,158,399,760	-
Ký cược, ký quỹ	6,434,208,231	-	11,342,789,224	-
Phải thu CBCNV tiền tạm ứng	64,934,891,942	-	55,299,952,772	-
Phải thu khác	73,691,237,677	(13,877,802,357)	81,151,573,419	(11,098,201,314)
• Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,390,051,494	-	1,151,588,732	-
• Phải thu Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Viglacera	2,006,710,000	-	2,006,710,000	-
• Phải thu về tiền thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập cá nhân	1,786,983,862	-	1,965,850,242	-
• Thuế TNDN tạm nộp hoạt động Bất động sản	1,841,671,319	-	1,012,481,949	-
• Phải thu về tiền nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn	1,547,936,523	-	3,871,591,406	-
• Phải thu Công ty Cổ phần Hợp Thịnh Viglacera	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
• Phải thu về tiền bán hàng và hàng gửi bán	1,071,373,583	(1,071,373,583)	847,024,356	-
• Phải thu khách hàng mua nhà dự án Xuân Phương	-	-	2,835,082,238	-
• Phải thu nhân viên đã nghỉ việc	5,703,067,878	(1,515,434,583)	6,766,657,115	(1,515,434,583)
• Phải thu về tiền lương chi vượt	12,115,520,600	-	8,433,272,100	-
• Phải thu theo quyết toán khối lượng được nghiệm thu	6,995,693,261	-	14,244,583,201	-
• Tiền thuê đất phải thu khách hàng trong Khu công nghiệp	4,311,418,064	-	-	-
• Phải thu khác	31,920,811,093	(11,290,994,191)	35,016,732,080	(9,582,766,731)
	251,133,895,620	(13,877,802,357)	237,952,715,175	(11,098,201,314)

	31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	6,651,982,116	-	5,844,012,252	-
Phải thu khác	201,913,377,508	-	202,800,105,508	-
• Phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch (VIWACO) [2]	3,150,000,000	-	4,050,000,000	-
• Phải thu về tiền đền bù giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất phải nộp	198,763,377,508	-	198,750,105,508	-
• Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,390,051,494	-	1,151,588,732	-
	208,565,359,624	-	208,644,117,760	-

[1] Tổng Công ty đang tiến hành các công việc để quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức sang công ty cổ phần, do vậy số phải thu về cổ phần hóa này có thể thay đổi sau khi có phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền.

[2] Là số tiền mà Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera ứng vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch (VIWACO) không tính lãi suất để hỗ trợ VIWACO thực hiện đầu tư xây dựng tuyến ống nước sạch Sông Đà cấp nước cho dự án Khu nhà ở Đại Mỗ theo hợp đồng ứng vốn đầu tư có hoàn lại giữa Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera với VIWACO ký ngày 19/10/2012. Số vốn này sẽ được VIWACO hoàn trả lại trong thời gian 10 năm tính từ ngày bắt đầu sử dụng nước. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng công trình là 4.991.688.000 VND.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
	Giá gốc VND	Giá trị thu hồi (VND)	Giá gốc VND	Giá trị thu hồi (VND)
Công ty Cổ phần Long Định	2,056,694,445	-	2,442,688,750	-
Công ty Đầu tư Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quảng Tây	1,579,191,158	-	1,579,191,158	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Dũng	1,133,430,600	-	1,133,430,600	-
Công ty TNHH Thanh Hải	3,185,308,482	2,422,000,000	3,185,308,482	1,742,256,059
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Phát	3,060,619,933	918,185,980	3,019,908,211	3,019,908,211
Công ty TNHH Phương Trường Phát	1,256,869,855	628,434,928	1,256,869,855	1,256,869,855
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 - Vinaconex	2,345,023,810	-	2,345,023,810	-
Công ty Cổ phần Hương Sơn	1,692,962,791	1,692,962,791	1,692,962,791	1,692,962,791
Công ty Cổ phần Xi măng Chiềng Sinh	2,029,040,523	2,029,040,523	2,029,040,523	2,029,040,523
Công ty Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật và Chuyển giao Công nghệ mới	1,616,000,000	1,616,000,000	1,616,000,000	1,616,000,000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Đức Hùng	1,639,748,134	233,670,000	1,889,748,134	483,670,000

	31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
Công ty TNHH TLG Thăng Long	5,162,957,106	4,287,569,770	5,187,957,106	4,287,569,770
Công ty Cổ phần Vietbuild	1,486,261,400	1,486,261,400	1,486,261,400	1,486,261,400
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh và Môi trường Bắc Nam	1,176,273,000	1,176,273,000	1,176,273,000	1,176,273,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1,466,381,999	733,191,000	1,466,381,999	733,191,000
Các đối tượng nợ phải thu khác	171,579,473,344	69,175,804,920	192,701,347,479	108,625,671,328
	202,466,236,580	86,399,394,312	224,208,393,298	128,149,673,937

Tại ngày 31/12/2015, Các khoản nợ xấu nêu trên đã được Tổng công ty trích lập dự phòng. Trong thời gian tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nỗ lực thu hồi toàn bộ các khoản nợ này.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	513,600,265,764	(7,935,363,626)	406,919,438,894	(5,521,821,783)
Công cụ, dụng cụ	83,689,079,781	(1,147,843,483)	70,984,131,674	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,340,491,474,469	(1,273,312,770)	2,273,688,369,456	(182,843,118)
Thành phẩm	525,336,495,876	(14,048,388,032)	554,837,170,801	(10,027,503,153)
Hàng hoá	323,635,670,309	(6,564,435,015)	379,947,843,990	(6,873,484,271)
Hàng gửi đi bán	6,012,499,921	(491,959,176)	8,950,631,209	(637,536,375)
	2,792,765,486,120	(31,461,302,102)	3,695,327,586,024	(23,243,188,700)

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho là các thành phẩm dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay tại Công ty Kinh nổi Viglacera (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) là **147.742.114.811 VND**.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
a) Ngắn hạn		
• Chi phí sửa chữa thường xuyên	211,201,294	471,932,115
• Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6,093,283,983	5,636,833,841
• Chi phí thuê kho, showrom	143,151,512	272,398,180
• Chi phí vận chuyển, bốc xếp	578,514,511	1,458,328,994
• Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,676,484,010	1,802,774,618
	8,702,635,310	9,642,267,748

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
b) Dài hạn		
• Chi phí thuê hạ tầng nhà máy Yên Phong	4,262,785,744	4,341,105,100
• Chi phí đền bù vùng nguyên liệu Trảng An, Đầm Hà	4,311,497,701	3,967,050,380
• Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	12,763,161,856	11,342,077,819
• Chi phí ban đầu của các mỏ đất sét	35,694,101,919	10,563,034,144
• Giá trị thương hiệu và lợi thế mỏ sét	-	1,695,418,102
• Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc gia công samot	2,233,333,336	4,466,666,672
• Chi phí trả trước tiền thuê đất	14,315,922,394	14,755,922,429
• Giá trị tiềm năng phát triển khi cổ phần hóa Công ty mẹ[1]	196,304,606,899	218,976,801,708
• Giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa Công ty mẹ[1]	41,860,898,449	69,565,059,992

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2,515,203,898,618	3,405,510,403,610
• Mua trong năm	4,754,271,362	15,762,804,494
• Đầu tư XDCB hoàn thành	266,036,281,897	130,289,481,057
• Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	10,946,896,817
• Tăng khác	11,453,486,031	1,629,896,267
• Thanh lý, nhượng bán	(25,927,797,893)	(18,958,698,041)
• Giảm do điều chỉnh theo quyết toán	(35,307,888,718)	(141,294,299)
• Giảm phân loại sang công cụ dụng cụ	(19,909,091)	(2,335,745,207)
Số dư cuối năm	2,736,192,342,206	3,542,703,744,698
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	958,562,119,131	2,161,959,160,350
• Khấu hao trong năm	143,625,763,592	182,595,812,225
• Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	7,298,935,796
• Tăng khác	2,863,371,510	529,708,405
• Thanh lý, nhượng bán	(10,612,142,826)	(8,865,577,596)
• Giảm phân loại sang công cụ dụng cụ	(8,848,481)	(1,052,467,644)
Số dư cuối năm	1,094,430,262,926	2,342,465,571,536
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày đầu năm	1,556,641,779,487	1,243,551,243,260
Tại ngày cuối năm	1,641,762,079,280	1,200,238,173,162

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
2.029.542.453.269 VND;

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
• Chi phí cơ sở hạ tầng	648,885,122	668,071,554
• Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa tại các công ty con	4,714,781,081	9,369,365,742
• Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	20,350,134,593	19,464,610,089
• Chi phí bốc đất mỏ Phai Hạ, Hồ Xanh	3,275,201,083	3,328,587,154
• Giá trị Lợi thế thương mại mỏ Phai Hạ, Hồ Xanh	440,335,467	770,586,891
• Chi phí trang bị nội thất cho thuê Ngã 6 - Bắc Ninh	1,958,269,635	2,293,195,765
• Chi phí trợ cấp mất việc làm chờ phân bổ	-	3,916,067,547
• Chi phí trả trước dài hạn khác	7,397,701,219	9,308,857,173
	350,531,616,498	388,792,478,261

[1] Đây là khoản chi phí trả trước của Công ty mẹ phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 và phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian 10 năm và giá trị thương hiệu được phân bổ trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tài sản cố định khác (VND)	Cộng (VND)
195,067,291,482	20,582,174,389	10,762,036,950	6,147,125,805,049
3,290,420,101	1,035,038,336	-	24,842,534,293
12,624,018,182	-	-	408,949,781,136
3,553,300,545	-	-	14,500,197,362
-	-	-	13,083,382,298
(7,759,661,917)	-	-	(52,646,157,851)
-	-	-	(35,449,183,017)
-	-	-	(2,355,654,298)
206,775,368,393	21,617,212,725	10,762,036,950	6,518,050,704,972
135,112,756,173	14,688,610,206	4,662,635,392	3,274,985,281,252
16,183,827,597	1,931,935,066	491,549,023	344,828,887,503
1,995,214,783	-	-	9,294,150,579
-	-	-	3,393,079,915
(6,540,683,742)	-	-	(26,018,404,164)
-	-	-	(1,061,316,125)
146,751,114,811	16,620,545,272	5,154,184,415	3,605,421,678,960
59,954,535,309	5,893,564,183	6,099,401,558	2,872,140,523,797
60,024,253,582	4,996,667,453	5,607,852,535	2,912,629,026,012

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **860.720.851.690 VND**;

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	39,700,740,454	13,900,521,296	53,601,261,750
• Thuê tài chính trong năm	16,076,592,736	8,888,312,531	24,964,905,267
• Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(10,946,896,817)	(3,548,300,545)	(14,495,197,362)
Số dư cuối kỳ	44,830,436,373	19,240,533,282	64,070,969,655
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11,612,249,038	3,733,465,342	15,345,714,380
• Khấu hao trong năm	4,394,179,932	3,091,771,374	7,485,951,306
• Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(7,298,935,796)	(1,995,214,783)	(9,294,150,579)
Số dư cuối năm	8,707,493,174	4,830,021,933	13,537,515,107
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	28,088,491,416	10,167,055,954	38,255,547,370
Tại ngày cuối năm	36,122,943,199	14,410,511,349	50,533,454,548

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (VND)	Giá trị thương hiệu, Nhãn hiệu hàng hóa(VND)
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	88,669,978,829	2,173,000,000
• Mua trong năm	-	-
• Tăng do được cấp quyền khai thác	-	-
Số dư cuối năm	88,669,978,829	2,173,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	11,419,938,309	2,173,000,000
• Khấu hao trong năm	923,161,344	-
Số dư cuối năm	12,343,099,653	2,173,000,000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	77,250,040,520	-
Tại ngày cuối năm	76,326,879,176	-

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17,624,554,231 đồng

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và quyền sử dụng đất (VND)	Cơ sở hạ tầng (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	780,973,343,058	1,309,561,643,510	2,090,534,986,568
• Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản	158,594,171,994	26,176,074,775	184,770,246,769
• Thanh lý, nhượng bán	[7,127,790,082]	-	[7,127,790,082]
• Giảm do điều chỉnh theo quyết toán	[41,167,852]	-	[41,167,852]
• Giảm do bàn giao cho Nhà Nước[1]	[6,267,554,025]	-	[6,267,554,025]
Số dư cuối năm	926,131,003,093	1,335,737,718,285	2,261,868,721,378
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	118,647,868,975	170,458,682,008	289,106,550,983
• Khấu hao trong năm	30,718,898,608	31,016,953,249	61,735,851,857
• Thanh lý, nhượng bán	[2,241,005,433]	-	[2,241,005,433]
• Giảm do bàn giao cho Nhà Nước[1]	[187,383,686]	-	[187,383,686]
Số dư cuối năm	146,938,378,464	201,475,635,257	348,414,013,721
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	662,325,474,083	1,139,102,961,502	1,801,428,435,585
Tại ngày cuối năm	779,192,624,629	1,134,262,083,028	1,913,454,707,657

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

1.186.822.062.146 VND

[1] Giảm do bàn giao cho UBND Thành phố Hà Nội tặng 1 các tòa nhà tại Khu đô thị Đặng Xá theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 25/02/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Phần mềm máy vi tính (VND)	Chi phí đền bù san lấp mặt bằng (VND)	Tài sản cố định vô hình khác (VND)	Cộng (VND)
4,693,078,716	28,446,087,957	6,196,873,702	130,179,019,204
308,500,000	-	-	308,500,000
-	-	1,517,635,000	1,517,635,000
5,001,578,716	28,446,087,957	7,714,508,702	132,005,154,204
3,555,626,034	5,207,173,860	3,979,802,835	26,335,541,038
436,943,577	632,699,860	955,764,855	2,948,569,636
3,992,569,611	5,839,873,720	4,935,567,690	29,284,110,674
1,137,452,682	23,238,914,097	2,217,070,867	103,843,478,166
1,009,009,105	22,606,214,237	2,778,941,012	102,721,043,530

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Xây dựng cơ bản dở dang	925,110,079,137	589,496,541,285
Dự án đầu tư Khu Công nghiệp Phú Hà[1]	89,782,039,579	1,017,559,454
Dự án khu công nghiệp và đô thị Yên Phong	29,646,936,481	48,880,454,559
Dự án khu đô thị Hải Yên	23,571,910,914	31,459,174,583
Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh giai đoạn I và II	16,851,845,901	13,834,413,749
Dự án giai đoạn III tại 671 Hoàng Hoa Thám[2]	214,096,625,308	199,309,488,559
Dự án KCN Yên Phong mở rộng	40,314,435,164	3,833,393,364
Dự án Đường vào tổ hợp Samsung - Khu công nghiệp Yên Phong	30,336,575,547	-
Dự án cải tạo Tỉnh lộ 286	22,593,491,306	-
Dự án Khu chung cư dịch vụ Khu công nghiệp Tiên Sơn	11,470,736,398	15,722,418,518
Dự án Trạm xử lý 5000m3 (10.000m3) Yên Phong giai đoạn 2	1,689,217,000	10,149,987,545
Dự án Khu công nghiệp Đông Mai	3,506,609,073	6,498,698,183
Dự án nước sạch 20.000m3 Yên Phong (10.000m3 đợt 2)	1,689,217,000	1,097,454,545
Dự án Khu Công nghiệp Phong Điền - Thừa Thiên Huế[3]	22,062,691,916	163,781,551
Dự án Nhà truyền thống	4,327,733,381	4,320,551,563
Trung tâm thương mại và nhà ở Ngã 6 - Bắc Ninh	2,483,426,131	2,483,426,131
Dự án Khu đô thị Yên Phong	39,074,833,112	38,984,635,839
Dự án kính tiết kiệm năng lượng[4]	62,633,741,867	-
Dự án Tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và Nhà ở Đại Mỗ	26,497,503,566	21,253,938,029
Dự án mở rộng sản xuất Nhà máy Thái Bình - Giai đoạn II[5]	169,062,202,875	-
Công trình xây dựng Nhà ở cho cán bộ, công nhân viên tại xã Đông Lâm	10,204,953,464	10,191,317,100
Trạm Khí hóa than tại Nhà máy Gạch Giếng Đáy	12,779,365,651	-
Bãi Xuất nhập Nguyên liệu tại Nhà máy Gạch Hoành Bồ	1,444,603,716	1,444,603,716
Chi phí mở sết Kim Sen	-	15,674,757,514
Dự án Khu 28ha Hoành Bồ	33,642,634,419	26,754,634,419
Dự án chuyển đổi ngôi lợp 100% tại Nhà máy Gạch Hoành Bồ	7,573,536,888	-

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Chi phí phục vụ dự án Bộ Khoa học Công nghệ	6,416,139,339	3,385,720,835
Dự án nhà máy gạch Clinker Viglacera	2,746,101,743	93,782,979,482
San lấp kho bãi tại Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long[6]	9,982,760,603	9,982,760,603
Chi phí lắp hồ Nhà máy Đồng Triều 1[7]	7,690,521,827	7,690,521,827
Chi phí chạy thử đầu tư chiều sâu Nhà máy Đồng Triều 1[7]	15,367,710,347	15,367,710,347
Các công trình khác	5,569,978,621	6,212,159,270
Mua sắm tài sản cố định	7,416,461,037	1,591,614,034
Máy in kỹ thuật số DC2	5,511,702,030	-
Mua sắm các tài sản cố định khác	1,904,759,007	1,591,614,034
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3,279,732,436	819,150,721
	935,806,272,610	591,907,306,040

[1] Tổng Công ty Viglacera được giao làm chủ đầu tư lập quy hoạch chi tiết 1/2000 và nghiên cứu đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phú Hà trên toàn bộ diện tích 350ha.

- Địa điểm xây dựng: Tại các xã Hà Lộc, xã Phú Hộ, xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Tổng diện tích: 350ha, trong đó dự kiến diện tích đất xây dựng nhà máy, kho tàng là 324ha (cho thuê hạ tầng);
- Mục tiêu quy hoạch: Bao gồm đất công nghiệp, đất cây xanh, đất Trung tâm điều hành Khu công nghiệp - công cộng, đất đầu mối hạ tầng, đất giao thông và đất kho bãi;
- Tổng mức đầu tư: 2.003.491.897.000 VND (chưa VAT, đã bao gồm lãi vay, dự phòng);
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu, vốn vay tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác.
- Thời gian hoàn thành dự kiến: năm 2020.

[2] Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở và Công trình công cộng - Thể thao tại số 671 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Quyết định điều chỉnh dự án số 224/TCT-HĐQT ngày 12/06/2015. Theo đó, Dự án có tổng mức đầu tư là 584.512.314.000 VND với 33 căn nhà liền kề có tổng diện tích đất xây dựng là 5.321 m² và các công trình công cộng như nhà trẻ, khu thể thao, bể bơi và công trình cây xanh có diện tích là 1.949 m². Thời gian dự kiến đưa dự án vào sử dụng và khai thác là quý 4 năm 2016.

[3] Dự án đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phong Điền - Viglacera đã được UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 31321000076 ngày 28/10/2014. Mục tiêu và quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phong Điền (phần mở rộng), quy mô sử dụng đất khoảng 290ha, tổng vốn đầu tư 1.100 tỷ VND; Thời gian thực hiện

50 năm. Tiến độ dự án chia thành 5 giai đoạn từ tháng 2/2015 đến tháng 12/2020.

[4] Dự án kính tiết kiệm năng lượng:

- Công suất: 2,3 triệu m²/năm;
- Tổng mức đầu tư: 480.486.000.000 VND;
- Nguồn vốn: Vốn vay ưu đãi Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo QĐ số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 phê duyệt chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (được phê duyệt của Thủ tướng chính phủ số 60/TTg-KTN ngày 13/01/2015).
- Địa điểm xây dựng: Mặt bằng hiện có của Tổng Công ty tại Khu Sản xuất Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[5] Dự án mở rộng sản xuất Nhà máy Viglacera Thái Bình - Giai đoạn II (do Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn thực hiện) được phê duyệt theo Quyết định số 28/VIT-HĐQT ngày 20/01/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty về chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 dây chuyền sản xuất gạch Granite men mài và gạch Rustic, công suất 2.000.000 m²/năm tại Nhà máy Viglacera Thái Bình với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là: 223.870.136.000 VND. Dự án được khởi công xây dựng từ tháng 5/2015. Đến thời điểm 31/12/2015, Dự án đã hoàn thành công tác xây dựng, lắp đặt và đang trong giai đoạn vận hành, chạy thử.

[6] Tại thời điểm 31/12/2015, Dự án san lấp mặt bằng chưa có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng, chưa thực hiện xong quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

[7] Các chi phí lắp hồ của Công ty Cổ phần Viglacera Đồng Triều (công ty con), chạy thử liên quan đến dự án đầu tư chiều sâu Nhà máy Đồng Triều 1 đã đưa vào sử dụng từ năm 2012. Tuy nhiên, các chi phí này chưa được quyết toán nên tạm thời Công ty vẫn theo dõi trên khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư vào công ty con nhỏ hơn phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua. Tổng Công ty thực hiện phân bổ chênh lệch này vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong thời gian 10 năm. Số dư của khoản này tại ngày 31/12/2015 là **4.500.024.962 VND** và tại ngày 01/01/2015 là **5.192.336.494 VND**, giá trị đã phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là **692.311.532 VND**.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

- Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh
- Công ty cổ phần xăng dầu khí Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera
- Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FICO
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa-Vũng Tàu
- Công ty TNHH Hoàn Cường
- Công ty TNHH Một thành viên Xăng dầu khu vực II
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Chế biến Than Đông Bắc
- Phải trả cho các đối tượng khác

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Công ty TNHH Gốm sứ và Thương mại Vitake
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị
- Công ty TNHH Kinh doanh Chế biến Nông lâm sản Xuất nhập khẩu Chiến Thắng
- Công ty TNHH Kim Sơn
- Công ty TNHH MTV Bao bì Toàn Cầu
- Công ty 789 Bộ Quốc Phòng
- Công ty TNHH BMC Hà Nội
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hà Nội Vinacomin
- Công ty TNHH thương mại và đầu tư Trường Giang
- Công ty TNHH Kim Sơn
- Công ty Cổ phần Tiến Thắng
- Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hoàng Ninh
- Phải trả cho các đối tượng khác

- **c) Phải trả người bán là các bên liên quan** (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

31/12/2015 (VND)		1/1/2015 (VND)	
Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
44,158,519,867	44,158,519,867	44,758,348,164	44,758,348,164
19,127,608,408	19,127,608,408	31,827,483,129	31,827,483,129
25,922,378,037	25,922,378,037	71,816,620,996	71,816,620,996
13,932,573,806	13,932,573,806	12,644,617,646	12,644,617,646
13,056,645,823	13,056,645,823	24,657,033,668	24,657,033,668
10,276,950,127	10,276,950,127	13,150,646,332	13,150,646,332
9,633,785,849	9,633,785,849	39,120,302,359	39,120,302,359
518,445,410	518,445,410	13,285,967,620	13,285,967,620
877,344,786,824	877,344,786,824	976,803,641,611	976,803,641,611
1,013,971,694,151	1,013,971,694,151	1,228,064,661,525	1,228,064,661,525
3,389,162,465	3,389,162,465	3,389,162,465	3,389,162,465
3,579,747,591	3,579,747,591	3,579,747,591	3,579,747,591
1,954,107,000	1,954,107,000	1,954,107,000	1,954,107,000
2,253,545,016	2,253,545,016	-	-
828,515,955	828,515,955	4,328,515,955	4,328,515,955
1,000,000,000	1,000,000,000	2,277,690,391	2,277,690,391
1,424,551,130	1,424,551,130	1,774,551,130	1,774,551,130
1,436,469,931	1,436,469,931	1,506,469,931	1,506,469,931
1,147,690,739	1,147,690,739	1,482,794,161	1,482,794,161
1,262,697,075	1,262,697,075	1,262,697,075	1,262,697,075
1,192,025,846	1,192,025,846	1,192,025,846	1,192,025,846
847,237,218	847,237,218	1,413,507,838	1,413,507,838
33,509,213,276	33,509,213,276	31,798,519,114	31,798,519,114
53,824,963,242	53,824,963,242	55,959,788,497	55,959,788,497
27,796,755,766	27,796,755,766	74,575,314,703	74,575,314,703

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm (VND)	Số phải nộp đầu năm (VND)
• Thuế giá trị gia tăng	10,429,003,127	189,135,601,310
• Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	517,642,358
• Thuế xuất, nhập khẩu	103,829,739	-
• Thuế thu nhập doanh nghiệp	169,923,163	94,199,689,255
• Thuế thu nhập cá nhân	86,582,819	9,374,440,289
• Thuế tài nguyên	1,519,557	2,998,197,469
• Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	550,795,951,896
• Các loại thuế khác	-	18,358,046,800
• Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	145,357,000	17,167,893,162
	10,936,215,405	882,547,462,539

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
a) Ngắn hạn	685.445.692.646	1.236.442.134.398
Lãi tiền vay phải trả	86,370,682,444	113,160,335,122
Trích trước chi phí các dự án, công trình xây dựng	294,460,198,658	780,098,727,621
Trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	166,687,369,348	152,666,802,871
Chi phí hỗ trợ lãi vay cho khách hàng dự án Mễ Trì	11,820,129,127	50,670,042,201
Trích trước chi phí chiết khấu cho khách hàng	40,254,793,131	34,225,567,188
Trích trước chi phí hỗ trợ tiêu thụ, kinh doanh	23,721,080,573	24,784,123,829
Trích trước chi phí hội nghị khách hàng, hội nghị tổng kết	15,240,450,000	14,290,580,952
Trích trước chi phí vận chuyển	5,498,589,049	8,018,038,372
Tạm trích tiền thuê đất	14,877,982,361	17,409,538,535
Trích trước chi phí thiết kế trưng bày showroom	1,626,055,015	3,369,686,667
Trích trước chi phí xuất khẩu	1,616,506,357	1,527,345,535

Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	Số phải thu cuối năm (VND)	Số phải nộp cuối năm (VND)
248,761,793,664	341,892,326,012	33,913,153,630	119,489,219,465
-	-	-	517,642,358
5,564,842,159	5,530,547,707	91,312,074	21,776,787
133,379,981,589	142,454,975,700	270,987,197	85,225,759,178
13,863,601,506	11,394,017,508	121,939,221	11,879,380,689
10,607,939,018	10,855,049,984	28,065,827	2,777,632,773
45,623,611,332	434,836,936,313	723,838,834	162,306,465,749
17,733,203,402	14,755,836,145	-	21,335,414,057
14,579,906,742	20,547,699,904	172,910,546	11,227,653,546
490,114,879,412	982,267,389,273	35,322,207,329	414,780,944,602

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Chi phí thuê mặt bằng và dịch vụ công nghiệp	1,734,591,982	3,004,346,230
Trích trước chi phí tiền điện sản xuất	1,230,595,562	956,611,249
Lãi quá hạn tiền thu từ bán cổ phần	1,279,000,000	1,279,000,000
Trích trước chi phí Thuế Nhà thầu nước ngoài	-	1,356,622,902
Chi phí phải trả khác	19,027,669,039	29,624,765,124
b) Dài hạn	11,529,606,017	6,575,531,057
Chi phí lãi vay[1]	11,529,606,017	6,575,531,057

[1] Là Chi phí lãi vay phải trả được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/12/2013 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, thời hạn trả lãi tại thời điểm tất toán hợp đồng là ngày 31/12/2018.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
a) Ngắn hạn		
Tiền nhận trước của hoạt động cho thuê Bất động sản sẽ được ghi nhận doanh thu trong 12 tháng tới	30,880,828,940	45,354,254,345
	30,880,828,940	45,354,254,345
b) Dài hạn		
Tiền nhận trước của hoạt động cho thuê Bất động sản sẽ được ghi nhận doanh thu sau 12 tháng tới	2,629,554,814,840	2,570,313,470,240
	2,629,554,814,840	2,570,313,470,240

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	168,241,611	-
Kinh phí công đoàn	8,966,004,893	11,069,136,298
Bảo hiểm xã hội	20,102,113,355	29,089,264,034
Bảo hiểm y tế	1,312,107,464	2,107,464,442
Bảo hiểm thất nghiệp	218,042,201	725,169,937
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15,359,760,949	2,486,025,013
Các khoản phải trả, phải nộp khác	383,164,377,243	347,718,047,051
• Phải trả về tiền cổ tức	6,849,211,607	1,650,367,159
• Phải trả Công ty ITASCO (nay là Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Thương mại dịch vụ FICO) [1]	17,952,147,275	29,362,458,915
• Phải trả các cá nhân góp vốn Dự án Xuân Phương [2]	53,775,899,190	71,172,934,709
• Phải trả về chi phí thi công công trình đã hoàn chứng từ	92,308,130,271	92,046,670,505
• Phải trả về tiền thuế thu nhập cá nhân	556,199,412	
• Phải trả về tiền phí bảo trì công trình chung cư	105,694,619,118	46,741,747,764
• Phải trả Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Thanh	-	3,354,829,090
• Phải trả Công ty Cổ phần Địa ốc SKP [3]	11,783,885,414	11,783,885,414
• Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội [3]	8,048,312,439	8,048,312,439
• Tiền thuê đất Khu công nghiệp tạm thu [4]	34,440,856,891	29,484,171,249
• Phải trả về tiền hoàn tạm ứng thừa của nhân viên	11,743,367,524	7,698,480,234
• Phải trả Công ty Cổ phần Viglacrea Hạ Long 1	586,885,096	374,331,387
• Phải trả về tiền đặt cọc mua căn hộ	-	5,141,256,768
• Phải trả các đối tượng khác	39,424,863,006	40,858,601,418
	429,290,647,716	393,195,106,775

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	20,260,058,179	11,765,109,758
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Phú[5]	20,000,000,000	20,000,000,000
	40,260,058,179	31,765,109,758

[1]Phải trả Công ty ITASCO (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO) về khoản tạm phân chia lợi nhuận sau thuế của Dự án Khu chức năng Đô thị Tây Mỗ với tỷ lệ 50:50 theo quy định của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 46/2007/HĐHT ngày 26/06/2007 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính ITASCO theo nội dung hợp đồng nêu trên, hai bên sẽ hợp tác kinh doanh để đầu tư xây dựng Dự án khu nhà ở để bán tại xã Tây Mỗ. Tỷ lệ vốn góp là 50:50, lợi nhuận và rủi ro sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Lợi nhuận sau thuế dùng để tạm phân chia được tính bằng cách lấy doanh thu trừ đi giá vốn, chi phí bảo hành công trình của Dự án Tây Mỗ, chi phí quản lý phân bổ và trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp.

[2]Khoản phải trả theo các hợp đồng vay ký giữa Công ty Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Viglacera và những đối tượng đăng ký mua nhà tại Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương. Theo đó, Công ty Hạ tầng và Đô thị Viglacera sẽ thanh toán tiền lãi vay cho các cá nhân với lãi suất là 0,8%/tháng số dư nợ vay sau khi hết hạn hợp đồng.

[3]Khoản tiền nhận góp vốn theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh Số 02/2016/CTHT-HĐKD ngày 20/01/2006 và các phụ lục giữa Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng (bên A), Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần Địa ốc SKP (bên C) liên quan đến liên doanh thực hiện giai đoạn 2 Dự án

Tổ hợp nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc, siêu thị và dịch vụ tại 671 Hoàng Hoa Thám. Bên A góp 30% bên B và bên C mỗi bên góp 35%

tổng giá trị đầu tư, lợi nhuận dự án được phân chia theo tỷ lệ góp vốn, toàn bộ chi phí thực hiện dự án do bên A theo dõi. Đến thời điểm hiện tại các bên đã phân chia xong lợi nhuận khối văn phòng, đang xác định lợi nhuận phân chia 4 tầng thương mại và thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng.

[4]Đây là tiền thuê đất tạm thu của các công ty thuê hạ tầng tại khu công nghiệp KCN Yên Phong và khu công nghiệp Tiên Sơn theo hướng dẫn tại Nghị định 142/2005 và Nghị định 121/2010 bổ sung Nghị định 142/2005 với tỷ lệ lần lượt là 0,5% và 1,5%.

[5]Theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT ngày 14/4/2011 giữa Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera và Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Thiên Phú, hai bên thực hiện hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án trên lô đất 30.156 m² tại thôn Liên Cơ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Theo Cam kết thực hiện hợp tác đầu tư số 03b/CK/VIGLCERA-TP ngày 14/04/2011 thì ngay sau ký hợp đồng nguyên tắc, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Thiên Phú thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Bao bì và Má phanh Viglacera với số tiền là 20 tỷ VND để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
a) Ngắn hạn		
• Dự phòng bảo hành sản phẩm	235,475,690	260,611,745
• Chi phí bảo dưỡng hạ tầng khu công nghiệp	66,186,523,277	56,100,457,277
• Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	333,207,028	492,085,930
• Dự phòng phải trả về tiền phải nộp Ngân sách Nhà nước[1]	153,184,015,190	94,088,437,505
• Chi phí thưởng và quà tặng cho đại lý	5,700,000,000	-
	225,639,221,185	150,941,592,457
b) Dài hạn		
• Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2,749,355,580	-
• Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường[2]	39,757,047,315	38,625,796,336
• Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ[3]	50,000,000,000	-
	92,506,402,895	38,625,796,336

[1] Đây là khoản dự phòng phải nộp Ngân sách Nhà nước tạm tính với tổng số tiền lũy kế đến thời điểm 31/12/2015 là 153.184.015.190 VND, trong đó: 94.088.437.505 VND được ghi nhận hồi tố tại thời điểm 01/01/2015 cho giai đoạn Công ty Nhà nước (Thuyết minh số 46), còn lại số tiền: 59.095.577.686 VND (Thuyết minh số 36) đã được ghi nhận vào kỳ kế toán này. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xác định chính xác số tiền phải nộp, đồng thời khoản dự phòng được điều chỉnh hồi tố sẽ được xử lý sau khi có phê duyệt chính thức của cấp có thẩm quyền về việc Quyết toán vốn Nhà nước khi chuyển sang công ty cổ phần.

[2]Chi phí hoàn nguyên (phục hồi) môi trường cho các mỏ khai thác được trích trước căn cứ theo Tổng dự toán chi phí phục hồi môi trường và thời hạn khai thác mỏ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc trích trước này đảm bảo được nguyên tắc phù hợp giữa Doanh thu và Chi phí tránh việc biến động chi phí lớn cho kỳ kế toán thực hiện hoàn nguyên môi trường.

[3]Căn cứ theo Quyết định số 422/TCT-HĐQT ngày 30/10/2015 về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn nhà máy kính nổi Viglacera theo đặc thù kỹ thuật của dây chuyền sản xuất kính cho giai đoạn từ 2015 - 2023.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

1/1/2015		
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
a) Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	1,023,403,729,821	1,023,403,729,821
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	491,524,560,529	491,524,560,529
	1,514,928,290,350	1,514,928,290,350
b) Vay dài hạn		
Vay dài hạn	1,468,817,824,512	1,468,817,824,512
Nợ thuê tài chính dài hạn	15,990,322,901	15,990,322,901
	1,484,808,147,413	1,484,808,147,413
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(491,524,560,529)	(491,524,560,529)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	993,283,586,884	993,283,586,884

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Vay ngắn hạn	923,899,413,137	1,023,403,729,821
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam[1]	254,366,356,219	259,504,962,220
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam[2]	236,938,299,185	321,022,770,500
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam[3]	215,940,467,723	199,510,153,260
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam[4]	123,682,952,883	141,905,250,668
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	17,870,645,720	6,987,999,911
• Ngân hàng TMCP Quân đội	17,739,095,293	12,592,930,750
• Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	15,307,489,640	11,583,409,920
• Ngân hàng TMCP Quốc Dân	300,000,000	-
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	941,799,589
• Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	3,140,161,001
• Cá nhân	41,754,106,474	66,214,292,002
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	505,134,045,687	491,524,560,529
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	301,534,388,895	150,486,002,775
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12,757,091,559	50,258,540,400
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11,347,498,924	13,257,198,924
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	28,081,834,314	24,166,551,814
• Ngân hàng TMCP Đại Dương	113,840,298,924	200,000,000,000
• Ngân hàng Phát triển Việt Nam	14,448,024,000	14,448,024,000

Trong năm		31/12/2015	
Tăng (VND)	Giảm (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
3,283,520,954,583	3,383,025,271,267	923,899,413,137	923,899,413,137
509,098,982,981	495,489,497,823	505,134,045,687	505,134,045,687
3,792,619,937,564	3,878,514,769,090	1,429,033,458,824	1,429,033,458,824
578,958,409,811	756,335,874,083	1,291,440,360,240	1,291,440,360,240
24,486,532,179	15,459,305,882	25,017,549,198	25,017,549,198
603,444,941,990	771,795,179,965	1,316,457,909,438	1,316,457,909,438
(509,098,982,981)	(495,489,497,823)	(505,134,045,687)	(505,134,045,687)
		811,323,863,751	811,323,863,751

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2,510,404,332	3,564,000,000
• Ngân hàng TMCP Quân Đội	1,100,000,000	3,309,456,000
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	393,655,200	-
• Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Ngoại thương	5,269,976,669	3,027,234,077
• Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Công thương	4,829,686,426	4,526,523,916
• Quỹ Bảo vệ Môi trường	3,845,000,000	2,420,480,000
• Nợ lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2,876,186,444	6,000,000,000
• Cá nhân	2,300,000,000	16,060,548,623
	1,429,033,458,824	1,514,928,290,350

[1] Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng với các chi nhánh của Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 254.366.356.219 VND.

[2] Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng với các chi nhánh của Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 236.938.299.185 VND.

[3] Khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng với các chi nhánh của Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 215.940.467.723 VND.

[4] Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng giữa với các chi nhánh của Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng là 9 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 123.682.952.883 VND.

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Vay dài hạn	1,291,440,360,240	1,468,817,824,512
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam[1]	694,911,294,980	612,274,975,677
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam[2]	148,350,613,881	99,297,661,319
• Ngân hàng TMCP Đại Dương[3]	113,840,298,924	313,840,298,924
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam[4]	49,933,608,149	113,357,672,814
• Ngân hàng Phát triển Việt Nam	36,120,068,339	50,568,092,339
• Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	31,927,273,968	33,821,568,078
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam[5]	22,821,533,924	34,067,663,863
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1,965,544,037	-
• Ngân hàng TMCP Quân Đội	2,800,000,000	6,109,456,000
• Quỹ Bảo vệ Môi trường	15,995,000,000	9,185,000,000
• Nợ lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam[6]	41,066,121,720	75,892,176,989
• Ngân sách tỉnh Hải Dương	5,682,664,168	5,682,664,168
• Viện nghiên cứu máy	760,000,000	760,000,000
• Cá nhân	125,266,338,150	113,960,594,341
Nợ thuê tài chính dài hạn	25,017,549,198	15,990,322,901
• Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Ngoại thương	11,052,507,130	6,203,871,850
• Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH Công thương	13,965,042,068	9,786,451,051
	1,316,457,909,438	1,484,808,147,413
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(505,134,045,687)	(491,524,560,529)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	811,323,863,751	993,283,586,884

[1]Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng giữa Tổng Công ty với các chi nhánh của Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng này là 84 tháng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý của các dự án. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015 là 694.911.294.980 VND. Trong đó nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 301.534.388.895 VND.

[2]Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng với các chi nhánh của Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng là 96 tháng; Mục đích vay để nhập khẩu máy móc thiết bị và thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Trong đó nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 28.081.834.314 VND.

[3]Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Đại Dương với hạn mức tín dụng 600.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay 15%/năm, lãi suất vay điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015 là 113.840.298.924 VND là nợ gốc còn phải trả trong 12 tháng tới.

[4]Các khoản vay với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng với các chi nhánh Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng này là 120 tháng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý của các dự án. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015 là 49.933.608.149 VND. Trong đó nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 12.757.091.559 VND.

[5]Các khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng với các chi nhánh Ngân hàng này với thời hạn vay tối đa của các hợp đồng này là 78 tháng. Mục đích vay để thanh toán các khoản chi mua máy móc thiết bị, chi phí hợp lý của các dự án. Lãi suất vay được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ. Tổng dư nợ gốc tại ngày 31/12/2015 là 22.821.533.924 VND. Trong đó nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 11.347.498.924 VND.

[6]Văn bản sửa đổi, bổ sung số 02/02-HĐ-01/3467-BS8 ngày 20/10/2014 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn trả nợ lãi của hợp đồng tín dụng số 02/01-HĐ-01/3467 ngày 01/01/2001. Khoản lãi này được trả trong vòng 10 năm bắt đầu trả từ năm 2011 và chịu lãi suất theo từng thời kỳ và được trả ngày 25 hàng tháng. Tại ngày 31/12/2015, Tổng Công ty còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là: 41.066.121.720 VND. Trong đó số nợ gốc còn phải trả trong 12 tháng tới là 2.876.186.444 VND.v



24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)
Số dư đầu năm trước	2,645,000,000,000	3,885,282,248	7,362,984,856	(148,162,639)
Lãi trong kỳ này	-	-	• -	-
Trích lập các quỹ	-	-	• -	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	• -	-
Tăng khác	-	-	• -	-
Phân chia lợi nhuận cho đối tác	-	-	• -	-
Do điều chỉnh hồi tố lợi nhuận năm trước	-	-	• -	-
Giảm khác	-	(46,169,013)	• -	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	-	-	• -	-
Số dư cuối năm trước	2,645,000,000,000	3,839,113,235	7,362,984,856	(148,162,639)
Lãi trong năm nay	-	-	• -	-
Phát hành cổ phiếu thưởng tại công ty con	-	(8,236,500,000)	15,810,000,000	-
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	• -	-
Trích lập các quỹ	-	-	• 76,993,800	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	• -	-
Tăng khác	-	(10,761,000)	• -	-
Phân chia lợi nhuận cho đối tác	-	-	• -	-
Do điều chỉnh hồi tố lợi nhuận năm trước	-	-	• -	-
Giảm khác	-	-	• -	(1,713,600)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong năm	-	-	• -	-
Số dư cuối năm nay	2,645,000,000,000	(4,408,147,765)	23,249,978,656	(149,876,239)

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản Tổng Công ty nhận từ ngân sách nhà nước với số tiền 67.000.000.000 VND là khoản nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng theo:

- Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 24/03/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình 3 tuyến đường quanh khu tổ hợp Samsung, khu công nghiệp Yên Phong I. Theo đó: Tổng mức đầu tư dự án là 83.292.686.000 VND; Nguồn vốn đầu tư: Tổng Công ty Viglacera - CTCP tự cân đối vốn để triển khai thực hiện dự án trong năm 2015, sau đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí theo giá trị quyết toán được duyệt, theo lộ trình; Số vốn ngân sách nhà nước đã cấp theo quyết định này là 52.000.000.000 VND.
- Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp ĐT.286 đoạn từ khu công nghiệp Yên Phong I đến khi nhà ở và dịch vụ cán bộ công nhân viên khu công nghiệp Yên Phong và các quyết định thay đổi bổ sung nội dung thực hiện. Số vốn ngân sách nhà nước đã cấp là 15.000.000.000 VND. Theo Quyết định số 1906/UBND-XDCB ngày 21/07/2015 đồng ý chủ trương giao Tổng Công ty Viglacera - CTCP quản lý, bảo trì và tổ chức giao thông tuyến đường này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn CSH (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Nguồn vốn đầu tư XDCB (VND)	Cộng (VND)
(193,544,307,015)	96,775,083,756	6,837,754,904	(128,080,050,574)	215,795,689,718	-	2,653,884,275,254
-	-	-	217,430,929,009	-	-	217,430,929,009
-	444,438,180	36,524,231	(480,962,411)	-	-	-
-	-	-	(1,628,305,346)	-	-	(1,628,305,346)
-	-	-	500,997,691	-	-	500,997,691
-	-	-	794,690,494	-	-	794,690,494
-	-	-	(13,005,903,574)	-	-	(13,005,903,574)
-	-	-	(469,643,172)	-	-	(515,812,185)
-	-	-	-	73,352,184,040	-	73,352,184,040
(193,544,307,015)	97,219,521,936	6,874,279,135	75,061,752,116	289,147,873,758	-	2,930,813,055,382
-	-	-	328,387,236,703	-	-	328,387,236,703
-	-	-	(7,573,500,000)	-	-	-
-	-	-	(66,125,000,000)	-	-	(66,125,000,000)
-	4,825,975,652	-	(4,902,969,452)	-	-	-
-	-	-	(13,488,174,193)	-	-	(13,488,174,193)
-	-	-	677,844,229	-	67,000,000,000	67,667,083,229
-	-	-	(592,186,062)	-	-	(592,186,062)
-	-	-	(7,781,208,656)	-	-	(7,781,208,656)
-	-	-	-	-	-	(1,713,600)
-	-	-	-	48,022,279,790	-	48,022,279,790
(193,544,307,015)	102,045,497,588	6,874,279,135	303,663,794,685	337,170,153,548	67,000,000,000	3,286,901,372,593

Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện như sau:

	Tại công ty mẹ[1] (VND)	Tại Công ty con[2] (VND)	Tổng Cộng (VND)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,000,000,000	11,488,174,193	13,488,174,193
Bổ sung vốn khác của chủ sở hữu	-	76,993,800	76,993,800
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	4,825,975,652	4,825,975,652
Chi trả cổ tức	66,125,000,000	-	66,125,000,000

[1]Tại Công ty mẹ: Lợi nhuận năm 2014 được phân phối theo Nghị quyết số 76/TCT-NQĐHCĐ ngày 20/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

[2]Tại Công ty con: Là phần tương ứng với tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ được hưởng từ trích lập các quỹ trong kỳ của Công ty con

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 (VND)	Tỷ lệ (%)	1/1/2015 (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của nhà nước[1]	2,419,852,620,000	91.49%	2,419,852,620,000	91.49%
Vốn góp của cổ đông khác[2]	225,147,380,000	8.51%	225,147,380,000	8.51%
Cộng	2,645,000,000,000	100%	2,645,000,000,000	100%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng Công ty tại thời điểm 22/07/2014 là kết quả của quá trình thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước. Kết quả này được phê duyệt chính thức tại Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 của Bộ Xây dựng về điều chỉnh lại phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Viglacera:

- Vốn điều lệ được phê duyệt là 2.645.000.000.000 VND;
- Số cổ phần phát hành lần đầu: 264.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần. Trong đó:
 - Nhà nước nắm giữ: 241.985.262 cổ phần, chiếm 91,49% vốn điều lệ;
 - Bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 1.441.645 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ;
 - Bán cho các cổ đông khác: 21.073.093 cổ phần, chiếm 7,97% vốn điều lệ.

[1]Giá trị phần vốn góp của nhà nước đang được ghi nhận trên cơ sở phần vốn nhà nước được phê duyệt tại Quyết định số 716/QĐ-BXD ngày 24/06/2014 của Bộ Xây dựng nêu trên. Tại thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty đang tiến hành các công việc để Quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (0h ngày 22/07/2014) theo các quy định hiện hành.

[2]Vốn góp của đối tượng khác tại ngày 22/07/2014 là phần vốn góp theo mệnh giá thu được từ phương thức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư bên ngoài và Cán bộ công nhân viên theo hướng dẫn về việc chào bán cổ phần lần đầu tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
• Vốn góp đầu năm	2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
• Vốn góp cuối năm	2,645,000,000,000	2,645,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	66,125,000,000	-
• Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	66,125,000,000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	264,500,000	264,500,000
• Cổ phiếu phổ thông	264,500,000	264,500,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	264,500,000	264,500,000
Cổ phiếu phổ thông	264,500,000	264,500,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của Tổng công ty

	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	102,045,497,588	97,219,521,936
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6,874,279,135	6,874,279,135
	108,919,776,723	104,093,801,071

25. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	8,786,105,000	6,745,911,277
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6,446,032,200	8,435,405,000
Chi sự nghiệp	-	(6,395,211,277)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	15,232,137,200	8,786,105,000

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:	1,757,391,022	10,030,366,094
b) Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
USD	3,119,955.07	2,203,379.79
EUR	188,012.75	2,339.88
GBP	437.00	437.00
c) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
	2,345,769,952	969,210,989

27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Doanh thu bán hàng	7,443,240,118,504	4,198,306,470,773
• Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	1,562,146,867,853	1,231,032,288,203
• Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương	1,253,279,766,626	599,590,527,984
• Doanh thu bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	979,138,292,738	604,793,252,158
• Doanh thu bán các sản phẩm gạch ốp lát	1,696,487,472,387	764,740,718,831
• Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	1,776,221,361,846	901,792,385,213
• Doanh thu bán các sản phẩm bao bì, má phanh	36,382,933,708	17,332,835,337
• Doanh thu bán sản phẩm bê tông khí	45,604,601,982	15,682,572,309
• Doanh thu bán cát trắng thủy tinh	37,587,146,847	19,218,131,100
• Doanh thu từ khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	30,744,732,084	4,917,188,222
• Doanh thu bán xăng dầu	-	24,357,875,722
• Doanh thu bán hàng khác	25,646,942,433	14,848,695,694
Doanh thu cung cấp dịch vụ	500,812,485,991	184,578,749,683
• Dịch vụ cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	185,800,197,691	57,338,666,953
• Doanh thu từ các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư [1]	230,836,446,574	84,032,364,380
• Dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu xây dựng	9,847,455,503	3,062,219,859
• Dịch vụ du lịch	21,458,505,069	10,677,708,177
• Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	15,453,933,953	15,736,801,541
• Doanh thu về phí duy trì và phát triển thương hiệu [2]	1,419,167,965	1,711,493,423
• Dịch vụ khác	35,996,779,236	12,019,495,350
Doanh thu hợp đồng xây dựng	56,610,739,603	90,968,389,727
	8,000,663,344,098	4,473,853,610,183
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	63,154,568,042	48,356,990,096

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 45)

[1] Bao gồm các dịch vụ: Quản lý vận hành chung cư, Khu đô thị, Khu Công nghiệp; Dịch vụ bảo dưỡng hạ tầng Khu công nghiệp; dịch vụ cấp nước và xử lý nước thải, dịch vụ nhà trẻ, dịch vụ nhà hàng tại khu đô thị...;

[2] Là khoản phí thương hiệu (sử dụng tên gọi Viglacera và logo biểu tượng hình ngọn lửa) Tổng Công ty tính phí cho các Công ty căn cứ vào tình hình kinh doanh năm hiện tại và doanh thu của năm trước liền kề.

28. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
• Chiết khấu thương mại	163,487,702,214	74,826,133,747
• Hàng bán bị trả lại	12,617,315,216	3,257,897,483
• Giảm giá hàng bán	4,653,726,394	3,880,105,041
	180,758,743,824	81,964,136,271

29. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Doanh thu bán hàng	7,262,481,374,680	4,126,147,141,857
• Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	1,560,687,558,762	1,240,837,095,558
• Doanh thu bán các sản phẩm kính, gương	1,201,944,189,998	574,119,912,672
• Doanh thu bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	918,898,614,275	559,853,872,531
• Doanh thu bán các sản phẩm gạch ốp lát	1,629,659,579,262	750,376,954,121
• Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	1,776,221,361,846	904,730,613,107
• Doanh thu bán các sản phẩm bao bì, má phanh	36,309,338,655	17,204,230,821
• Doanh thu bán sản phẩm bê tông khí	44,781,910,518	15,682,572,309
• Doanh thu bán cát trắng thủy tinh	37,587,146,847	19,218,131,100
• Doanh thu từ khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản	30,744,732,084	4,917,188,222
• Doanh thu bán xăng dầu	-	24,357,875,722
• Doanh thu bán hàng khác	25,646,942,433	14,848,695,694
Doanh thu cung cấp dịch vụ	500,812,485,991	174,773,942,328
• Dịch vụ cho thuê bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp	185,800,197,691	47,533,859,598
• Doanh thu từ các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư	230,836,446,574	84,032,364,380
• Dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu xây dựng	9,847,455,503	3,062,219,859
• Dịch vụ du lịch	21,458,505,069	10,677,708,177
• Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	15,453,933,953	15,736,801,541
• Doanh thu về phí duy trì và phát triển thương hiệu	1,419,167,965	1,711,493,423
• Dịch vụ khác	35,996,779,236	12,019,495,350
Doanh thu hợp đồng xây dựng	56,610,739,603	90,968,389,727
	7,819,904,600,274	4,391,889,473,912

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	5,691,208,671,929	3,265,373,462,939
• Giá vốn hàng hóa bất động sản	1,307,241,722,784	959,446,518,423
• Giá vốn bán các sản phẩm kính, gương	995,360,888,609	486,233,261,722
• Giá vốn bán các sản phẩm sứ, sen vòi và phụ kiện	657,033,044,884	454,664,715,962
• Giá vốn bán các sản phẩm gạch ốp lát	1,207,298,904,837	569,605,795,719
• Giá vốn bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung	1,399,234,311,554	715,695,656,103
• Giá vốn bán các sản phẩm bao bì, má phanh	30,959,275,015	14,184,836,609
• Giá vốn bán sản phẩm bê tông khí	32,751,001,495	9,772,929,046
• Giá vốn bán cát trắng thủy tinh	22,843,823,366	13,288,993,513
• Giá vốn hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản	22,624,419,395	5,387,580,272
• Giá vốn bán xăng dầu	-	25,218,938,447
• Giá vốn bán hàng khác	15,861,279,990	11,874,237,123
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	357,370,168,124	109,805,867,000
• Giá vốn dịch vụ cho thuê Bất động sản, hạ tầng	110,507,855,375	25,298,561,923
• Giá vốn các dịch vụ liên quan tới quản lý, vận hành các khu công nghiệp, khu đô thị, chung cư	168,907,846,589	49,447,424,400
• Giá vốn dịch vụ tư vấn xây dựng và thí nghiệm vật liệu XD	7,985,271,920	1,660,379,181
• Giá vốn dịch vụ du lịch	22,340,077,457	10,163,325,166
• Dịch vụ lắp đặt khung nhôm, vách kính, các loại cửa	12,904,039,479	12,525,129,103
• Giá vốn dịch vụ khác	34,725,077,304	10,711,047,227
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	48,895,182,369	83,168,695,108
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5,550,433,063	2,955,718,986
	6,103,024,455,485	3,461,303,744,033

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20,326,161,946	20,801,201,304
Lãi bán các khoản đầu tư	4,500,000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,005,796,929	85,652,957
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2,743,507,666	980,464,346
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2,689,051,458	667,119,454
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2,414,384,473	838,903,008
Doanh thu hoạt động tài chính khác	72,444,480	-
	32,255,846,952	23,373,341,069

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Lãi tiền vay	161,134,244,197	89,043,511,954
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	32,016,069,400	15,663,969,483
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4,102,275,970	1,997,341,025
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1,373,673,443	705,468,596
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(453,518,699)	(700,017,929)
Chi phí tài chính khác	332,726,184	1,442,924,460
	198,505,470,495	108,153,197,589

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19,693,463,704	5,624,430,022
Chi phí nhân công	70,498,765,465	27,156,096,937
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	14,490,191,665	2,099,444,728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,759,791,956	614,976,279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251,054,780,261	146,843,008,938
Chi phí khác bằng tiền	179,677,168,092	81,094,642,154
	537,174,161,143	263,432,599,058

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10,997,937,852	8,200,600,039
Chi phí nhân công	166,502,795,353	81,901,687,967
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2,189,038,676	2,407,869,236
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33,995,974,211	16,683,544,742
Thuế, phí và lệ phí	23,468,292,880	13,542,556,118
Chi phí dự phòng	14,983,373,332	21,091,619,639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53,878,010,419	34,094,383,507
Chi phí khác bằng tiền	128,104,995,147	75,770,905,135
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	10,000,000,000	-
Lợi thế thương mại	692,311,532	346,155,766
	444,812,729,402	254,039,322,149

35. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1,033,855,600	17,835,909,611
Thu nhập từ bán vật tư cho công trình	5,257,266,838	9,737,345,814
Thu nhập từ bán dầu Diesel, dầu máy, dầu thủy lực	504,703,809	191,717,085
Thu từ bán phế phẩm, thanh lý vật tư	2,759,169,926	1,412,869,051
Thu từ xử lý công nợ	999,418,826	224,436,996
Lãi vay được miễn giảm	29,815,103,280	1,142,600,271
Thu nhập từ tiền bồi thường do nhà nước thu hồi đất	1,400,888,870	-
Tiền thuê đất được miễn giảm	58,130,541	383,817,459
Thu từ các dịch vụ cho thuê nhà, điện, nước	16,659,660,667	6,815,185,694
Thu nhập khác	4,516,733,686	2,711,392,135
	63,004,932,043	40,455,274,116

36. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	964,476,413	12,938,751,185
Chi phí bán phế phẩm, thanh lý vật tư, công cụ không sử dụng	5,456,555,299	10,231,883,375
Giá vốn của vật tư bán cho công trình	2,471,639,838	9,576,424,010
Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	1,460,528,436	1,677,995,339
Thuế truy thu và các khoản phải nộp ngân sách khác	40,305,414,173	3,214,612,655
Trích trước dự phòng phải trả ngân sách nhà nước	59,095,577,685	-
Chi phí lãi chậm nộp Bảo hiểm	2,782,990,223	2,175,609,444
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi khác trong giai đoạn ngừng sản xuất để sửa chữa	7,180,008,025	1,422,743,593
Xử lý công nợ và quyết toán số liệu các chi nhánh ngừng hoạt động	2,482,226,928	-
Chi phí các dịch vụ cho thuê nhà, điện, nước	13,848,237,218	3,693,664,725
Chi phí khác	4,743,290,749	3,806,544,763
	140,790,944,987	48,738,229,089

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Công ty mẹ	64,978,958,930	41,676,408,881
Công ty Cổ phần Bao bì và má phanh Viglacera	25,248,349	-
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	-	1,752,520,146
Công ty Cổ phần Tư vấn Viglacera	232,833,915	172,142,777
Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	3,656,023,543	811,711,773
Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	10,710,199,441	5,580,209,380
Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera	3,769,896,283	1,066,978,802
Công ty Cổ phần Viglacera Vân Hải	1,022,453,134	339,241,153
Công ty Cổ phần Khoáng sản Viglacera	311,130,891	-
Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì	658,422,182	236,807,014
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	28,691,233,563	12,001,459,016
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	2,934,034,979	-
Công ty Cổ phần Vinafacade	79,717,204	143,159,366
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch Ốp lát Viglacera	766,888,073	243,048,023
Công ty TNHH MTV Lắp dựng Kính Viglacera	83,799,427	-
	117,920,839,914	64,023,686,331

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	395,291,164	247,728,846
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	395,291,164	247,728,846
b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(147,562,318)	(247,728,846)
	(147,562,318)	(247,728,846)

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Lợi nhuận thuần sau thuế	327,795,050,641	218,225,619,503
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	327,795,050,641	218,225,619,503
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	264,500,000	264,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,239	825

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,150,639,629,808	2,108,400,592,433
Chi phí nhân công	1,204,070,081,857	639,204,040,873
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	136,378,567,505	86,245,281,810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	416,999,260,301	191,871,049,904
Thuế, phí và lệ phí	23,409,748,041	16,328,085,934
Chi phí dự phòng	14,983,373,332	20,553,991,804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	763,985,179,250	469,354,264,663
Chi phí khác bằng tiền	653,528,319,635	393,636,303,174
	6,363,994,159,729	3,925,593,610,595

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán				
31/12/2015 (VND)			1/1/2015 (VND)	
	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	708,453,871,600	-	1,026,375,030,780	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,483,872,859,424	(116,066,842,268)	1,398,336,209,480	(96,058,719,361)
Các khoản cho vay	12,477,975,465	-	2,423,949,094	-
Đầu tư dài hạn	12,346,709,835	(1,653,204,027)	10,780,986,297	(2,106,722,725)
	2,217,151,416,324	(117,720,046,295)	2,437,916,175,651	(98,165,442,086)
31/12/2015 (VND)			1/1/2015 (VND)	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ		2,240,357,322,575		2,508,211,877,234
Phải trả người bán, phải trả khác		1,483,522,400,046		1,653,024,878,058
Chi phí phải trả		696,975,298,663		1,243,017,665,455
		4,420,855,021,284		5,404,254,420,747

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Trên 1 năm đến 5 năm (VND)	Trên 5 năm (VND)	Cộng (VND)
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	708,453,871,600	-	-	708,453,871,600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,159,240,657,532	208,565,359,624	-	1,367,806,017,156
Các khoản cho vay	12,295,675,465	182,300,000	-	12,477,975,465
Đầu tư dài hạn	-	10,693,505,808	-	10,693,505,808
Cộng	1,879,990,204,597	219,441,165,432	-	2,099,431,370,029
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,026,375,030,780	-	-	1,026,375,030,780
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,093,633,372,359	208,644,117,760	-	1,302,277,490,119
Các khoản cho vay	2,241,649,094	182,300,000	-	2,423,949,094
Đầu tư dài hạn	-	8,674,263,572	-	8,674,263,572
Cộng	2,122,250,052,233	217,500,681,332	-	2,339,750,733,565

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Trên 1 năm đến 5 năm (VND)	Trên 5 năm (VND)	Cộng (VND)
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	1,429,033,458,824	811,323,863,751	-	2,240,357,322,575
Phải trả người bán, phải trả khác	1,443,262,341,867	40,260,058,179	-	1,483,522,400,046
Chi phí phải trả	685,445,692,646	11,529,606,017	-	696,975,298,663
	3,557,741,493,337	863,113,527,947	-	4,420,855,021,284
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	1,514,928,290,350	993,283,586,884	-	2,508,211,877,234
Phải trả người bán, phải trả khác	1,621,259,768,300	31,765,109,758	-	1,653,024,878,058
Chi phí phải trả	1,236,442,134,398	6,575,531,057	-	1,243,017,665,455
	4,372,630,193,048	1,031,624,227,699	-	5,404,254,420,747

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

42. THÔNG TIN KHÁC

Tại văn bản số 1906/BXD-QLDN ngày 26/08/2015, Bộ Xây dựng đã chấp thuận chủ trương phát hành cổ phần ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Viglacera - CTCP từ 2.645 tỷ đồng lên 3.070 tỷ đồng căn cứ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Tổng Công ty Viglacera - CTCP.

Tại văn bản số 2329/BXD-QLDN và 2329/BXD-QLDN ngày 08/10/2015, Bộ Xây dựng đã chấp thuận chủ trương thoái toàn bộ vốn của Tổng Công ty Viglacera - CTCP tại Công ty Cổ phần Giấy Tây Đô và Công ty Cổ phần Thủy tinh Gò Vấp theo phương thức đấu giá công khai. Ngày 22/10/2015, tại Nghị quyết số 147/TCT-HĐQT và số 148147/TCT-HĐQT, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã nhất trí thông qua phương án thoái vốn đối với 02 công ty này.

43. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 14/01/2016, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 109/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng hai lô E, F thuộc khu công nghiệp Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Chủ đầu tư thực hiện dự án là: Tổng Công ty Viglacera - CTCP. Quy mô dự án: Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trên diện tích dự kiến 31 ha. Tổng nguồn vốn đầu tư của dự án: 178.745.000.000 đồng (trong đó: vốn góp để thực hiện dự án: 53.623.000.000 đồng do Tổng Công ty Viglacera - CTCP góp trong 2 năm 2016 - 2017). Thời gian thực hiện dự án 49 năm kể từ ngày ký quyết định chủ trương đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án: hoàn thành thực hiện đầu tư kinh doanh hạ tầng vào tháng 9/2016.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

44. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Nhóm bất động sản và xây dựng (VND)	Nhóm Kính, sứ, sen vôi, phụ kiện (VND)	Nhóm gạch ốp lát (VND)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,059,236,332,086	2,120,842,804,273	1,629,659,579,262
Giá vốn của hàng bán	1,656,441,918,516	1,652,393,933,493	1,207,298,904,837
Lợi nhuận gộp	402,794,413,570	468,448,870,780	422,360,674,425
Tổng chi phí mua TSCĐ	493,968,687,309	76,728,328,003	189,232,531,618
Tài sản bộ phận	9,411,919,686,712	1,650,424,594,919	1,247,750,385,494
Tài sản không phân bổ			
Tổng Tài sản	9,411,919,686,712	1,650,424,594,919	1,247,750,385,494
Nợ phải trả của các bộ phận	7,265,214,415,956	1,447,512,171,158	999,001,047,356
Tổng nợ phải trả	7,265,214,415,956	1,447,512,171,158	999,001,047,356

45. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết	43,654,743,232	21,402,943,500
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	414,392,279	95,506,000
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	189,255,000	147,562,693
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	18,768,564,531	26,687,810,002
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	Công ty liên kết	127,613,000	23,167,901
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	-	92,833,250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	2,921,908,294	293,209,540
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đường	Công ty liên kết	452,037,309	-
Cổ tức được chia			
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết	3,688,942,429	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết	2,982,600,329	2,670,606,379
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	175,561,821	266,876,497
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	3,997,190,060	3,874,419,560
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	840,302,531	427,787,900

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Nhóm gạch, ngói đất sét nung (VND)	Các bộ phận khác (VND)	Loại trừ (VND)	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp (VND)
1,776,221,361,846	233,944,522,807	-	7,819,904,600,274
1,399,234,311,554	187,655,387,085	-	6,103,024,455,485
376,987,050,292	46,289,135,722	-	1,716,880,144,789
165,418,947,862	8,008,481,348	-	173,427,429,210
1,479,596,215,857	303,106,214,855	(2,684,390,049,624)	11,408,407,048,213
			254,498,137,974
1,479,596,215,857	303,106,214,855	(2,684,390,049,624)	11,662,905,186,187
1,068,268,127,940	216,517,434,107	(2,635,346,228,959)	8,361,166,967,558
1,068,268,127,940	216,517,434,107	(2,635,346,228,959)	8,361,166,967,558

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2015 (VND)	1/1/2015 (VND)
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	4,337,526,104	4,183,951,804
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	315,209,899	59,812,304
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	40,000,000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	134,112,000	134,112,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	Công ty liên kết	25,922,378,037	71,816,620,996
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	1,740,265,729	2,624,581,707
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Công ty liên kết	5,398,552	227,178,037
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Sơn	Công ty liên kết	67,641,700	67,641,700
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long I	Công ty liên kết	586,885,096	374,331,387
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015 (VND)	Từ 22/07/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		5,603,914,640	1,834,562,673

46. SỐ LIỆU SO SÁNH

Tổng Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty cổ phần vào ngày 22/07/2014, do vậy số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm trước và các thuyết minh tương ứng là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 22/07/2014 đến ngày 31/12/2014.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh
121	Đầu tư ngắn hạn	2,241,649,094
135	Các khoản phải thu khác	280,005,309,949
141	Hàng tồn kho	3,688,391,752,061
158	Tài sản ngắn hạn khác	67,253,627,451
218	Phải thu dài hạn khác	4,050,000,000
227	Tài sản cố định vô hình	-
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	206,158,218,098
258	Đầu tư dài hạn khác	10,463,286,297
261	Chi phí trả trước dài hạn	381,640,159,764
268	Tài sản dài hạn khác	5,844,012,252
316	Chi phí phải trả	1,292,204,719,524
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	443,260,061,016
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	260,611,745
337	Dự phòng phải trả dài hạn	
338	Doanh thu chưa thực hiện	2,615,667,724,585
417	Quỹ đầu tư phát triển	81,519,506,208
418	Quỹ dự phòng tài chính	15,700,015,728

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh	Thay đổi
			(2,241,649,094)
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	141,649,094	141,649,094
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2,100,000,000	2,100,000,000
136	Phải thu ngắn hạn khác	147,897,946,437	(132,107,363,512)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	610,885,455	610,885,455
141	Hàng tồn kho	3,688,391,752,061	-
155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(67,253,627,451)
216	Phải thu dài hạn khác	208,644,117,760	204,594,117,760
227	Tài sản cố định vô hình	103,843,478,166	(7,152,318,497)
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	205,658,218,098	(500,000,000)
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10,780,986,297	317,700,000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	182,300,000	182,300,000
261	Chi phí trả trước dài hạn	388,792,478,261	7,152,318,497
268	Tài sản dài hạn khác	-	(5,844,012,252)
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	1,236,442,134,398	(55,762,585,126)
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	45,354,254,345	45,354,254,345
319	Phải trả ngắn hạn khác	397,228,775,542	(46,031,285,474)
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	56,853,154,952	56,592,543,207
333	Chi phí phải trả dài hạn	6,575,531,057	6,575,531,057
342	Dự phòng phải trả dài hạn	38,625,796,336	38,625,796,336
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2,570,313,470,240	(45,354,254,345)
418	Quỹ đầu tư phát triển	97,219,521,936	15,700,015,728
			(15,700,015,728)

Sau khi thực hiện chuyển đổi sổ dư theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, Tổng Công ty thực hiện tính toán và điều chỉnh hồi tố khoản dự phòng phải trả Ngân sách Nhà nước giai đoạn công ty nhà nước (như đã nêu tại Thuyết minh số 22) và giảm chi phí phân bổ của dự án Xuân Phương theo kết quả thanh tra thuế năm 2014, cụ thể:

		Sau điều chỉnh (VND)	Trước điều chỉnh (VND)	Chênh lệch (VND)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
136	Phải thu ngắn hạn khác	237,952,715,175	147,897,946,437	90,054,768,738
141	Hàng tồn kho	3,695,327,586,024	3,688,391,752,061	6,935,833,963
319	Phải trả ngắn hạn khác	393,195,106,775	397,228,775,542	(4,033,668,767)
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	150,941,592,457	56,853,154,952	94,088,437,505
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	75,061,752,116	68,125,918,153	6,935,833,963
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
11	Giá vốn hàng bán	3,461,303,744,033	3,468,239,577,996	(6,935,833,963)

Người lập biểu



Lê Ngân Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Loan

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn



